



HUẾ TRONG TRÍ NHỚ

HUẾ CỔ ĐÔ VĂN HÓA

NGUYỄN VĂN XUÂN

THƯƠNG VỀ CÂU HÒ TIẾNG

HÁT CỦA XỨ HUẾ XINH XINH

VŨ BẢNG

CÔ GÁI HUẾ

NGỌC GIAO

HUẾ TRÊN BƯỚC ĐƯỜNG VIỄN DU

TỪ TÂM TƯỢNG ĐẾN HIỆN TẠI

PHAN NHỰ THỨC

HUẾ HÔM NAY

TRỊNH CÔNG SƠN

Thơ Truyện Về Huế

Lưu Trọng Lư ● Thế Viên ● Luân Hoán ● Võ Quê ● Lưu Trọng Lư
● Trần Hoài Thư ● Khắc Minh ● Lê Nghiêm Vũ

văn HỌC



NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NHÂN VĂN
PHÊ BÌNH ● SÁNG TÁC ● NGHỆ THUẬT

Xin cảm ơn Anh Nguyễn Hoàng Quân đã tặng chúng tôi
bản chụp giai phẩm quý hiếm này,
Vì chụp từ camera chứ không scan nên *Nội dung*
kỹ thuật về hình thức không đạt như mong muốn. Xin
quí bạn hoan hỉ bỏ qua

NGUYỄN VĂN XUÂN

VŨ BẢNG

PHAN NHỰ THỨC

VÕ QUÊ

LUÂN HOÁN

THẾ VIÊN

KHẮC MINH

TRẦN HOÀI THƯ

LÊ NGHIÊM VŨ

NGUYỄN ĐỨC NHÂN

HÀ HUYỀN HOA

LA NGUYỄN

NGUYỄN VĂN

XUÂN HỮU

THANH THANH

TRẦN HỮU NGHIÊM

TRỊNH CÔNG SƠN

SƯƠNG BIÊN THUY

LƯU TRỌNG LƯ

TRẦN XUÂN KIÊM

NGỌC GIAO

THÁI BẠCH

Ứng Hoè NGUYỄN VĂN TỐ

VĨNH LỘC

HÌNH BÌA : Đêm sông Hương ở Huế

* Chủ trương biên tập : PHAN KIM THỊNH

* Quản lý : Cô NGUYỄN PHƯƠNG KHANH

* Phòng văn, xưởng in : 50 Khu C - Làng Bão Chi

Xã An Phú - Thủ Đức - Gia Định Đ.T : 99.324

* Liên lạc và thư về : 449B Hai Bà Trưng - Quận 3 - SAIGON

Đ.T : 41-265

HUẾ, CỔ ĐÔ VĂN HÓA

(Cổ đô Huế còn khả năng cung cấp
những tài liệu nào cho Văn Học Việt Nam ?)

Nhắn tin :

Muốn được liên lạc với con cháu dòng họ Nguyễn, hữu Thân làm thượng thư bộ lại đời Gia Long, quê làng Đại hòa, huyện Hải Lăng—Quảng trị. Và cần liên lạc với những cựu viên chức Tòa khâm Thiên giám đời Bảo Đại như ông Hoàng Đan để thu thập tài liệu.

Rất mong được mách giúp địa chỉ những người liên hệ trên.

Xin liên lạc với ông HOÀNG XUÂN HÂN

địa chỉ : Tòa báo Sử Địa.

58 Théophile Gautier Paris 16^e

Trên đây là một vụ nhắn tin nhỏ trên tạp chí Sử Địa số 17, 18 năm 1970.

Vụ nhắn tin riêng ấy của học giả Hoàng xuân Hân là chuyện của ông thì nhắc làm gì ? Sở dĩ tôi nhắc lại vì ông Hoàng xuân Hân là một nhà biên khảo có những thành tích và cố gắng ít khi thấy ở Miền Nam. Nay ông ở Pháp đã thu thập nhiều tài liệu quý báu thì cái vụ nhắn tin để liên lạc nghiên cứu, học hỏi này của ông cho chúng ta thấy một sự kiện rất quan trọng:

Huế, cổ đô văn hóa đã là nơi tàng trữ nhiều tài liệu hết sức giá trị mà các học giả chân chính đến nay vẫn tìm cách liên lạc để thu thập tài liệu.

Nhưng Huế, sau Mậu Thân có còn gì không ? Trước Mậu Thân, quả thật Huế còn là nơi hứa đựng nhiều tài liệu đáng cho những ai muốn biên khảo phải ao ước. Sự thật, sau kháng

Trong Văn Học số này chúng tôi cũng kết thúc bài biện khảo giá trị về văn học của Ứng Hoè Nguyễn văn Tố Phê bình tác phẩm Thi văn bình chú của Ngô Tất Tố.

Văn Học kỳ sau sẽ là chủ đề viết về nhà văn Tô Hoài, một nhà văn đã được liệt kê trong chương trình giáo khoa đề học sinh đem ra tranh thuyết, trong giờ luận văn về hai khía cạnh Tô Hoài viết chuyện loài vật, và Tô Hoài viết chuyện tuổi thơ. Vì cả hai khía cạnh trên, cùng cần thiết cho học sinh dùng làm tài liệu nên chúng tôi đã quyết định thực hiện hai chủ đề về Tô Hoài để bạn đọc có hoàn cảnh đón nhận Văn Học một cách dễ dàng.

VĂN HỌC

HUẾ, CỔ ĐÔ VĂN HÓA

(Cổ đô Huế còn khả năng cung cấp
những tài liệu nào cho Văn Học Việt Nam ?)

Nhắn tin :

Muốn được liên lạc với con cháu dòng họ Nguyễn hữu Thân làm thượng thư bộ lại đời Gia Long, quê làng Đại hòa, huyện Hải Lăng—Quảng trị. Và cần liên lạc với những cựu viên chức Tòa khâm Thiên giám—đời Bảo Đại như ông Hoàng Đan để thu thập tài liệu.

Rất mong được mách giúp địa chỉ những người liên hệ trên.

Xin liên lạc với ông HOÀNG XUÂN HÂN

địa chỉ : Tòa báo Sử Địa.

58 Théophile Gautier Paris 16^e

Trên đây là một vụ nhắn tin nhỏ trên tạp chí Sử Địa số 17, 18 năm 1970.

Vụ nhắn tin riêng ấy của học giả Hoàng xuân Hân là chuyện của ông thì nhắc làm gì ? Sở dĩ tôi nhắc lại vì ông Hoàng xuân Hân là một nhà biên khảo có những thành tích và cố gắng ít khi thấy ở Miền Nam. Nay ông ở Pháp đã thu thập nhiều tài liệu quý báu thì cái vụ nhắn tin đề liên lạc nghiên cứu, học hỏi này của ông cho chúng ta thấy một sự kiện rất quan trọng:

Huế, cổ đô văn hóa đã là nơi tàng trữ nhiều tài liệu hết sức giá trị mà các học giả chân chính đến nay vẫn tìm cách liên lạc để thu thập tài liệu.



Nhưng Huế, sau Mậu Thân có còn gì không ? Trước Mậu Thân, quả thật Huế còn ả... hứa đựng nhiều tài liệu đáng cho những ai muốn biên khảo phải ao ước. Sự thật, sau kháng

chiến năm 1947, kho tàng vĩ đại về sách ở Huế đã bị di tản bị vứt bỏ, bán làm giấy hút thuốc, dành cho lính Pháp đốt phá... Thân mình còn không giữ nổi thì làm sao giữ được những vật ngoại thân? Nhưng cái nghề con nhà giàu dù nát giở cũng còn bờ tre nên qua bao nhiêu biến cố khủng khiếp mà ghê gớm không thua cuộc kháng chiến là trận đại nông thủy (lụt) trước 1954 và trận Mậu Thân (1968) mới đây, phụ họa chiến tranh, đã tiêu hủy đến tàn nhẫn, đến tối vô tình những gì của một cố gắng trên bốn, năm thế kỷ đầu hoạch được thì Huế ra sao?

Trước Mậu Thân, dòng Thiên An vẫn giữ nguyên những khối sách lớn lao, quý báu, vô giá giữa lửa đạn ngút trời, của các linh mục Pháp nhiều đời lưu lại. Ở Huế, ai nghe đến dòng này cũng đều đặt nhiều hy vọng: rủi không tìm được ở đâu ra sách này, sách nọ, có thể lên Thiên An may ra thì còn. Thiên An có cả những sách liên quan V.N mà trong thế giới không mấy nơi nào giữ được. Đại học Huế bấy giờ cũng chưa phải là cái chùa không.

Vẫn còn ông bạn Bửu Kế ngồi đó sờ mó những cò thư quý báu. Tôi nhớ ngày tôi ra Huế, ông còn chỉ cho tôi xem những Châu bản Triều Nguyễn, trước khi được đưa chúng lên Đà Lạt nghỉ mát, tránh nạn mỗi một, tai họa khủng khiếp của loài sách cũ.

Vào thời đó, những đại gia Huế chưa bỏ cố đô để chạy vào các tỉnh miền Nam trú ẩn. Cho nên nếu tìm một cuốn sách hiếm hoi nào đó, nhà nghiên cứu có thể đảo quanh một vòng với một vài ông bạn địa phương, có hy vọng tìm ra được sách ấy không khó khăn lắm. Nhà nghiên cứu, nhất là ở các tỉnh khi về Huế, bất ngờ dỡ một tủ sách của một đại gia nào đó thường phải giật mình: họ có thể tìm thấy những tên sách tưởng chỉ còn lưu lại « kỷ niệm » trong các tập văn học sử. Hoặc tìm thấy nhan đề nhiều quyển sách thật lạ, in trong nước hoặc chép tay mà không bao giờ được văn học sử nhắc tới.

Vào thời kỳ này, nếu có một ban nghiên cứu hùng hậu của một cơ quan Văn Hóa (như Viện đại học chẳng hạn) thì chắc nhiều sách quý, sách lạ ở Huế chưa đến nỗi bị mất, hay ít ra cũng còn lưu lại cái tên cho văn học sử.

Quả thật cổ đô Huế, giống như một nhà đại lực sĩ, tuy bị đánh bại nhiều lần, song cốt cách vẫn còn làm khiếp thiên hạ! Chỉ đáng thương là tài năng uy danh ấy không mấy nhà nghiên cứu địa phương lưu ý. Nhất là những người trẻ.

Thế rồi, dùng một cái Mậu thân nổi lên, dân chạy loạn mặc sức tác oai tác quái. Những cỗ thư quý nhất bị vứt từng đồng vào bếp, nghĩa là dùng những món hàng vô giá, hàng ngàn, hàng vạn, hàng triệu bạc để nấu những nồi cơm giá đáng mấy chục, mấy trăm đồng! Ngọn lửa bạo Tăn của chính nhân dân muốn đốt sạch cả di vãng vàng son của Huế...

●

Sau Mậu Thân, Huế cổ gương đứng lên. Nhà đại lực sĩ xuống cân, bây giờ còn như cụt mất một chân, một tay, không còn ra hình thù nào nữa.

Thư viện Huế trống trơn. Dòng Thiên An nghe đâu bị cháy một phần. Những đại gia lừng lẫy cuối cùng tản cư hay di tản; sách vở quý của họ hoặc bị đốt hoặc theo họ lưu lạc tới phương nào.. Tôi tới Huế, đi thăm những nơi biết xưa kia có nhiều sách vở, nay chỉ thấy bàn ghế mốc meo. Thật chẳng khác chàng Kim trở lại Vườn Thúy...

☞ Nhưng tôi chưa thất vọng, vẫn tìm kiếm trong cái cơ thể rã rời của Huế, tôi đã thử đi nơi đây, nơi đó để tìm những tài liệu dành cho công cuộc nghiên cứu tuồng của tôi, tôi bỗng nhận thấy đại lực sĩ Huế, tuy nay là phế nhân, mà vẫn còn cái uy thừa đáng kể. Vì sao? Vì sự phong phú của Huế về văn học xưa kia không phải chỉ dành cho các cơ sở lớn lao, danh tiếng thôi mà phổ biến ra muôn nhà. Tôi lấy cái tỉ dụ này ai cũng dễ nhận thấy! Quảng Nam, Đà Nẵng, Bình Định là những khu vực có nhiều đại gia có lắm con em tên tuổi sự phong phú (và nay gần như hoàn toàn sụp đổ). Vậy mà có bao nhiêu gia đình sắm những đồ cổ: chén bát xưa, độc bình, ché, bình trà độc ẩm... ngay thời vàng son của họ? Thế mà ở Huế nhà vào hạng tầm thường cũng có thể tìm thấy đó đây một bát

nhân sứ một cái khay cần xa cừ, một cái bàn gỗ tiện, chằm công phu vút ở xó hè, trong cái cũi bát... Tôi đã từng tới nhà một ông cựu giám thị trường thấy có biết bao nhiêu đồ cổ và riêng cái món bình trà chén trà song âm, độc âm những :

Thứ nhất Thái Đức gan gà

Thứ nhì Ban bội, thứ ba Mạnh Thần.

có đủ, có thừa, khả dĩ làm cho một Nguyễn Tuân phải gục gặt vào thuở .Vang bóng một thời, chớ đâu phải vào thời đúng ta giữa khu vườn có trăm loại hoa hồng tỏa hương thơm ngát... Thế thì sách vở ở Huế cũng thế đấy. Tôi không rõ người Huế có hay đọc sách không. Nhưng sắm sách thì tôi công nhận là có. Mà giữ sách thì, trung bình, họ hơn xa các vùng khác. Điều ấy có lẽ duyên do vì người Huế hay đi làm quan các tỉnh. Thời 1945-1954, trong vùng KC — thời cách mạng—là ít nghe tiếng Huế trên cương vị lãnh đạo, chớ trước và sau đó, hễ nơi nào có chức, có quyền có quan to, quan nhỏ là chỉ nghe rất tiếng Huế ! Vì làm quan nhiều nên các quan Huế ngoài việc thu thập những bảo vật khác ở các địa phương, còn mang về cổ đồ những sách vở quý lạ của thập phương. Còn các quan lớn ở Huế trong nhà thường có nuôi nhiều thư ký hay *thu thư* dùng để biên viết, ghi chép. Thời ấy, lương một thu thư rẻ mạt và công việc của họ quanh năm là chỉ chép sách. Cứ có sách nào hay, chưa ăn loét hay mua bản in không được thì mượn về các thu thư thông thả chép; xong cuốn này tới cuốn khác, quanh năm, suốt đời...

Bởi lẽ đó, thành phố Huế đã là một kho sách vĩ đại. Nhiều... Huế. Nhưng tôi chưa tin, nếu xét về cổ thư Việt Nam. Vì như tôi nói, không kể hoàng gia, ở Huế có trăm, ngàn, vạn, ức các quan to quan nhỏ, kế tiếp nhau từ thế hệ này sang thế hệ khác. Vậy so sánh một thư viện còn thua, chớ cộng muôn nhà, số lượng ư qua lớn, lại có nhiều sách lạ, và là sách thật, không phải sách giả như ở Bắc Cò — có bán cho ai mà phải giả (1) — thì khó tin là Bắc Cò hơn được Huế nổi !

(1) Xin xem lại Nguyễn thiếu Dũng, những bài nhận xét về sách giả mạo của Bắc Cò Viên đông trong Bách Khoa,

Tôi nói thí dụ riêng ngành tuồng tôi nghiên cứu. Tôi sẽ có bài nói kỹ hơn, bây giờ xin sơ lược vài điều : Sau Mậu Thân, tôi tìm vào một đại gia nọ để kiểm tuồng. Tôi đã mang được đồng sách ngồn ngang, dán nhấm, một ăn, ẩm ướt về trong hai bao tải thì riêng tên những bộ tuồng còn lưu lại, có khi một quyển, có khi, năm, ba, có khi cả trên trăm cuốn) cũng đã lên đến con số đáng kể : trên 30 cuốn. Các bạn thấy con số đó nhỏ, (1) nhưng thử tưởng tượng các tuồng Tam Quốc, Phong Thần, Phong lôi tháp, Tây Du, Ngũ Hồ, thí dụ chỉ năm bộ thôi, mỗi bộ đều trên một trăm cuốn, mỗi cuốn ít ra phải chép cả tuần mới xong thì hết bao nhiêu ngày : 1 cuốn : 7 ngày; 100 cuốn : 700 ngày : hai năm trời. Cho dầu thời gian đó rút gọn lại với tốc lực tối đa là một năm thì năm bộ kia cũng phải mất năm năm làm việc liên miên ! Ở Huế có bao nhiêu gia đình có những bộ tuồng tràng giang đó ? Và thật sự, thư tịch tuồng đã ghi tên bao nhiêu bộ tuồng ? Tôi không thể ước lượng mà chỉ biết là nhiều, nhiều lắm lắm. Ngày nay nhiều bộ tuồng đến cái tên cũng không còn dù đã có nhiều thời vang danh thiên hạ. Nhân đây tôi, xin chép lại một giai thoại về tuồng Vạn Bửu Trình Trường, do Vương Hồng Sển kể cho Hồ Hữu Tường :

Tôi được đi dạy ở Đại Học Huế ! Có người mách cho tôi bà cụ ấy (một người Huế) có rương sách nọ. Tôi đến xin phép xem. Thật là vô giá. Trong số tuồng ấy, có cả tuồng Vạn Bửu Trình Trường, mà bấy lâu, ai cũng cho rằng đã mất rồi. Tôi trả giá, nói rằng đề thuyết phục cho nhà nước mua lại để làm của quốc bảo. Bà chịu bán với giá 100 000đ. Về Saigon tôi ra mắt người hữu quyền, năn nỉ đề xuất số tiền ấy. Thì vị nọ bảo rằng vô ích. Đời này còn ai đọc được chữ nôm, và mấy ai thưởng thức hát bội, thì mua rương tuồng hát bằng chữ nôm này dùng vào chỗ nào. Chẳng dè chẳng bao lâu sau đó, người Pháp nghe nói đến cái kho tàng văn hóa vô giá đó, cho người lên ra Huế, mua với giá một triệu đồng,

(1) Một người ở Quảng Nam, có tiếng là giỏi tuồng, rành tuồng Nôm; chỉ đọc được chừng dưới 10 bộ tuồng và mỗi bộ nhiều nhất là 4,5 cuốn.

lời cho mang về Pháp (Đông phương 17).

Báo hại ông Hồ hữu Tường khi sang Ba - lê phải mò mẫm, dò xét cho thấy mặt bộ ấy ra sao để thỏa lòng ngưỡng vọng từ trẻ rồi cuộc chỉ nghe là một nhân viên École Française d'Extrême-Orient (Viện Đông bắc cổ) đã mua về, chưa khai ra. Và ông khuyên các bạn thanh niên làm luận án tiến sĩ đừng quên tưởng ấy.

Ấy đó, một bộ tưởng ở Huế mà có sức thu hút một nhà văn như thế, có thể bán với giá một triệu bạc thời trước đây chục năm thì độc giả có thể ước lượng giá trị nó ra sao.

Sự thật, tưởng Vạn Bửu Trình Tường chưa phải mất hẳn ở Việt Nam đâu. Chứng minh là ít ra, tôi còn giữ được sáu cuốn (trong số 72 cuốn). Mà cũng không phải không ai biết rồi tưởng là đã mất đâu. Nhiều người rất hay nhắc. Tôi cũng hay nhắc tới trong các bài nghiên cứu tưởng trong Tân văn tạp chí... Và hồi còn dạy ở Văn Khoa Huế, tôi đã từng diễn thuyết tưởng này ở Đại học Sư Phạm, nay bài diễn thuyết ấy tôi vẫn còn giữ.

Tôi kể sơ vài điểm về tưởng để độc giả nghe cho vui và biết cái phong phú vô song của nền văn học này ở miền Trung, ở Huế. Tôi dám nói: về văn học trong tương lai, riêng ngành tưởng, phải có cả một ban khai thác lâu năm mới xong. Và nếu lập một phòng riêng cho ngành ấy trong một thư viện lớn của quốc gia, nó vượt hết các ngành sáng tác tân cựu xa lắm, ngoại trừ tiểu thuyết mà tôi không ước được số lượng (1).



Cũng sau Mậu Thân, sau khi chiến tranh và nhất là bàn tay người chạy loạn tàn phá, tiêu diệt sách vở ở Huế xong, tôi thử đi vào một số gia đình để thử tìm xem còn lại những sách vở nào? ngoài loại tưởng mà tôi mới nhắc trên kia.

Tôi đã đi. Đã thấy. Tôi xin thuật sơ qua kết quả một chuyến

(1) Chẳng hạn, về Tam Quốc, tuy nó theo từng hồi diễn ra tưởng song thực tế, mỗi hồi đã tự trở thành một tưởng độc lập, tức là 1 tác phẩm khi đóng lên.

viếng thăm :

Nguyên có một anh giáo sư trẻ nọ, bạn vong niên của tôi, bảo tôi :

— Mời thầy về nhà tôi chơi. Tôi còn ít sách của cha tôi để lại. Thầy muốn lấy gì thì lấy.

Tôi tìm tới nhà anh, ban đêm. Tôi được mẹ anh dẫn cho xem những hăng sắc mà vua ban cho các ông, cha anh. Gia đình anh không phải vọng tộc, song số bằng, sắc khá nhiều, có thể cung ứng nhiều diễm cho lịch sử. Tôi khi dỡ sách ra thì tôi mới ngả ngửa không có tủ. Chỉ có một cái bồ lớn. Bồ vắt ở trước cửa nhà. Bồ thường (chờ không tốt) là nơi tốt nhất để mỗi một sinh nhai. Sách nằm trong bồ ấy chắc chỉ là những đám giấy lộn.

Chúng tôi từ từ dỡ sách ra, phủ bụi. Một số lớn là những loại sách in ở Huế đô cũ, như Tự Đức Thánh chế văn, thư v.v... nói chung, là loại sách các tỉnh khác kể cả Saigon không phải dễ tìm thấy, song ở Huế, các đại gia đều có. Bên cạnh là các sách, về bói toán, phù thủy, Phật, thuốc... Bây giờ mới dỡ tới các loại giấy tờ nhảm nhí của chủ nhân lúc sanh tiền sưu tầm lưu trữ. Tôi lần lần dỡ ra. Quả không có gì đáng gọi là quý báu vào thời trước, song tới nay, trường Đại học nào giữ được, thư viện nào bảo tồn được thì vẫn là bảo vật mà e về sau, không bao giờ tìm ra được. Nhiều thứ, nhiều loại tôi không biết làm sao nói, làm sao nhớ vì nó quá rắc rối nào thư từ liên lạc, nào giấy tính toán tiền bạc, nào văn thư, đơn trác... Chúng ta đừng xem thường. Vì tất cả giấy nhảm nhí ấy sẽ giúp cho các nhà sử học, biên khảo các bạn làm luận án rất nhiều tài liệu, chi tiết quý giá, bất ngờ. Tôi không đủ thì giờ để chú ý hết. Vì tôi bận tâm theo dõi tài liệu mà tôi cho là rất có ích cho sinh viên muốn xem kỹ ấy là một bản nháp của một bài thi và cả bài thi của gia chủ (đã chết) khi ông thi cử nhân. Không biết làm thế nào mà ông tìm lại được bài đó để giữ làm kỷ niệm vì bài đó có đóng đủ thứ dấu của đề điệu, giáp phùng, nhật trung gì gì đó.... Như tôi nói, đó là đồ có thể tìm thấy trước 1945, nhưng nay, sau 1954 thì trở thành vô giá. Tôi có ý muốn nhặt các tài liệu này rồi mượn

thêm những bằng sắc cờ biển tiến sĩ (1) để triển lãm cho sinh viên xem. Các độc giả cần biết là bằng cử nhân, tiến sĩ mượn không khó, chớ kiểm được bài nháp và cả bài làm có đóng dấu quan trường ở trường thi xưa bây giờ là chuyện tự hữu. ! Tôi dám chắc hầu hết giáo sư trẻ, dưới 50 tuổi như tôi lúc ấy, chẳng mấy ai được hân hạnh thấy cái bằng chớ đừng nói những loại bài nháp (đáng ra phải vất) bài làm (đáng ra chính quyền dấu kỹ rồi đốt). Thế mà, ở Huế, của cái đối với lịch sử văn học đó tôi tìm thấy trong một cái hồ cũ kỹ, mỗi một với một đồng đủ thứ sách vở, giấy tờ khác nhau thế kỷ XIX về trước, có lạ không! (về sau vì thời hạn, tôi không tiến hành việc triển lãm kia ; không rõ những giấy tờ đó nay ra sao !)

Tôi kể hai trường hợp điển hình trong nhiều trường hợp khác. Tôi chắc có nhiều vị, nhất là người bản địa, biết tình hình sách vở hơn tôi nhiều lắm. Nhưng từ sự biết tới sự làm lại là hai việc khác nhau. Chẳng hạn, ở Huế, tôi có biết mấy gia đình họ thâu thập rất nhiều sách. Sách quốc ngữ, sách chữ Pháp thời Pháp thuộc. Qu đây. Cần cho các sinh viên, nhưng dù sao sách ấy vẫn có thể tìm thấy ở nhà khác và dễ dàng ở Sài-gòn. Nhưng cần tìm những sách thuộc loại cao cấp, loại đặc biệt, loại chuyên biệt, loại dành cho các sinh viên đại học, các nhà biên khảo như ở cái phần tin đầu bài này, thì tôi biết các nhà ấy, dù sở hữu chủ hàng ngàn cuốn sách mà cũng không có. Như thế tức là không tiêu biểu cho Huế, cho nền văn học lớn lao của Việt Nam trước thế kỷ XIX. Trong tương lai khi các sách tìm thấy ở thư viện họ biết tìm đâu ngoài Huế ? Tôi biết kho sách Huế đã bị hao mòn, rách nát, lưu lạc gần hết rồi. Nhưng, theo con mắt và nhận định tôi, Huế còn là lực sĩ văn học.

(1) Tôi thấy trên bàn thờ một gia đình khác, trước Mộ Thôn, ở nhà ông cử Lương trong một tối nọ.

dù trí thức, sinh viên Huế ít quan tâm tới kho tàng phong phú của mình — có khi còn chán ngán là khác. Nhưng về phương diện văn học, Huế vẫn giàu có ở trong còn lắm điều hay, nếu ta biết khai thác trong đa dạng tính của nó.

Trước đây mấy năm, có một giáo sư trẻ ở Huế bảo tôi: — Tôi có ý định cho đi chép hết những nhan đề các cuốn sách có mặt ở Huế trong mọi gia đình để cho biết xem Huế còn những sách nào. Rồi sau ai muốn tra cũng tiện.

Tôi hết sức tán thành. Tôi hy vọng giáo sư trẻ ấy phân phối sinh viên thực hiện sáng kiến dẫn đi nhưng thiết thực đó. Ấy cũng là nội dung một luận án thú vị, nếu có thêm phê phán. Tôi không rõ ông bạn trẻ kia đã làm chưa. Tôi đoán là chưa. Vì đời nay, các vị thanh niên còn phải lo cơm áo nhiều quá. Mà việc kê cứu ấy lại không có gì hấp dẫn nên không mấy hứng thú! Nhưng tôi ngại là nếu chúng ta không làm, e người ngoại quốc sẽ tới làm hộ mất. Họ không chỉ đi kê cứu mà còn thu thập nữa. Hiện nay có rất nhiều người ngoại quốc đánh hơi rất trúng và lảng vảng quanh Huế như cái ông mua Vạn Bửu Trình Trường nói trên. Hay như cái ông giáo sư Pháp ở Đà Nẵng: ông ta đã mua tất cả những sách có liên hệ Huế, kể cả những sách của bộ Đô Thành Hiếu Cổ (BAVH). Ông ta mua những dụng cụ Huế; những gì không mua được, ông chụp ảnh và chụp thật kỹ, thật nhiều...

Gần đây, nhiều sinh viên Huế có những tiểu luận về nhân vật Huế đáng lưu ý: Trương An Quận Vượng, Nguyễn phúc Chu (tức là Phước Châu) tuồng Sơn Hậu (nguyên bản Saigon; cựu đô cũng có bản Huế, sửa đổi vài điểm cho dễ hát) v.v... Từ những tiểu luận ấy, chúng ta thấy dễ tiến tới các luận án quan trọng: *Mạc Vân Thi Xã*: nếu không thì ít ra cũng *Văn phái Hoàng gia Nguyễn*: Tùng, Tuy, Trương An Diệu Liên — *Nguyễn Chúa* (bao gồm Phước Châu) *Tuồng triều Nguyễn* (bao gồm Sơn hậu) v.v... Về lịch sử gần đây, chắc hẳn Huế còn có thể cho chúng ta nhiều luận

án lớn về Nguyễn Tri Phương và Tôn Thất Thuyết, về Nguyễn Văn Trường, về Nguyễn hữu Bài, về gia đình họ Ngô và trên hết: Phan bội Châu (1). Đó là những nhân vật tìm tài liệu tương đối dễ kể cả sách vở, bút tích hay gia phả, truyền khẩu. Đừng nói các nhân vật Huế mà, Văn Kiện tài liệu có liên quan đến Việt Nam. Loại ấy nhiều lắm. Chữ nhân vật ngoại quốc lừng lẫy như cố Cadière, sáng lập bộ Bulletin des amis du Viêt Nam (Đồ thành hiệu cũ) hay Sogny (chánh mặt thám nói tiếng Việt, đọc chữ Hán thông thạo, có liên hệ rất nhiều với việc phá cách mạng Việt Nam v.v... cũng đáng được nghiên cứu và chắc sẽ cung ứng những tập biên khảo quan trọng để có cái nhìn tổng quát về những nhân vật tiếng tăm các xứ cũng như gốc Huế đã có mặt tại Huế trước 1945, tôi ghi lại đây một số tên và đa số các ông này đã đi vào lịch sử, nhà biên khảo có thể viết sách về đời họ: Phan bội Châu (chết 1940) Huỳnh thúc Kháng, Lê đình Thám (Phật giáo) Phạm Quỳnh, Ngô Đình Diệm, Nguyễn bá Trác, Tạ Quang Bửu, Tôn quang Nhiệt, Đào Duy Anh, Hoài Thanh, Hoài Nam, Cadière.... Một số nhà văn lớp mới cũng được đề ý: Trần Thanh Mai, Tố Hữu, Thanh Tịnh, Trương Chính; Các giáo sư ở Bắc và Hòa sĩ Nguyễn đồ Cung, kịch tác gia Đoàn phú Tứ v.v...

Hồi ở Huế, tôi có khuyến khích ông N.Đ. Dư viết tập nghiên cứu phê bình một nhà thơ có tiếng ở Huế bên cạnh những Ưng Bình, Võ Khải, Nguyễn khoa Vi, Hoài Nam, Nguyễn trọng Cần. Ông Dư giữ được nhiều tài liệu của nhà thơ trào phúng này, đã viết được nhiều chương không rõ nay, Hoài Nam có di cư theo ông vào Nam hay thân phận ra sao?

Để kết thúc bài này, tôi muốn nhắc tới một khả năng đặc biệt mà Huế và Bình Định (cũng vốn là cựu đô) giống nhau: tài làm sử, ấn hành, góp phần tài liệu cho lịch sử như: giặc chày vôi, Thất

(1) Huỳnh Thúc Kháng đã có một sinh viên Quảng Nam làm rồi

thủ kinh đô v.v... Sau Mậu Thân, tôi được một bài về dài do một nhân vật Huế sáng tác, kể lại từ đầu chí cuối cuộc chiến tại đây một cách chân xác, linh động, duyên dáng. Chắc hẳn bài về này là một tác phẩm văn học, đồng thời cũng là một tài liệu lịch sử giá trị. Tôi hy vọng sẽ giới thiệu và công bố nó gần đây.

NGUYỄN VĂN XUÂN
(Kinh nghiệm Biên khảo)

ĐÓN ĐỌC VĂN HỌC CHỦ ĐỀ :

TÔ HOÀI và xã hội loài vật

- Thân thể và tác phẩm của Tô Hoài
- Những ngày làm báo với Tô Hoài thời tiền chiến tại Hà Nội.
- Những ngày Tô Hoài theo kháng chiến và ở lại Miền Bắc.
- Đọc và phê bình những tác phẩm của Tô Hoài : *Quê người, O Chuột, Trăng thề, Dế mèn phiêu lưu ký, Truyện loài vật...*
- Đăng trọn hai truyện ngắn hay nhất của Tô Hoài mà mọi người đang cần giữ làm văn liệu : *Xóm giếng ngày trưa, Cỏ dại, Truyện Tây Bắc.*
- Do các nhà văn Vũ Bằng-Vũ Hoàng Chương-Kim Nhật-Vũ Ngọc Phan - Lê Huy Oanh, Nguyễn Phan-G. Boudarel - Lê Vĩnh Thợ...viết và phê bình.

Thương về câu hò tiếng hát của xứ Huế xanh xanh

Đã lâu lắm, tôi không trở lại cố-đô Huế, không biết bây giờ bị mưa gió dập vùi, Huế có còn vang lên ở Đông Ba, Bến Trượng những câu hát câu hò như ngày trước nữa không ?

Tôi nhớ hình như lúc đó là 1924 hay 1925 gì đó. Tôi ở một căn nhà trên Bến Trượng có một cái gác lợp súp trông ra sông Hương. Thanh Tịnh, Trọng Miên, và vài anh em khác lứa tuổi tôi vẫn tìm tôi đi dạo. Chiều đến tôi đến nhà một người các chú già ở An Cựu ‘ăn thuốc’ — vì lúc đó tôi ghiền — đến nửa đêm mới về đi ngủ. Tôi còn nhớ như in cảm giác của tôi về nhiều buổi sáng thuở bấy giờ, vừa mới thiu thiu thì ở xa xa đưa lại một tiếng gì như tiếng chuông mang âm ba nhẹ nhẹ trên mặt nước rồi vọng lên căn gác nhỏ tôi nằm.

Thoạt đầu, tôi nghĩ một cách thơ mộng ‘Đây là tiếng chuông chùa Thiên Mụ’. Rồi tôi ngồi dậy không ngủ nữa, đốt ngọn đèn lên pha nước uống một mình và ngâm câu thơ cũ :

Trăng tà con quạ kêu sương

Lửa chài cây bến sầu vương giấc hồ,

Thuyền ai đậu bến Cô Tô,

Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San.

Nhưng nghe mãi rồi cũng quên đi, tôi chẳng buồn dậy nữa. Có ai say thuốc phiện, nằm ngủ mà vẫn tỉnh để cho hồn phiêu diêu ở bến nước làng mả, mà nghe thấy tiếng chuông ngân trên sông nước rồi giót vào tai mình mới có thể hiểu được cái trời thơ mộng của tôi lúc đó như thế nào. Say cách mấy, lúc ấy càng tỉnh ra. Mình cảm thấy tiếng chuông vỗ về mình, đu đưa mình, và đến lúc nhìn ra cửa sổ thấy nền trời vẫn sà cù, chưa hết tối mà chưa sáng hẳn thì tỉnh hẳn : Ủa, sao lại có tiếng hát lẫn vào tiếng chuông ? Tại sao cứ sau một tiếng ngân của chuông thì lại có kèm câu hát ? À thì ra cả

mấy ngày nay tôi lắm ; tiếng âm ba vang trên mặt nước sông Hương rồi vọng đến tai tôi trong mấy hôm nay không phải là tiếng chuông Thiên Mụ mà ra là tiếng hò của mấy cô gái đẹp miền Trung, buổi sớm chèo thuyền đi chợ.

Mình về có nhớ ta
chăng ? Ta về ta nhớ...

Các nhà văn tiền chiến yêu Huế mỗi người một cách : Thanh Châu Ngô Hoan yêu Huế vì người đẹp, Ngọc Giao yêu Huế vì cái nón bài thơ, Lưu Trọng Lư yêu đêm tàn trên Bến Ngự lúc có tiếng gà bắt đầu rộn trong thôn, nhìn ra thì thấy bên kia dòng sông chảy "Gió đùa trắng trên bãi lạnh lùng", Như Phong — (Không phải Như Phong ở miền Nam hiện nay) yêu Huế vì những lãng tâm vào những đêm mưa gió, Nguyễn tiến Lãng yêu Huế vì con đường lên đàn Nam Giao, Hồ Dzếnh yêu Huế vì cái quán Hương Bình ở dưới chân núi Ngự...kể làm sao cho xiết. Riêng tôi thì yêu Huế một cách thực thà hơn thế : tôi yêu Huế vì tiếng hò câu hát của các cô gái mỹ miều cất lên ở trên sông nước vào buổi sáng buổi chiều và cả nửa đêm. Nói thực ra thì vào thuở thanh bình, nghĩa là thuở Huế chưa bị những oan khổ chồng chất lên như bây giờ, thì Huế là một thành phố của câu hò tiếng hát làm cho ai bước chân đến đó cũng phải mếu yêu tha thiết mà quên mất cả ngày về.

Cho đến bây giờ tôi cũng vẫn chưa hiểu rõ tại sao tiếng hò của Huế lại quyến rũ tôi đến thế và để lại cho tôi một ấn tượng lạ kỳ đến thế ! Là vì thực ra hò không phải là một đặc trưng của Huế ở nhiều nơi tại miền Trung đều có những điệu hò thích hợp với động tác lao động của nhân dân như : dân chài lưới ở Quảng Ngãi có *hò giết chì*, nhân dân Bình trị Thiên Nam Ngãi có *hò hụi*, *hò nện*, *hò già gạo*, mà ở Nam thì cũng có bao nhiêu thứ hò khác nhau mang tên địa phương xuất xứ như *hò Đồng Tháp*, *hò Bến tre*, *hò Châu đốc*, *hò Bạc Liêu*... mà nhiều câu thật là đẹp, thật là tình, mà không hiểu tại sao cứ nói đến hò là tôi nghĩ đến xứ Huế thương thương trước nhất.

Bây giờ tôi còn nhớ rằng sở dĩ tôi được biết rõ hơn về Huế là nhờ một người bạn gái đã đi trước nhất vào đời tôi ; Út, cùng ở Bến Trơng với chúng tôi khi đó. Chẳng biết có phải là tôi có óc thiên vị về hò là vì ảnh hưởng của người con gái ấy chăng ? Hay là tại vì ảnh hưởng của cái trời đa cảm đa tình nó ghi ấn tượng vào óc tôi từ lúc còn trẻ, khiến cho đến bây giờ không có cách gì tẩy nào? Chính vì sau tôi tìm hiểu hơn nữa về hò Huế cũng là vì cái cảm xúc ban đầu ấy.

Ở Nam, hò chèo thuyền chia ra hò Đồng Tháp, hò Bến Tre, hò Bạc Liêu, hò Sađec, hò dõ Gò Công, hò dõ Mỹ tho phổ biến trên các sông lạch, thì ở Huế, mà gần như tất cả cả các hoạt động đều diễn ra trên nước sông Hương, hò chèo thuyền chia ra làm ba thứ : hò mái dầy, hò mái đũa, hò mái nhì.

Hò mái dầy là giọng hò của người làm công tác dầy thuyền nghĩa là hai tay cầm chèo xây lưng về hướng tiến lên mà chèo thuyền

Hò mái đũa là giọng hò của người làm công tác lao động lúc rời tay chèo thuyền.

Hò mái nhì là giọng hò của các người bơi chèo phía trước (mái là bơi chèo) hát lên cùng với người bơi mái phía sau.

Dù là mái dầy, mái đũa, hay mái nhì, câu hò nói lên một ngôn ngữ cũng như hình tượng đều dịu dàng, mát mẻ và không nhẽo như những người đẹp sông Hương :

Chợ Đông Ba đem ra ngoài giai,

Cầu Tràng Tiền dúc lại xi mon.

Ôi người lơ hởi chững cơn,

Về đây gá nghĩa vương trôn với ta.

hay :

Nước đầu cầu khúc sâu, khúc cạn,

Chèo qua Ngọc Trân đến Vạn Kim Long

Sương sa gió thổi lạnh lùng

Sông xao, trăng lặn, gọi lòng nhớ thương.

Có khi những câu hò nhằm mục đích gọi ra cái đẹp để cái thiêng liêng của miền Trung đáng yêu — nhất là xứ Huế mà thi sĩ

Tản Đà đã ví với bức tranh tuyệt tác (1) :

*Tĩnh Thừa Thiên dân hiền cảnh lịch;
Non xanh nước biếc, điện ngọc đèn rồng.
Tháp bảy tầng Thánh Miếu chùa Ông
Chuông khua Diệu Đế, trống rung Tam tòa.
Cầu Trường Tiền sáu nhịp bắc qua
Tả Thanh Long, hữu Bạch Hổ đợi khách âu ca
thái bình.*

Có khi tiếng hò xứ Huế, lại là một có để nhắc nhở người ta nhớ đến bốn phận đối với nước với nhà. Cùng các anh hùng nghĩa sĩ đã xả thân cứu quốc. Có người nói rằng mấy câu hò mái chèo «*Chiều chiều trước bến Văn Lâu*» ngụ ý nhớ tiếc nhà chí sĩ Trần Cao Vân đã giúp vua Duy Tân chống Pháp; bài «*Bên chợ Đông Ba tiếng gà eo óc, bên chùa Thọ Lộc tiếng trống sang canh...*» là ngụ cái ý nói lên tình cảnh ngửa nghiêng của nước ta dưới thời vua Thiệu Trị, bài «*Chợ Đông Ba đem ra ngoài gai, cầu Tràng Tiền đúc lại xi môn...*» là có ý động viên tinh thần dân chúng theo đảng Văn thân chống Pháp.

Dù cách nào đi nữa, hò cũng vẫn là những câu hát có tính chất dân tộc, có nhịp điệu gây được ấn tượng sâu sắc, nôm nường và giàu hình tượng.

Bài chòi một hình thức «*cổ hơn*» nhưng chơi không có hò ơ...

Đặc trưng của câu hò ở Trung cũng như Nam là bắt đầu bằng những tiếng hò ơ kéo dài như tiếng chuông ngân trước khi hát lên câu hò chính thức : Có khi những tiếng hò ơ ấy lại đem vào giữa câu hò cũng như tiếng *bắc côn* ở giữa những câu hát «*Trấn thủ lưu đồn*» hay *hũ la* trong những câu hát «*Bể rằng bể một canh sôi*» ở Bắc Việt nhưng những tiếng hò ơ dài hơn, y như một tiếng dội lăn theo sóng nước dài dằng dặc và âm hưởng vang đi mãi như tiếng chuông đồng vang.

(1) Non xanh xanh, nước xanh xanh,
Non xanh, nước biếc như tranh họa đồ.
(Tản Đà)

Ở Huế, còn một thứ hò nữa nhưng không có tiếng *hò ơ* : đó là hát bài chòi. Tôi biết tiếng hát bài chòi và yêu tiếng bài chòi vào lần thứ nhì ở Huế. Tôi còn nhớ lúc ấy sau một vụ lụt, tôi vào Huế tìm một người bạn đã lâu lắm không được gặp, nhưng đi gần khắp Huế cũng chẳng thấy người bạn ấy đâu. Nấn ná nếm hết lúc nào không biết, tôi ăn cái tết năm ấy ở Huế và cho đến mãi bây giờ vẫn giữ nguyên vẹn tính chất nên thơ của tiếng hát bài chòi trong những cuộc giải trí khai xuân.

Nói chung bài chòi cũng tựa như đánh cờ người ở Bắc, nhưng trong khi đánh, đặc thù ở bài chòi là có người hát những câu hát na ná như hò nhưng không có *«hò ơ»*. Một người bạn trước đây là văn công liên khu năm này cho tôi biết rằng bài chòi thoát hai từ *«cờ nhân»* của ông cha ta ngày trước.

Ngày trước các cụ chơi *«cờ nhân»* bằng các đồ nhau về người vật và cây cỏ, nhưng ngoài ý đồ nhau còn ngụ những ý tình ẩn dụ đề chống đối xa xôi một người nào một chế độ nào hay một giai cấp nào. Thí dụ bài thai :

Ngả lưng cho thế gian ngồi,

Rồi ra lại nói là người bất trung.

Đó là cái gì ? Là cái phản. Chẳng phải nói rõ, các bạn cũng đã thấy trong câu đồ cờ nhân có ngụ ý gì rồi. Biết rằng các cụ nhà nho muốn lối chơi *«cờ nhân»* đề chửi sáo bợn quan liêu phong kiến, bọn bợ đỡ ngoại nhân, giai cấp thống trị cầm nhân dân chơi cái trò nguy hiểm đó cũng như bọn độc tài phát sít sau này bóp mồm bóp miệng báo chí không cho nói lên tiếng nói của người dân. Không ngừng đấu tranh, các nho sĩ đặt ra một lối chơi mới, tức là lối đánh *«bài thai»* và *«bài thai»* lần lần được thay thế bằng bài chòi.

Hai anh bạn Lý Hữu Tấn và Nguyễn Nghĩa Dân hai người có công khảo cứu về câu hò tiếng hát miền Trung một hôm đã tóm tắt cho tôi nghe một cách đủ về hát bài chòi như sau :

«Lối chơi bài chòi gần lối chơi tổ tôm điểm ngoài Bắc.

Sân đánh bài thường có mười chòi con và một chòi trung ương. Người ta dùng bài trùng dán trên thẻ tre để đánh. Người đánh bài ngồi ở các chòi, được phát một nửa số thẻ. Nửa số thẻ còn lại được bỏ vào ống thẻ ở chòi trung ương do người quản trò

của cuộc chơi rút và hô tên bài.

Bắt đầu cuộc chơi, quần hò hát chào mừng làng xã bà con rồi tiếp tục hô tên bài đã rút. Mỗi con bài có bài hát riêng. Ví dụ con 'học trò' :

*Đi dân mang sách đi hoài,
Cử nhân không thấy tú tài cũng không.*

Thẻ rút ra được đưa đến tay người đánh bài. Ai đủ ba con bài trùng với thẻ đã rút, người ấy tới trước.

Hai anh bạn cho biết ý kiến như sau :

— Điệu bài chòi từ đó thành một điệu dân ca. Về sau bài chòi được nhiều người hát chuyên nghiệp xử dụng. Họ thường đi đây, đi đó, theo điệu bài chòi, hát những câu chuyện trữ tình lúc hát có phục trang, có âm nhạc.

Nghệ thuật ca Huế

Ngoài các lối hò, ngoài hát bài chòi, ở Huế còn có những điệu hát được nhân dân toàn quốc chú ý : đó là ca Huế.

Phải đợi đến lần thứ ba lưu lại Huế mười tám tháng tôi mới thật hiểu biết được cái hay của ca Huế. Lần ấy, sau khi mấy tờ báo tôi làm bị đóng cửa, vì không có tiền nộp phạt, mấy anh em ký giả trong đó có Vũ Chung, Lưu văn Phụng, Dương tự Giáp, Phùng bảo Thạch — và tôi mượn một con thuyền sống bằng bèo trên sông Hương, có bao nhiêu tiền rốc ra hết uống rượu suốt ngày còn đêm thì kêu các cô xuống đàn và ca lúc thì xuôi lẳng Minh mệnh, khi thì ngược lên đàn Nam Giao, lúc lại xuôi về lẳng Tự Đức... Có sống như thế và đêm nào cũng nghe ca nhi thể mới thấy thấm thía cái nghệ thuật ca Huế trữ tình biết ngần nào, và buồn biết chừng nào.

Thảo nào mà các nhà khảo cứu cho rằng ca Huế bắt nguồn từ những ca khúc của chiêm Thành mà đặt ra (như Nam ai, Nam thương, Nam bình, Vọng phu...) với nhạc điệu réo rắt, thể lương (2)

(2) Giáo trình lịch sử văn học Việt Nam, tập Văn học dân gian

Mặt khác, ca Huế lại có thể phong theo từ thức của Trung quốc (như Cổ bản, Kim Tiền, Tứ đại cảnh, Phú lục, Lưu thủy, Hành vân...) với nhạc điệu vui vẻ, đầm ấm.

Ngoài các bản rất được phổ biến nói trên ca Huế, còn một số bản khác nữa, trong đó có mười bản nổi tiếng kêu là «Liều bộ thập chương» mệnh danh như sau : Phẩm tuyết — Hồ Quảng — Nguyên tiêu — Tây mai — Lý tử vi — Quả phụ — Liên hoàn — Xuân phong — Long Hồ — Giao Duyên.

Khảo về ca Huế, anh bạn Lý Hữu Tấn đã đưa ra mấy nhận xét sau đây rất đúng :

— Ngôn ngữ và hình tượng của ca Huế uyển chuyển, yêu điệu như những cô gái sông Hương. Đại bộ phận các làn điệu ca Huế nhẹ nhàng trầm lắng, giàu tình cảm : Ca Huế đưa vào cung ngũ âm (hò, sù, sang, sê, cồng) để sáng tác. Có người đưa vào nhạc ca Huế để sáng tác lời và lời hoát ấy dờ dạc quần chúng hóa như các loại dân ca khác.

Để chứng tỏ ca Huế nhẹ nhàng giàu tình cảm, ta có thể nêu thí dụ :

*Duyên thăm duyên càng đượm,
Vĩ giống đa tình,
Thêm nhiều ngày, mặn nồng càng xinh*
(Tự tình, Điệu cổ bản)

Hay :

*Một đôi lời
Một đôi lời,
Nhấn bạn tình ơi
Thề non nước, giao ước kết đôi,
Trăm năm tác dạ
Dù xa cách sóng tình thương chớ phụ thì thôi...*
(Nhấn tri âm — Điệu hành v...)

Hoặc :

*Ôi tan hợp xiết bao tháng ngày đợi chờ non nước
Ngân dậm chơi vơi
Mấy lời nào dễ sai lời*

(Ứng tình ứng ý) ý ứng tình thêm càng ưa ý
Thật là đáng mấy người;
Lại nói sai lời...

(Tình ly biệt — Điệu Nam Bình)

— Văn của ca Huế là văn tiếp nhau, mệnh mang như, sông nước không kể câu dài hay ngắn, bài hát buồn hay vui :

Kể từ ngày gặp nhau,
Trao lời hẹn cho vẹn vâng thau,
Dây tơ mảnh se chặt lấy nhau...

(Giữ tình nhân — Điệu Lưu Thủy)

Ai về xứ Huế, cho
tôi nhắn...

Mười lăm mười sáu năm qua rồi, tôi không trở lại xứ Huế thương thương, chẳng biết bây giờ Vĩ Dạ, Nam Giao, Đông Ba, Bến Ngự có còn như trước nữa không. Có nhiều người bạn ở Huế nói rằng từ thời ông Diệm, Bà Nhu, giọng hò tiếng hát ở trên giòng Hương Thủy không còn nhộn nhịp như ngay trước nữa mà cái thú nằm trên con thuyền ngửa mặt lên nhìn trời mặc cho mái chèo đưa đến bến bờ nào, cái thú ấy cũng không còn...

Rất có thể như thế lắm. Ai lại còn không biết trong những năm gần đây, miền Trung và nhất là xứ Huế chịu không biết bao nhiêu lưu ly oan khổ — do người tạo ra cũng có mà do Trời gây nên có — nhưng tôi nghĩ rằng đó chỉ là thử thách, Huế nghiêng rằng chịu đựng và vượt qua, sau này, chỉ bước khỏi cơn thử thách lớn lao hơn và vẻ vang hơn.

Còn bảo rằng vì oan khổ quá, vì chịu nhiều đau thương quá mà tiếng hò câu hát tin bất hủ thì đó quả là một giả tưởng không thể nào quan niệm được. Dù đau khổ đến chẳng nào đi nữa tiếng hò câu hát của Huế vẫn tồn tại với thời gian, hơn thế, trong cảnh quốc phá gia vong tình cảm của con người bị kích động nhiều thì tiếng hò câu hát về sau đây lại càng ý vị hơn, thiết tha hơn và miêu tả đời sống của dân ta một cách đậm đà, cao đẹp hơn nhiều nữa.

VŨ BẢNG

(tháng bảy, 1973)

Huế, trên bước đường viễn du từ tâm tưởng đến hiện tại

1.— Huế, tiếng gọi của một quê hương yêu dấu trong tâm tưởng từ thửa khơi giòng lệ biếc. Và Huế đã đến với lòng hân-hoan thăm lặn. Rất Thơ. Rất buồn. Từ đó Huế trải trong tôi một cõi thanh bình, một niềm mơ ước — mơ ước đến độ tưởng chừng đã biến thành mộng ước. Mộng ước của chàng trai hằng đêm chong mắt ngời ca tình yêu, ca ngời cuộc đời, đời người. Tôi ngơ ngẩn đến độ dễ thương : Huế đẹp sẽ là giòng sữa mớm tâm hồn và làm lớn dậy Thi Ca. Tôi gọi tôi. Tôi giục già tôi làm một chuyến viễn du. Phải uống từng giọt sương đêm của Huế. Phải tát cạn giòng sông Hương vào trái tim mình. Phải đến Huế — như phải thuộc Thơ Huy Cận. Khi mới bắt đầu làm Thi sĩ. Và Huế hãy ân cần đón trái tim ta rung động từng bước chân vụng dại... Sau khi chạy trốn vùng kháng chiến Liên Khu V, đến Thái Phiên lại dời tuổi ẩn thơ ra Đà Nẵng. Tôi nghe nói đến Huế như một thứ quế hương tiền thuyết. Và dĩ nhiên niềm khao khát của 1 đứa con trai mới lớn không thể nào ngăn tôi đến Huế. Vào cuối mùa thu năm 1959, thế là tôi được đối diện với Huế ! Huế bất ngát, Huế hơ la. Huế mịt mờ trước mắt tôi. Những ngày mưa bay thật buồn. Và tôi rất bơ vơ. Tôi lủi thủi dọc bờ sông Hương, nhìn bờ ngô, lên cầu Trường Tiền. Những tà áo trắng bay trong bụi mưa. Tuyệt đẹp. Dọc bên bờ sông lối đi cũng im vắng. Tuyệt đẹp. Tôi mơ hồ thấy tất cả quyển rũ loi cuốn. Một cảm giác dịu dàng bàng bạc trong tôi. Tất cả sự xung-điều gì kể cả tình cảm tôi dành cho Huế lúc bấy giờ. Huế và tôi chỉ có thể.

Rồi mấy năm sau đó, nhân một người bạn văn nghệ nhận tôi ra sống với Huế. Dự định là để tôi chăm sóc một tạp chí. Tôi lại trở ra Huế. Huế lúc này bắt đầu ngút ngàn không khí đấu tranh. Nỗi êm đềm, thăm lặng, ngoan hiền và thơ mộng của Huế bắt đầu nhạt nhòa trước đốm lửa phản đấu được thắp lên từ những trái tim tuổi trẻ của Huế. Việc tôi dự định ở Huế - sau 1 tuần thu xếp, chẳng thành. Tôi trở lại Qui Nhơn để sau đó quay về cùng Quảng Ngãi.

Những năm 63, 66 tôi lại đến Huế, không phải để tình tự, sống yên vui. Huế đã quay vù trong cơn lốc thời cuộc. Và tôi cũng quay vù trong cơn lốc của Huế. Những hàng biểu ngữ. Những đoàn thanh niên quyết tử. Khí thế Phật Giáo đấu tranh. Rừng người biểu tình. Lửa đạn cay. Hoan hô và đả đảo. Tất cả đó đã khiến cho Huế mờ mịt, Huế bốc lửa. Huế ngút ngàn. Huế hực nóng. Huế phẫn uất. Huế nhiệt tình. Và nét hiền hòa của Huế dĩ nhiên vừa nát từ đó. Huế không còn thơ mộng của mộng tưởng trong tôi thuở nào. Tôi nghe xa vời, giọng hò Nam Ai. Tôi thấy mờ mịt con đường thẳng lên giốc Nam giao. Tôi mơ hồ thấy vầng trăng trên giòng sông Hương như vỡ cạn trên những đợt sóng dâng cao. Và nỗi em đêm cũng đã cuốn cuộn của 1 giòng thác lũ. Tôi bênh bồng. Tôi chệnh choáng. Tôi phẫn khởi nhưng ngậm ngùi. Nỗi lưu luyến nào đã ghen ngạo trong tôi. Huế chưa mất những gì của Huế nhưng Huế bắt đầu phải tìm kiếm lại những gì rất Huế từ ngàn xưa, xa xôi vang bóng...

Và cũng từ đó, chiến tranh đã phá vỡ ảo-tượng của Huế về Huế, của mọi người, trong đó có ta. Mùa xuân đẫm máu, không khí sặc mùi lửa đạn của Tết Mậu Thân đã phá vỡ từng thân hình đến tâm hồn của Cố đô Huế. Huế chẳng còn chỉ cho Huế ! Cho những người thăm nâng niu Huế. Huế như một cô gái then thùng trong cung cấm, không dám mở rào nhìn thẳng vào cuộc sống. Huế có cái vẻ khép kín, thăm lặng từ bao lâu — từ trước đó, tách rời, đứng bên lề tất cả những biến động. Huế đối với chiến tranh như là một chú lính kiềng đứng bên hàng ngũ chiến-sĩ từ một vùng giốc nôi. Bên cạnh dáng dấp đó, Huế có 'vẻ rởm', có vẻ trí-thức — thứ trí thức tiểu-tư-sản. Nhưng biển cổ Mậu-Thân như một trái bột phá khá tung tất cả những gì mà người ta đã nhìn về Huế bằng cái nhìn

đó, Huế bỗng nhiên bàng hoàng, hốt hoảng, phiến muộn và chua xót.

Những người bạn rất Huế của tôi — và cả những người bạn văn nghệ không liên hệ gì đến Huế nhưng cũng đã nâng niu Huế sau chiến trận Mậu Thân ; đã thì thầm với tôi bằng sự luyến tiếc, ngậm ngùi, vô cùng xót xa cho Huế trước những người bạn đó tôi âm thầm, lặng nghe và tự nhiên buồn mệnh mông. Ngược lại những người bạn quá khích của tôi đã cho rằng Tết Mậu Thân là 1 trái phá phá vỡ ảo tưởng của Huế về Chiến tranh, về Cộng Sản. Huế đã có được nỗi phẫn uất. Huế sẽ dẫn thân Huế không còn đứng ngoài cơn khốc liệt của lịch sử. Tôi cũng yên lặng nghe. Và cũng gần như đồng ý trước một quan điểm.

Hôm theo phái đoàn cứu trợ Quảng Trị, chúng tôi vừa đến Huế thì Cỏ Thành vừa mất. Cơn mưa từ trời cao dầm ướt Huế. Cơn mưa trận chiến từ Quảng trị cũng tạt vào Huế. Chưa bao giờ thấy Huế hốt hoảng và thê thảm như hôm đó. Ngõ vào Thành Nội đông đúc người và bàng - hoàng. Phú - Vân - Lâu không còn vẻ đẹp của câu hò thuở nào mà giờ đây người chạy giặc tấp nập, chen lấn. Những xác chết vừa khỏa đến chưa kịp liệm. Những chiếc xe lam chật ních người. Những thiếu nữ, những cô gái tóc thề hốt hoảng áo rách toạt để lộ da thịt trắng thơm, Huế ngọt ngạt; Huế của một cơn chạy loạn.

Tôi xúc động thật sự bởi cảnh luống đó. Tôi đã vội vã ghi những hình ảnh thê - thảm của Huế trong đoạn văn MƯA TRÊN GIÒNG TÓC HUẾ của Tập ĐÀN QUÂN GIỮA PHỐ nói về những chiến trận ở Qui nhơn - Quảng Ngãi - Quảng Nam - Quảng tín Huế và - Quảng trị. Sau đoạn văn đó, với Tôi, Huế trở thành một thành phố - chiến-tranh không có gì, không còn gì trong tư tưởng của thừa làm thơ khỏi giọng lệ biếc.....

2. — Nghĩ về Huế, nói về Huế như thế sẽ là một điều thiếu sót. Cho đến bây giờ Huế không phải đơn-thuần một thành phố của chiến tranh

Hình như bên cạnh đó còn có một cái gì khác hơn mà có lẽ chúng ta khó tìm ra được. Huế không dựng lên những chiến trận, Huế chỉ có chiến tranh mà không có chiến trận mặc dầu Huế đã có Dân quân giữa phố. Huế đã có kềm gai, đã có lô cốt, Huế đã có dân làm quân. Nhưng hình như Huế chưa có phòng tuyến Huế đã thiết lập được một cách anh hùng và cụ thể những lực lượng đấu tranh quyết tử. Huế đã có xương đường bao nhiêu thanh niên quả cảm chết trên màu cờ đấu tranh. Nhưng không nên nghĩ Huế đã có khí một thể sắt máu. Trong một giai đoạn lịch sử Huế chuyển mình, Huế vươn vai biến dạng giống máu đấu tranh đã sẵn có.

Tôi đã ngần ngại. E dè. Vì thật sự tôi không có một chút gì của Huế cả. Tôi không được Huế sinh ra. Tôi chẳng được Huế nuôi lớn. Tôi không có gì về Huế. Kể cả Tình yêu — điều mà tôi ước vọng. Tình Phụ — điều mà tôi cũng mong muốn. Từ mỗi bang-giao bình thường đó, khi nói về Huế dĩ-nhiên tôi bị lệch lạc, thiếu sót. Với một chân-tình sẵn dành cho Huế, tôi xin lỗi Huế—khi viết vội vàng, về Huế. Thành thật xin lỗi Huế cũng như chân tình cảm ơn Huế đã cho tôi một niềm mơ ước của thời mới lớn.

Bây giờ Huế đứng trước tôi bằng một thực-thể với nhiều hình bóng của Huế. Một nét đẹp thơ mộng, kín đáo. Một nỗi điêu-tàn, tiều tụy và chịu đựng. Một nếp oai hùng, bất khuất của dân thân, tranh đấu. Có lúc tôi thấy Huế ngất ngưỡng vạm vỡ. Có khi tôi lại thấy Huế trầm lặng, khép kín. Tôi đã có quá nhiều mâu thuẫn về Huế? Hay tự trong đời sống và ngoài cuộc sống của Huế đã có màu sắc tương phản? Tôi mơ hồ nhận ra tự nơi Huế và cả tự nơi tôi nữa.

Nhưng dù thế nào thì trên bước đường viên du từ Tâm-tướng đến Hiện tại, Huế cũng đã đổi thay và hóa thân phần nào. Huế của Thừa xa xưa, của Thời Thịnh Trị với bao nhiêu êm đềm, thơ mộng, cổ kính, ngoan hiền, e ấp, Trái Tim của Huế và lễ nghi, cung cách của Huế bao nhiêu triệu đại tạo thành một quê hương huyền-thoại Huế có lắng tâm đến thờ đề thể-hiện một giai đoạn lịch sử. Huế có những phong tục, tập quán để chứng minh truyền thống của Dân Tộc. Huế có giòng sông Hương và núi Ngự Bình để phản ảnh đến sống bên trong của Huế. Huế có cầu Trường Tiền, có giòng hò, điệu

hát, nhưng con đồ xuôi mái đêm khuya đề nói lên trái tim của Huế, Huế có những món ăn đặc biệt đề nói lên đời sống rất Huế, Huế có thật nhiều điều đề nói, đề kể. Và cũng chính từ đó Huế có một hấp lực — thứ hấp lực nhẹ nhàng, không xô lệch lôi cuốn.

Con người được kỷ niệm nuôi lớn. Quê hương được dĩ vãng tô bồi. Quá khứ của Huế đã làm sung mãn Huế. Nhưng ngược lại những sự-xung-quanh-của-Huế-bây-giờ đã làm mất mát của Huế khá nhiều. Huế như một người trung lưu sau khi tần-tảo, chịu đựng, nỗ lực trở thành một tên tư-bản. Trong khu vườn đẹp cũ tạo dựng thêm một chiếc biệt thự. Khu vườn vẫn còn song những loài hoa, loài cỏ thủa xa xưa được chủ thay thế bằng những cây hoa, cụm cỏ Thời Trang đem từ một nơi chốn xa về. Và có lẽ điều đó Huế không mong muốn ! Tự Huế đã không chọn lựa, Huế lại không quyết liệt chối từ, Huế hân hoan chấp nhận. Và bây giờ trước chúng ta Huế có những cái rất Huế, bên cạnh những cái không phải của Huế. Hôm ra Huế dự lễ kỷ niệm một năm chiến thắng Trị Thiên, trước đó thả chân dạo phố Huế nhìn sinh hoạt của Huế bắt gặp vài cách ăn mặc của thanh niên thanh nữ Huế và những phô trương của một ngày lễ lớn ; Tôi nhận ra điều đó nơi Huế một cách rõ ràng hơn.

Đại Lễ Kỷ niệm một năm chiến thắng Trị Thiên được tổ chức trên một đại lộ nằm dọc theo giòng sông Hương đã có người cho là Huế đã mất đi phần nào của Huế. Nói «rửa» cũng có lý, nhưng «ai lại nói chỉ lạ rửa» Phải thế không Huế yêu dấu ? Vì trên một bình nào đó về huy hoàng của buổi lễ đã tạo dựng cho Huế một nét rực rỡ đôi khi lại cần thiết cho sự sống còn của Huế, biết đâu.

Tôi nghe bẽn-bẽn. Tôi chềch-choáng bởi không khí oi-bức trong một ngày của Huế. Tối đó, tôi đi chơi ở một vùng ngoại ô xa thành phố Huế. Tôi bẽn-bẽn trên giọng ru con của một thiếu-phụ người Huế. Tôi mơ hồ nghe lời tự tình dấy lên từ mạch dất khơi một cuộc sống mới một niềm mơ ước...

Trong cơn lốc của bụi mù, từ xa tíit những người bạn đã mắt hút — hình như ở cuối đường. Tôi muốn cất một tiếng gọi để nghe dư-âm mình dội lại từ một vách đá sừng sững trước mặt. Tôi chợt nhớ những bài thơ của Phan Duy Nhân, Huy Giang, Trần Quang Long, Nguyễn đặc Xuân, Lê Thanh Xuân của một thời làm thơ cho Huế, vì Huế. Những năm sau này bạn bè chúng tôi khi ngồi lại thì kể đến tên những ngày đã ra đi. Tôi nhớ mơ hồ đến Lê uyên Nguyên, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Hoàng Phủ Ngọc Phan. Tất cả không biết Huế được nhìn ngắm từ những người này ra sao?

Khi tôi viết về Huế—lúc này, hình như từ dự phóng của thời cuộc một biến động Chính trị đang khiến cho một phần của Huế, thao thức, Huế có thể thiết lập lại một triều-đại xa xưa của lịch sử. Điều đó có hay không. Có lẽ không ảnh hưởng đến giọng văn chương có sẵn trong bài thơ này. Nhưng đây là một bài thơ về Huế, về tất cả những sắc màu rất Huế.

PHAN NHỰ THỨC

(10-1973)

Võ Quê

Huế

Có sinh ra và lớn lên ở Huế
Mới thấy lòng thương Huế biết bao nhiêu
Huế mưa đông Huế nắng hạ sương chiều
Huế đẹp Huế cười Huế vui Huế khổ
Huế hiền ngoan Huế căm hờn phẫn nộ
Huế ngàn năm xưa Huế triệu năm sau
Trước hay sau Huế chỉ một tình đau
Huế chung thủy trong mối tình Đất nước
Huế của dân lành ấp yêu lời hẹn ước
Mơ Huế bình yên tiếng hát cung đàn
Hồn ca dao mặn mà nhịp phách tình tang...

Ta yêu Huế những ngày Huế khóc
Nước mắt nhòa ướt áo mẹ tìm con
Lá muối rụng vàng đường lên Thừa phủ
Mảnh tim già ứa máu héo hon
Muối xót lòng đau ruột thắt gan mòn.

Ta thương Huế Huế nghèo căm nín
Âm thầm lê dưới những tàng cây
Người công nhân còng lưng đập mãi
Chuyến xe nhọc nhằn nặng mỗi vòng quay
Đèn nhà ai ánh nhạc rệu rỗng say...

Ta gọi Huế Huế hiền như chị gái
Lời yếm ôu kỳ diệu giữa tim ta
Huế-nhiều năm quần em phai tằm vá
Sưu thuế nửa đời rút hết thịt da
Em lang thang không cửa không nhà

Ta biết Huế Huế đêm đêm trần trọc
Cha trở mình chong ngọn đèn khuya
Đời công chức đồng lương chưa đủ gạo
Vợ con đau đói thuốc hôn mê
Huế rét run trời tháng chạp sa mưa

Đi trong Huế mới hay Huế thiếu
Những ngôi trường cho trẻ em nghèo
Bên đồng rác đàn em bơi mớ
Chữ nghĩa xa vời nửa bóng trăng treo
Sách vở đâu bằng mẫu bánh mỗ meo

Ta thấy Huế via hè khuya ngút mắt
Người lính về thành cô độc đi hoang
Nhịp giầy đinh chơi vơi lòng phố
Nhớ quê nhà đồ nát, vợ, bầy con,...
Sau trận mưa ... nỡ biết mắt còn

Huế nghèo đói Huế mù lòa tức tưởi
Huế rung rung Huế uất Huế đau
Nhưng Huế đã vươn mình lên từ đó
Trước hay sa. Huế chỉ một tình đầu
Huế quật cường Huế nổi chân nhau...

Sông núi Huế thiêng liêng nguồn tin lớn
Gieo hạt tình đất nước xuống tim dân
Người dân Huế cùng núi sông Huế đẹp
Mở hồn mình đón gió lồng Trường sơn
Vài câu duyên soi bóng nước giòng Hương.

Ta yêu Huế Huế mấy mùa đỏ lửa
Em thơ ngây cũng chung tiếng ca dài
Nặng công trường hồng má o con gái
Huế đấu tranh nên Huế đẹp tuyệt vời
Huế anh hùng Huế của ta ơi!

Huế son sắt những tâm hồn cách mạng
Thuyền trên sông thuyền mấy độ đưa người
Mái chèo nhẹ biết yêu người vô hạn
Mắt tay chèo thuyền đập sóng ra khơi
Huế mùa Xuân ngự mãi bốn mùa vui

Ta với Huế như da với thịt
Huế nuôi ta tình nghĩa đồng bào
Ta vì Huế một đời nguyên phần đấu
Huế vì ta ơi Huế đẹp sao!
Ta sống giữa lòng dân Huế tự hào

Huế vẫn dạy cho ta bài học mới
Chuyện áo cơm đi liền với Tự do
Niềm kiêu hãnh về quê hương gắn vóc
Thuộc nằm lòng từ thuở còn thơ
Sống là đấu tranh chống áp bức hắt giờ

Huế chép vội trong tim trang thơ ngọc
Mỗi giòng châu mỗi đóa sen thơm
Dưới bùn đen trong xích xiềng nô lệ
Sen trời mầm tươi sen ngát hương
Tiếng ve ca hy vọng gọi quê hương

Tin Hòa Bình đã xanh cây phố Huế
Đỉnh Thiên Thai truyền Bạch Mã trao lời
Chuông Thiên Mụ vọng câu hò Vỹ Dạ
Bến Ngự mừng chào An cư Kim Hoi
Giấc thua đau giấc vội lui rồi...

Nhưng ơi Huế sao ta nghe ghen đắng
Huế vẫn đau và Huế vẫn ngậm hờn
Qua làn sóng hận thù ai bắt tiếng
Văng vẳng kêu đòi chia rẽ Bắc Nam
Ầng ằng khuya nay chó sủa rộn đường...

Dấu bóp Huế trong đôi tay bạo lực
Mũi súng thù cũng cầm hòng xăm lăm
Bởi Huế lớn Huế phi thường Huế mạnh
Cùng người dân Huế mãi hùng anh
Lửa hồng thiêu lửa rục đỉnh trời xanh

Nói năng hết tấm lòng ta yêu Huế
Nói năng hết bao điều của Huế
Huế mẹ hiền Huế chị gái Huế người thương
Huế bao dung Huế vô cùng kiêu dũng
Mỗi hạt đất Huế vô cùng làm nên nghĩa sống
Huế sáng tạo đều tay Huế đẹp dị thường

Không sinh ra không lớn lên ở Huế
Ai cũng yêu thương Huế đậm đà
Huế con tim miền Trung, tim nước Việt
Huế nỗi miền Nam miền Bắc một nhà
Huế anh hùng ơi Huế quê ta.

VÔ-QUÊ
6-6-1973

Luân Hoán

Xin Huế một người tình

Đã từ lâu ta chờ ta đợi
Một người em xứ Huế đến cùng ta
Đến cùng già bông bẽnh trăm ngọn tóc
Như rừng xanh chiều thổi gió qua
Như ngọn sóng trên giòng sông gọi trôi
Những người tình còn ở phương xa

Em xứ Huế, hỡi người em xứ Huế
Xứ của trời có núi Ngự sông Hương
Xứ của người có nòng nân nhan sắc
Xứ của đời có hò hẹn yêu thương
Xứ của ta có đợi chờ ao ước
Xứ của thơ, vâng xứ của thơ

Em xứ Huế, hỡi người em xứ Huế
Ta đã chờ em mấy mươi năm
Chờ mái tóc lưng chừng vai áo trắng
Chờ nụ cười nghiêng vành nón xa xăm
Chờ đôi gót uơm hoa lên đường phố
Chờ gió bay sau tà áo lụa thơm

Em xứ Huế, hỡi người em xứ Huế
Ta đã tên qua Gia hội Kim long
Ta đã từng về Đông ba Vỹ dạ
Ta đã từng ra đứng dọc bờ sông
Ta đã từng ngồi trước trường đồng khánh
Ôi ta qua được mấy tấm lòng ?

Em xứ Huế, hỡi người em xứ Huế
Đến bao giờ các em đến cùng ta
Đến cùng một nhà thơ lãng mạng

Như giòng sông nơi em ở hiền hòa
Như đôi mắt của chính em kiều diễm
Nở nụ tình rực rỡ bao la

Em xứ Huế hỏi người em xứ Huế
Hãy yêu ta như yêu trái nhãn lồng
Hãy yêu ta như yêu từng viên ngói
Trên nóc nội thành vàng bóng hoàng hôn

Em xứ Huế, hỏi người em xứ Huế
Ta qua đò ta qua hết giòng sông
Sông bớt đẹp nếu ta không yêu mến
Các người em gái nhỏ dễ thương
Xin âu yếm hỏi em điều vẫn sợ :
— Làm rề người xứ Huế khó hay không ?

LUÂN HOÁN

Thế Viên

Quỳ của Huế

Tặng Xuân Quỳ

Quỳ của Huế đâu Quỳ Huế đâu ?
Bao năm cách biệt ta thêm sầu
Dòng sông đứng lặng như đôi mắt
Em đã xa rồi — chuyện bề đâu !

Quỳ của Huế đâu Quỳ Huế đâu ?
Bến sông Gia Hội nước trôi mau.
Ta đi em cũng buồn như đá,
Bến-Ngự sao chìm nước cuộn sâu.

Quỳ của Huế đâu Quỳ Huế đâu
Con đường Đập Đá bụi như mây.
Em về nơi đó không yên giấc
Ta lạc trong mơ phai dáng gầy.

Quỳ của Huế đâu Quỳ Huế đâu ?
Lối vào thành nội bóng trắng soi
Em đi nghe sỏi vàng xao xác
Bước nhỏ vang thăm lá nhẹ rơi.

Quỳ của Huế đâu Quỳ Huế đâu ?
Hơn mười năm đó ta xa em
Hơn mười năm đó em trong mộng,
Phố cũ trở buồn gạch đá nâu.

Quỳ của Huế đâu Quỳ Huế đâu ?
Này đây bến Ngự này Văn Lâu
Này đây Thành nội buồn như hến
Và cửa Đông ba vết đạn sâu.

Một sớm ta về em ngủ yên,
Mùa xuân lửa khói đốt vai mềm
Bây giờ em nằm lạnh trong đất
Có nhớ xuân nào nắng nhẹ lên.

THẾ VIÊN

Mậu Thân 1968

(Trong "Mưa Quê Hương"
Giải Văn Học Nghệ Thuật Toàn
Quốc 1970)

Khắc Minh

Ly rượu mừng em

Khí hòa bình ta sẽ về thăm lại Huế
Quê hương mình ngày đó chắc vui ?
Chim sẽ hát ca vang lời mật ngọt
Nắng vàng thơm trên mái tóc em xanh

Ta sẽ về thăm em, ngày đó
Nhìn vườn xưa hoa trái chín vàng thơm
Con đường nhỏ chạy ngòng ngoèo cuối xóm
Hàng trúc xanh nghiêng bóng đón ta về.

Ta sẽ về thăm bến đò ngang Thừa Phủ
Thăm sông Hương nghe mái đầy dịu dàng
Nắng sẽ trải lòng ta trên bến nhớ
Hoàng hôn trắng, âu yếm đợi ta về !

Ta rất nhớ hàng chè tàu trước ngõ
Mùi dạ lan và giàn lý sau nhà
Ta nhớ rõ từng dáng đi điệu bước
Nơi hẹn hò và hơi thở em thơm

Làm sao quên cửa sổ phòng em học
Ngọn đèn nghiêng che khuôn mặt em luỹ
Ta đứng đợi hàng đêm ngoài dậu vắng
Em thoáng cười ta về ngủ mộng vui

Nhất định yên bình ta sẽ về thăm Huế
Trái ước mơ trên tuổi trẻ học trò
Em sẽ cầm và nâng niu, âu yếm
Bởi rằng ngày xưa, cách nhớ thương nhau

Và ngày đó — chắc không còn xa xôi lắm
Niềm mơ ước sẽ theo đó trở về
Ta sẽ uống ly rượu mừng hợp mặt
Và ngâm thơ tình cho em ngủ say.

KHẮC MINH

Trời mưa nhớ Huế

Những ngày hôm nay, vùng đất tôi về không có lấy một cơn mưa, dù là cơn mưa nhỏ. Đất trời như chìm trong một lò lửa. Lửa của trời, lửa của chiến tranh. Lửa đã làm trí não tôi điên cuồng, mê mết. Lửa đã xuất hiện ở cuối tầm mắt tôi nhìn. Lửa hừng hực trên đầu trên tóc. Lửa chói lòa trên thị trấn thành. Lửa muốn làm tròng mắt tôi muốn nổ theo. Những ngày hôm nay, chưa bao giờ tôi lại thêm một cơn mưa, một ngọn gió heo mây hay một chút sương mù đến thế. Nhưng tôi chẳng tìm được gì giữa cõi hồng trần thiên địa này. Chiều hôm kia, xe tôi về đã thoát khỏi một loạt đạn bắn rổ. Sáng hôm qua con tàu đưa tôi đến chiến trường hung bạo và chiều lại, con tàu tôi theo về... Lửa từ một mặt trời rực rỡ và lửa từ một thêm lục địa bốc lên. Lửa ngùn ngụt tứ bề, trên trời dưới đất, vẫn vũ loạn cuồng.

Trên đường ra bến sông, chiều hôm nay, tôi đã thấy, vô tình một màu phượng vĩ. Màu của khóm hoa lẻ loi từ một thân phượng cô độc của con đường lộ trắng nhựa. Tự dưng tôi lại chợt nhớ đến Huế. Bởi vì, riêng tôi, chỉ có Huế mới có một màu hoa yêu dấu cho một kẻ tha hương. Bởi vì, nói đến Huế, là tôi lại liên tưởng đến màu đỏ ngọc ngà ngập tràn cả những con đường tuổi trẻ. Nhưng bây giờ, ở đây, tôi chẳng có lấy một con đường như con đường 15, 16 mà tuổi học trò của tôi hay của bất cứ của một đứa con trai, con gái nào của Huế đều phải ghi nhớ mãi. Đó là con đường ven giòng Hữu ngạn, chạy qua hai trường Đồng Khánh, Quốc học. Đó là màu hoa phượng che ngợp cả những đám mây trắng lãng đã. Và hơn nữa, là tiếng ve sầu vang lừng cả một thình không mùa hè rực rỡ. Bây giờ, tôi đã không còn nhìn và nghe những điển thân thiết ấy nữa. Bởi vì tôi đã mất Huế, mất con đường, mất phượng hồng, mất tiếng nhạc ve. Bây giờ, chỉ có tôi, cò khát bỏng, đầu óc loạn cuồng dưới một mặt trời nham thạch. Tôi thấy tôi như một người bơ vơ trên một sa mạc nóng bỏng. Và lửa tứ bề, tám hướng, dưới đất trên trời ngập lụt cả cõi xương rồng tôi.

Mục đích của tôi là đi tìm một chút gió. Nhưng đây nhà tôi đi qua, mái tôn nóng bỏng, chói lọi dưới ánh nắng mặt trời. Chừng như mỗi ngôi nhà là một quan tài cũng nên. Cả những hàng cây cần im lìm trơ vơ những nhánh trơ trụi đen đúa kia nữa. Cả con đường nhựa chảy mỡ kia nữa. Con sốt của một ngày đầu tháng tư đã về như một cơn đại hồng thủy. Mồ hôi tôi ướt đầm áo, chảy đầm đìa trên trán, mặt mũi, cổ ngực. Cả một thành phố như một con bệnh da vàng đang lên cơn nhiệt đới. Con sốt ấy đã hành hạ những đứa bé đến nỗi mực đỏ thủy ngân đã vượt lên con số 40. Con sốt ấy đã quật ngã vô số trẻ con, chẳng riêng gì ở đây, mà còn ở khắp toàn quốc.

Tôi đến bến sông. Tôi cởi lia lịa hàng cúc áo, đón thêm khát những cơn gió mới nổi. Mặt ngửa lên bầu trời, tôi lại ao ước được thấy một đám mây đen và tiếp đó là một cơn mưa ân sủng. Nhưng bầu trời vẫn trong và cao và hùng hực lửa. Lửa. Lửa... Tôi híp mắt tránh ánh nắng rực lửa. Bây giờ tôi chẳng khác một con chiên. Hồi giáo bên bờ sông Hằng, ngửa mặt nhìn trời cầu mong một nhưng giọt nước lạnh băng quý báu.

Tôi thấy tôi muốn quì.

Lửa. Lửa. Bên cạnh tôi là những lớp cao su xe bị đốt mùi tỏa khét lẹt. Khói bốc cay nồng cả mắt. Tự nhiên tôi muốn lợm miệng. Tôi nghe lại cái mùi vị nào rất ghê tởm, đến nỗi nửa phảng phất lại bên mình vương theo từ những đụn khói khét nồng. Cái mùi được pha trộn từ những thanh gỗ bị cháy đen, từ những lớp xe bị cháy ngùn, từ những đụn tóc bị thiêu rụi, từ những thân thể bị mất đầu mất tay, mất chân, nám mủ. Cái mùi hòa trộn bởi máu nước mắt, từ lăm than và nỗi bất hạnh được tỏa dậy từ những ngọn lửa hung tàn. Hôm kia, hôm qua, hôm nay, tôi đã chứng kiến những ngọn lửa ấy, tôi đã nghe cái mùi vị ghê tởm ấy. Đến nỗi nhiều lúc tôi cứ ngỡ trọn thân thể da thịt mình như được ướp phủ bởi lớp men tử khí từ một cõi u minh địa ngục nào. Ôi những ngày đầu tháng tư. Những ngày của lửa. Những ngày tiếp nối cho một thảm kịch triển miên. Những ngày tôi ngỡ sẽ nhìn thấy một màu mây trắng lãng du, và lòng thanh thản như một người biết hạnh phúc.

Tôi đã nôn ra mặt xanh mặt vàng. Tôi lặng nhìn bãi uế, ngậm ngùi và đau lười. Nắng mùa hạ vẫn chan chan, vẫn càng lúc càng bốc khói. Đằng kia những xe phở thả tự ngày nào, tro những di tượng thắm thê. Bên tôi, là một đồng rác hôi thúi.

Nhìn nó, tôi lại tiếp tục thốc. Lần này, không có một thức ăn nào mà là một bãi mặt xanh ghê tởm.

Buổi chiều lại lên đường. Một thảm kịch tội ác vừa xảy ra tại một miền gần biên giới. Và bồn phận tôi, dĩ nhiên, là đến đó ghi nhận tất cả sự kiện, hình ảnh Trời vẫn oi nồng mặc dù, buổi chiều đã xuống. Hơi nóng từ con đường nhựa, từ bãi đất phi trường vẫn còn bốc lên đến ngạt thở. Cánh chóng trực thăng quạt tít như cuốn phăng cả thân thể tôi. Chưa bao giờ tôi cảm thấy mệt mỏi yếu đuối như thế. Con sốt vẫn còn vương vít trong đầu óc, tôi bấu đôi bàn tay vào cửa trực thăng trèo lên. Tôi đã hành động như thế biết bao nhiêu lần, mà lần nào một chuyến lên đường cho lòng tôi một niềm vui nho nhỏ? Không, tôi không bao giờ có cảm giác say sưa của một kẻ khởi hành. Khởi hành đối với tôi, chỉ là những chuyến trở về cùng địa ngục. Cùng lửa. Cùng nước mắt, cùng máu chảy, cùng tang tóc. Khởi hành đối với tôi, thảm kịch vẫn mỗi lúc một chồng chất. Tôi yêu sự khởi hành. Nhưng sự khởi hành này, buồn như một câu chuyện trong chiến tranh.

Trực thăng đã rời bãi đáp, bốc mỗi lúc mỗi cao. Gió lộng vào lòng tàu, làm tôi cảm thấy đôi chút dễ chịu. Dưới kia những ô ruộng đã ngả màu vàng tươi, bên cạnh những ô nám đen như một lòng phi đạo. Con tàu trực chỉ về hướng biên giới. Cái hướng mà tôi đã về biết bao nhiêu bận. Cái hướng mà ngày xưa, con người lưu dân đã tìm đến để khai phá mở mang bờ cõi. Nhưng bây giờ,, cái đường ra biên ải quả thật hung bạo ngậm ngùi. Đến để thấy lòng mình sa nước mắt.

Sau chừng nửa giờ bay, viên phi công đã báo hiệu tàu sắp đến quận lỵ Tân Châu. Bằng mắt nhìn, tôi có thể thấy những ngôi lầu sừng sững, những căn anten truyền hình san sát. Dưới cánh tàu bay, chẳng có gì lạ. Nhưng thật sự đã có bao nhiêu thảm kịch thê

thảm nhất đã xảy ra dưới đó. Và rồi, rồi bỗng nhiên tối sầm. Gió bỗng nhiên nổi lớn. Và rồi, những giọt mưa đầu tiên bịn rịn nhòa nhạt trên vòm kính con tàu. Ôi những giọt mưa kỳ diệu đang rơi khoan nhạt trên tàu, thật êm ái, thật mời mọc, thật âu yếm. Đôi mắt tôi muốn chết trước những giọt mưa đan mỏng mỏng như màn nước mắt, đôi tai tôi căng rộng, như cố nghe thật rõ, thật sâu tiếng mưa. Đó là một cơn mưa đầu tiên tôi gặp sau hơn 7 tháng, từ ngày đặt chân tại vùng đất mới. Đó là một cơn mưa ân sủng, mà tôi đã thêm khát ngóng đợi như một điều vô cùng quý báu. Lòng tôi hân hoan như mở ra cùng một niềm vui khó tả. Mắt tôi ứa dãi. Mưa. Tôi muôn la lên thật vui mừng. Tôi muốn bày tỏ cùng những người đồng hành. Trước mặt, bên kia vòm kính, là một màn mây xám trắng sữa như một tấm khăn choàng thân ái nhất. Một niềm vui rục rở và kỳ bí khiến tôi phải chết lặng. Tôi đã quên những gì mà tôi đã trải qua trong buổi trưa mùa hạ. Tôi đã quên cái cơn sốt như đánh quật tôi xuống trên bến sông, cùng những bãi mật xanh mật vàng ghê tởm. Tôi đã quên lò lửa giam giữ hành hạ tôi đến ngất ngư. Giây phút biền hửu, tôi có cảm giác như chìm trong cơn mê, xuất thần. Đến nỗi, con tàu bắt đầu đáp xuống bãi đáp, tôi vẫn không hay. Và khi tàu thật sự đáp, tôi vẫn còn ngẩn ngừ. Thật sự, tôi đang cố níu sát kéo niềm hạnh phúc lạ lùng ấy, như níu kéo một cơn mộng rục rở nhất trong đời.

Nhưng cơn mộng ấy đã bị cướp mất khi tôi đặt chân vào quận lỵ. Rõ ràng, tôi đang bước qua một bãi tha ma. Vẫn những ngôi lầu biêu tượng cho một thị trấn nổi tiếng trù phú lạc nhất ở biên giới nhưng sao tôi đã nhận ra mình đang bước đi giữa một cõi hoang lạnh. Bởi nhà đã đóng cửa. Bởi đường vắng ngắt. Có người nào đang nhìn tôi, sao đôi mắt vẫn còn in nét hãi hùng. Tôi đi qua một dãy nhà sụp đổ từ một ngày nào. Nền nhà phủ trắng, trơ vơ những cột đen đúa cháy nám. Cảnh tượng chẳng khác một nhà mồ vĩ đại. Dưới cơn mưa trắng xóa bóng vài người thoáng qua hối hả như những bóng ma. Có mùi thối nồng nặc bốc lên đến nỗi tôi phải xây xẩm mặt mày. Tôi đang bước đi dưới cơn mưa đầu tiên nhưng, tôi đã không còn mang cái cảm giác như lúc ngồi trong con tàu trên cao.

nữa. Và người lính hướng dẫn đã nói về những ngày hãi hùng của quân ly. Bọn nó chơi trò dã man tàn bạo không kể gì tương tâm con người, là chỉ việc pháo bừa bãi bắt kẻ lương dân vô tội. Từ tuần qua, gần một trăm người bị chết thảm dưới mảnh hỏa tiễn 122 ly Nhà cửa cháy rụi, sụp đổ thì vô số. Người lính chỉ tay về bên kia sông. Bên kia là đất Miên, nơi bọn nó đặt súng. Chợt có 3 tiếng súng nhỏ nhoi văng về từ bên kia bờ. Người lính chợt nắm tay tôi kéo xuống, sát bờ tường. Người lính đưa đôi mắt hốt hoảng như ngóng đợi. Đó, chúng nó pháo đó. Ba tiếng súng là 3 phát báo hiệu của lính tiền đồn, Họ vừa nghe tiếng đạn đi. Tôi chợt lạnh mình. Sự sợ hãi bỗng dưng như một cơn bão rớt. Có lẽ mặt mày tôi tái xanh cũng nên. Bảy giờ, thị trấn nghẹt thở trong nỗi chờ đợi. Chỉ có 3 phát súng tiền tri. Nhưng sau đó là một còi địa ngục. Người người đang hốt hải chui xuống hầm hoặc tìm chỗ ẩn núp. Cái cảnh tượng ấy đã tái diễn biết bao nhiêu lần trước khi đến đây cùng với cơn mưa ân sủng của tôi. Một người đàn bà núp bên cạnh tôi đang niệm Phật. Một người đàn ông đang nhắm mắt. Dễ chừng lúc này, ai cũng đặt một niềm tin vào tôn giáo, thần linh. Nhưng, cũng có một số trong bọn đã phải banh xác. Súng đạn đã thắng được thần linh.

Chờ đợi chừng 2 phút và chưa nghe đạn pháo địch. Có lẽ, 3 phát súng xa xôi kia là 3 phát súng lầm lẫn. Người hướng dẫn thở phào. Rồi anh ta dắt tôi về khu phố chợ. Ở đây cách đây hai tiếng đồng hồ, đã xảy ra một thảm kịch của tội ác. Người lính kẻ có hai quả hỏa tiễn 122 ly rơi trúng khu đó, người chết vô số, chưa tìm hết được. Mưa bắt đầu nổi lớn. Bầu trời sẫm tối lại. Giòng sông chỉ còn là một màu mờ nhạt hầu như hòa nhập vào cõi bờ xa. Mưa thì nhao xối xả trên đầu tôi. Tôi vừa vượt mặt vừa bước hồi hải. Bùn ngập cả giày trần và đôi lúc tôi phải trượt té. Tôi đã đến cõi địa ngục. Khói từng cuộn vẫn còn bốc tỏa. Lửa vẫn còn ỉ dưới nền sâu, ngập đầy vật dụng và gạch đá vỡ vụn. Tiếng khóc tức tưởi dâng sau tôi. Tiếng gào xé đang trước tôi. Tiếng khóc ngen ngào bên tai tôi. Và rồi, tiếng khóc đứt đoạn từng cơn. Tôi muốn nôn khi nghe lại cái mùi ghê tởm. Cái mùi phát ra từ những vỏ cao su bánh xe bị đốt. Mắt tôi lại bắt gặp một mảnh thịt đỏ lôm dôm dưới đất. Vài người đã

tìm ra được một thây ma dưới đóng gạch vụn. Một thây không còn hình tượng. Cơn mưa mỗi lúc mỗi lớn Tuy vậy, nó cũng không thể chế ngự những ngọn lửa đang âm ỉ bên dưới cùng. Mà trái lại, nó càng làm tăng thêm cái mùi vị đặc biệt ghê tởm. Cơn mưa đã làm tôi lạnh như một người lên cơn sốt rét. Châu thân run rẩy lập cập, tôi chạy tìm một nơi trú mưa. Trong khi, cả miệng lưỡi tôi như lợm đi. Một cái gì đang cay tê tái tê cả người, rồi một phút nào đó, đôi mắt tôi lại bắt gặp một vũng nước sền sệt màu máu ở phía dưới chân. Đó là lúc tôi thấy ghê tởm lạ lùng. Đó là lúc tôi run sợ lạ lùng. Khi đó, đôi mắt tôi đã mờ đi cùng cơn mưa. Mờ đi cùng một cơn mưa máu. Cơn mưa ân sủng ấy đâu rồi. Cơn mưa xứ Huế của tôi? Như một định mệnh, càng ngày tôi lại càng xa cách Huế.

Năm năm trước đây, vùng đất đầu tiên để làm quen với cuộc đời binh nghiệp là Bình định, là Tuy Hòa, hay Pleiku, Kontum. Hai năm sau, tôi lại thuyên chuyển lên Ban mê thuật; và bắt đầu làm quen với rừng Trường Sơn. Và sáu tháng nay, tôi lại lưu lạc xu. mai tận vùng đồng bằng châu thổ, một miền đất mà có lẽ tôi không bao giờ nghĩ tới. Hay định mệnh đã bắt tôi trở thành một đứa con xa hương, tha phương cầu thực. Hay cũng định mệnh đã bắt tôi sống để mà tiếc thương nhưng nhớ.

Vùng đất tôi về, hơn nửa năm nay, như một sa mạc. Cũng chẳng có một ngày gọi là gây lạnh, một đêm gọi là rét mướt để tôi sống lại một thời của quê hương. Vùng đất tôi về, vẫn là đất trời chùng mực, cuộc sống vẫn bình lặng, cảnh tượng vẫn mỗi mòn quen thuộc. Như những cánh đồng bát ngát, như những kênh rạch chằng chịt, những sông ngòi hùng vĩ.

Và tôi phải thú thật, đất trời miền Nam đã khiến cho trí não tôi bị ru ngủ trong một nỗi lười biếng. Tâm hồn tôi cũng vậy, nó chẳng khác một giòng sông Cửu Long, mông mênh và phẳng lặng.

Nhưng chiều hôm nay, tâm hồn tôi đã nôn nao vô tả. Bởi vì, chiều hôm nay, có một người ở phương xa trở về, mang theo một xứ Huế của tôi. Bởi vì chiều hôm nay, có một cơn mưa bụi bông chột về, như một màn nước mắt của một thiếu phụ, và cả đất trời kia nữa, cũng chìm trong một cõi quá đỗi u hoài, buồn bã, lẻ thê.

Một cơn mưa bụi. Để chừng lâu thật là lâu, tôi mới thấy một cơn mưa, và nghe được tiếng mưa êm ái ấy. Để chừng như rất lâu, đa thật tôi mới bắt gặp lại cái gây lạnh như vào độ giao mùa, đến nỗi tôi ngỡ vừa bắt gặp một điều gì quý báu nhất đã bị đánh mất.

Chúng tôi cùng ngồi trong một góc quán ven sông. Mưa rơi êm ái trên mái tôn, như một cung đàn buồn. Mưa nhòa nhạt một khúc sông chiều, làm buổi chiều về mau về một mặt trời hồng cũng biệt tăm trong màn mây xám. Mưa, mưa. Tôi vừa hút thuốc vừa ngây ngất trong cơn mưa ngà ngọc. Tiếng mưa dịu dàng, như dỗ dành tôi trong một cơn mơ. Và tôi bấy giờ chẳng khác một đứa bé, buổi sáng vẫn còn trèm chần đang vời vỉnh mẹ. Cơn mưa đưa tôi về một chân trời. Tôi đắm đắm nhìn cuối giòng sông. Những khóm lục bình đang thong dong trôi về phương nó. Tôi cũng vô tình liệng xuống giòng nước kia một cánh lá, cánh lá từ một bụi hoa trong chậu. Tôi nhìn theo nó. Đôi mắt tôi mờ đi. Vâng, thật tội nghiệp cho tôi. Tôi đang liên tưởng đến một thằng học trò, buổi trưa mùa hạ, dựa lưng vào gốc sung bên bờ Đập Đá. Tôi thấy tôi đắm mưa, qua phà. Tôi thấy lại khóm bèo trôi giữa giòng, trong khi sông Hương bắt đầu lên cơn nước lớn. Giấc mộng đưa tôi về ngôi nhà của một người con gái sau bờ dậu, với con đường âm u đen tối. Và bên ni bờ sông tôi đang yêu trộm nhớ thầm. Tôi phải kể ra đây hàng ngàn trang giấy mới nói hết những ngày tôi sống cùng Huế. Và cả một trời kỷ niệm vui buồn, tôi xin gởi về tận cuối con sông chiều. Tôi xin gởi đến một giòng sông của riêng tôi, một bầu trời của riêng tôi, một thế giới của riêng tôi. Ở đó, có rất nhiều điều đáng nhớ, và rất nhiều điều đáng quên, nhưng bởi vì nhiều quá, tôi đã không thể nào nhớ và quên hết. Tôi chỉ biết chiều hôm nay, có một cơn gió lạ từ một cõi nào thổi đến nơi chốn này. Một cơn gió của Huế cũ g nện.

Phải, bây giờ tôi mới biết tôi là một đứa con bội bạc. Tôi đang tập tành nói giọng Nam, sinh hoạt như một người Nam. Và có thể, quê hương thứ hai của tôi cũng là miền Nam. Tôi đang tập hòa

sự một điều. Khi sống cùng Huế ta cảm thấy buồn, nhưng khi xa Huế, thì ta lại càng cảm thấy buồn hơn. Bạn ơi không bao giờ ta thêm chấp cánh bay về Huế, bởi vì chính Huế là của riêng ta. Bởi vì chính Huế là một nơi cho một kẻ trở về.

Chiều hôm nay, bạn mang cho tôi một kinh thành cũ. Những hàng bông sứ, những hàng nhãn lồng, những cơn mưa ruột thịt, những buổi sáng sương mù, những... biết bao nhiêu điều đó để một đứa con xa lìa quê hương nhớ lại mà sa nước mắt.

Cái giọng nói quen thuộc cũ đã vang lên lên dịu dàng bên tai tôi. Bạn nhắc đến quán cà phê bên cổng Đại nội. Bạn nhắc đến, nhưng con đường ven bờ sông đầy bóng mát. Bạn nhắc đến cây hoa sứ trước sân thư viện. Bạn nhắc đến những ngày thứ bảy, chủ nhật trên các vỉa hè Trần Hưng Đạo, Gia Long. Bạn cũng bùi ngùi kể lại những ngày tang thương của Huế, như chợ Đông Ba bị đốt, như dân chúng bỏ lên đường chạy nạn khi nghe tin Quảng Trị bị thất thủ. Bạn kể đến những người con gái Huế đã cắt tóc thè, bỏ Huế ra đi. Tôi muốn rụng nước mắt. Đôi mắt tôi hướng về một khoảng trời âm đạm xa xôi, và dễ chừng thấy lại tất cả một thành phố cũ. Từ những đường nét nhạt mờ đến một vùng bao la sương khói. Từ đây, tôi cứ ngỡ là tôi đang ngồi lại một cho ngôi quán nhỏ, đốt thuốc một mình. Hốt nhiên, tôi thì thầm rằng :

— Trời hôm ni như một ngày mưa thu xứ Huế.

Cơn mưa nhỏ vẫn tan từng sợi mỏng. Bầu trời chiu nặng trên các ngôi nhà mái đỏ sẫm. Những con đường nhựa buồn rầu đan nhau, và những chiếc xe lồi như những cỗ áo quan qua lại. Thành phố đã khoác một bộ áo tang. Huế cũng vậy. Huế cũng có những buổi chiều như thế. Huế cũng có màn mưa thiếu phụ như thế. Huế cũng có những ngọn gió hơi se sắt như thế. Tự nhiên, tôi lại nói một câu cùng bạn :

— Hình như chiều nay, có một người mang cả xứ Huế vào đây.

Vâng, bạn đã mang trọn một xứ Huế vào đây. Bạn đã giúp tôi thấy lại một cái gì đã mất. Nhưng gì mà tôi đã ngỡ chìm trong

ngày tháng quê người. Nhưng gì quý báo nhất một đời. Tôi phải cảm ơn bạn. Tôi phải cảm ơn bạn một trăm một ngàn lần hơn thế nữa.

Nhưng tôi là một đứa con bội bạc. Tôi đã bỏ rơi Huế. Tôi đã trốn chạy Huế. Mấy năm trời, tôi đã càng ngày càng rời xa Huế. Và bây giờ, một chỗ ngồi này, tôi lại thấy rằng Huế của tôi đã quá chừng xa cách ngàn trùng. Ôi làm sao tôi lại có thể chấp đôi cánh thiên thần để bay về cùng một quê hương yêu dấu. Tôi không thể, vâng, không thể trở về để tạ lỗi cùng Huế được. Chỉ có những đám mây kia, tôi xin gửi nỗi niềm của một đứa con xa cách.

Cõi lòng tôi đậm chùn lạnh. Da thịt tôi cũng vậy. Nỗ như, được ve vuốt bởi một cơn gió chớm mùa. Mùa thu. Mùa mà một đứa con của Huế chắc hẳn phải nhớ trọn đời. Như tôi đang nhớ, nhớ thể thiết đến độ thấy giòng sông chiều trước mặt là một giòng sông của quê người, với màu mây xám buồn, với những đợt khói hiu hắt thổi từ một vài con thuyền ở bến đợi, với tiếng thở rất nhẹ của một mùa quạnh hiu. Và nhất là tôi đang bắt gặp lại những tiếng lòng đã mất. Tiếng lòng của một đứa con trai xứ Huế.

Tôi hỏi bạn về những ngày đã qua. Bạn vừa đốt thuốc vừa kể. Chẳng hạn đoàn người chạy loạn đầy ngập cả kinh thành cũ. Chẳng hạn những ngọn lửa tàn bạo như những ngọn lửa báo hiệu ngày tận thế bốc lên từ chợ Đông ba, để đánh dấu một tấn thảm kịch đau đớn nhất của một đế đô sau khi cầu Trường Tiền bị gãy đoạn chia lìa trong năm Mậu thân trước đó. Và những ngày, dân Huế dắt dìu bồng bế nhau từ bỏ kinh thành trong khi cơn sốt của chiến tranh đã theo những đợt cát bỏng cháy từ Gio linh Đông Hà càng lúc càng thời xáp về kinh thành. Khi ấy, bạn nói. Mình như một người lạc loài nhất thế kỷ. Đi giữa đường, ban ngày, mà mình ngỡ như đi trong đêm tối, bởi Huế đã không còn thấy một bóng người. Tự dưng nước mắt mình lại trào ra. Thú thật, lúc đó, mình có cảm giác mình là một hồn ma.

Giọng bạn bùi ngùi. Còn tôi, đôi mắt cay nóng. Tôi thương Huế, và khinh bỉ tôi.

Tôi đã bội bạc Huế.

Cơn mưa đang nhòa lên bầu trời thành phố. Từng giọt mưa từng tiếng thì thầm khe khẽ, buồn bã như một cung đàn thân ái và vĩnh cửu. Huế của tôi ời. Cơn mưa ân sủng của tôi ời. Tôi phải nói ra đây những gì để chứng minh nỗi nhớ nhung thiết nhất và lời tạ lỗi chân thành nhất, về một quê hương yêu dấu suốt đời.

Tôi phải nói ra đây những ngày chờ đợi một cơn mưa ân sủng, hay một cơn gió heo may chớm mùa. Tôi phải nói ra đây những lần đi dưới một thỉnh không chói lòa nắng lửa, mà nhớ thiết cái gầy lạnh của ngọn gió từ mạn sông, hay thêm thương được nhìn những ngọn lá sao, ngô đồng, trở vàng, cuống quít rụng dưới mặt đường. Tôi phải nói ra đây, về một con đường, 16, 17, áo trắng rợp trời, trở về giữa hai hàng phượng đỏ trong khi tiếng ve sầu dội một lừng không. Tôi phải nói ra đây, những lần tôi đạp xe đi tìm một quán bún bò, cơm hến, nhưng cũng phải hoài công. Bởi vì, tuy vùng đất tôi về, cũng vẫn có những đám mây điệu với những giòng sông bạt ngàn, nhưng tôi cảm thấy mình không có một nơi nào tại ấy. Chỗ của tôi là một chỗ khác. Hồn của tôi cũng là tại một nơi khác. Cõi trú ngụ lưu luyến nhất của tôi ở một phương trời khác. Bên giòng sông sương khói, bên những con đường tình sử âm thầm bên những sáng sương mù, và hoàng hôn sương khói. Chỗ của tôi, có cay đắng ngọt bùi. Cay như trái ớt xiêm, ngọt như môi người con gái thanh nội, đắng như trái vả, chuối chát, và bùi như củ khoai lang nướng. Những thứ đó, ở đây không có, háy cô lẽ tôi chẳng tìm thấy chúng ở đây. Ở đây, cuộc sống vẫn phẳng lặng như giòng Tiền giang, Hậu giang, cuộc sống vẫn chẳng mấy may cay đắng ngọt bùi mà trái lại là một điều không bận tâm, thắc mắc.

Cuộc sống ở đây đã mở cửa. Như máu huyết của lớp người tiền phong đi tìm miền đất mới. Hết ở đây là thứ đất của người. Còn tôi, thú thật, tôi vẫn ưa cô độc. Lòng tôi vẫn ấp dấy sương khói. Bởi vì, tôi đã lớn lên tại Huế, thở cùng Huế; khóc cùng Huế. Buồn vui cùng Huế. Thành nội đã nuôi dưỡng tôi. Bóng tối, và những cơn mưa dưới bờ tường cổ đã ngập tuổi trẻ của tôi. Mơ mộng, lãng mạn của đất trời sương khói để đô đã chiếm ngự tôi. Đắng cay

ngọt bùi đã ăn sâu vào máu huyết của tôi. Tôi là Huế, Huế là tôi. Nhưng than ôi, bây giờ tôi lại xa cách Huế quá. Xa cách đến độ dưới chân mây kia, tôi cứ ngỡ có một giòng sông mờ nhạt dịu hiu và bốn bờ thành nội chỉ là một mái nhà cho những lũ chim sáo tìm nơi trú ngụ.

Bây giờ bạn mới nói về hoàn cảnh bạn. Hoàn cảnh bi đát của một người trẻ tuổi, khiến bạn phải bỏ Huế mà ra đi. Lòng tôi chợt nhói lên. Bởi vì chính tôi cũng như bạn. Bạn lại nhắc đến những thằng bạn quen thuộc cùng chung một số phận. Như Kh. đã lên miền cao nguyên. Như S. đã về SG. Như X. đã ra đi. Như con Đ., con L. ra ngoại quốc. Chúng đã bỏ Huế ra đi. Con trai con gái đã bỏ Huế ra đi.

Ra đi như những chuyến xe dò rú ga thả khói rời bỏ Huế dạo nào. Ra đi, khi đằng sau những ngọn lửa căm hờn, hung bạo từ mái chợ Đông Ba bốc lên ngùn ngụt. Tự nhiên tôi thở dài. Tôi liên tưởng đến một ngày trở lại Huế như một người Từ Thức. Tôi sẽ chẳng còn một gương mặt nào để mừng rỡ hàn huyên. Vâng là một quán vắng bên sông Hương, để tôi ngồi mà bật khóc. Vâng tôi biết, tôi sẽ là một Từ Thức, trong ngày trở lại. Một đứa con trở về, theo con phà, để nhìn xuống giòng nước xanh gợn sóng mà thấy rõ cái thâm kịch của thời gian dẫu biến. Và khi ấy, liệu tôi còn có dịp để nghe tâm hồn băng khuâng như một thuở tình si :

Những chuyến phà chở anh về thành phố

Có chuyến nào anh mong được gặp em ?

Cơn mưa chiều vẫn tiếp tục pha màu ngậm ngùi. Trí óc tôi bây giờ là cả một giòng sông xanh, dưới cơn mưa hoàng hôn sướt mướt. Tôi đang đọc lại văn thơ cũ, cứ sao, cứ lòng tôi không còn rung động như trước nữa. Mà trái lại là một cõi ngậm ngùi cay đắng.

Không, không có chuyến nào anh mong được gặp em. Dù có dốt trăm ngàn bao thuốc. Dù có tiếp tục qua phà suốt đời suốt kiếp. Dù có đợi chờ như tượng đá chinh phu. Chẳng có chuyến nào để mình mong đợi. Bởi vì người thi sĩ đã tiên tri : Còn đâu cô gái nơi thành nội. Ai điểm trang mà em phấn son. Em cũng đã như anh

em cũng bỏ Huế mà đi. Em cũng làm cánh chim không tổ. Mái tóc
thề của em cũng đã cắt. Chiếc nón bài thơ của em cũng đã bỏ quên.

Cơn mưa đã làm buổi chiều rơi mau. Giòng sông bắt đầu thiếp
ngủ trong màu sẫm tối. Màu nước phù sa đã biến mất, nhường lại
là màu đen nhạt. Những giọt lệ trời vang nhẹ trên mái quán và gió
thì lộng vào lòng quán nhỏ nhiều hơn. Tôi nói với bạn :

— Mới đó, mà bây giờ chúng ta đã quá ba mươi. Sắp bước
vào tuổi già rồi. Bạn cười :

— Có bao giờ mình nghĩ là mình như thế này không ?

— Không bao giờ.

— Tôi nói mà chẳng cần nghĩ ngợi. Vâng làm sao tôi lại biết
có một ngày tôi có mặt nơi này, nghe mưa mà nhớ quê nhà tha
thiết. Bạn cũng vậy, bạn làm sao ngờ một ngày bạn rời Huế để bỏ
tôi nhìn gương mặt bạn. Bóng tôi đã làm gương mặt đen sạm
của bạn càng đen sạm già nua hơn. Mới ngày nào, hai đứa còn rủ
nhau trần truồng tắm ở bến sông, hay rủ nhau vẽ miền quê bắt đẽ
mèn, bắn chim se sẻ. Mới ngày nào, gương mặt bạn còn hồng hào
đôi mắt bạn còn tinh nghịch. Bây giờ, hai gò má ấy đã bắt đầu lõm
nâu, và đôi mắt kia đã pha màu u buồn. Tôi lại liên tưởng đến tôi.
Thì ra, tôi cũng vậy. Tuổi thơ mộng của tôi đã bị thời gian đánh
mất từ một ngày nào. Bây giờ, tôi đã thấy mình già. Vầng trán tôi
đã thấy lộ vết nhăn. Hai gò má tôi đã thấy lõm. Râu tóc tôi đã mọc
đầy và đã bạc trước tuổi. Tôi nghe tôi nói thầm : thời gian là một
thảm kịch. Tôi nghe tôi trở thành một chàng Từ Thức, đi giầy rơm
mặc áo khinh cừu, đứng giữa một bãi hiu quạnh mà sa nước mắt.
Và mưa thì rơi xuống đầu tôi. Mưa dịu dàng, êm ái như một nhịp
buồn vĩnh cửu. Chỉ có tôi, đứng giữa một kinh thành tro tro, những
bờ thành sụp đổ, rêu phong, những hàng sứ trơ cánh đen đúa trên
nền trời xám đục.

Tự dừng, bạn nhìn tôi rồi khẽ bảo :

— Cậu hãy ngồi yên nhìn ra dòng sông. Để tôi vẽ cho cậu một
bức chân dung.

Tôi làm theo ý bạn. Lưng tôi khom xuống lan can quán. Trông tôi bây giờ chìm ngập hình ảnh quê nhà. Với cơn mưa chiều ướt ướt. Với những ngọn gió heo may. Với thành nội, với những con đường đầy bóng lá và thơm lòng hương trời đất. Dưới mắt tôi, nhánh sông trong giờ phút giao thoa đã trở thành một giòng sông khác, thật hiền lành, thật sương khói. Và chiếc cầu đúc kia đã trở thành 6 vành cầu trắng mập mờ dưới ánh điện đêm. Tôi như thề thấy lại những ánh đèn lửa vừa được thắp lên từ những con đò ngủ muồn về tiếng mái chèo khua nước róc rách. Và mưa, những giọt mưa tuyết vời của một quê nhà mang lại, vĩnh cửu như một niềm ân sủng. Tôi thấy tôi đầu trần đội mưa qua nhà một người yêu dấu. Con đường không điện có tôi hồi hộp bước chân. Tôi thấy ánh đèn đăng sau khung cửa, mái tóc thề của ai lơ lửng như một niềm thân yêu mà tôi không bao giờ diễn tả nổi. Tôi thấy ánh đèn ấy. Vâng tôi đã thấy ánh đèn ấy. Tôi đã bắt gặp lại ánh đèn kỷ niệm ấy. Mắt tôi mờ đi. Tim tôi đập mạnh. Mái tóc thề đen nhánh dưới ánh đèn đã làm tôi hớp hồn. Và gương mặt nàng chợt ngừng lên, khiến tôi phải cúi đầu xuống che dấu dưới hàng dâm bụt. Tôi sợ nàng bắt gặp. Tôi nghiệp cho tuổi trẻ dại khờ của tôi. Rồi tôi lại ngừng đầu lên, cố uống cho ướt mái tóc. Bởi vì chính mái tóc ấy đã làm tôi dột được một cơn mơ tuyết vời trắng.

Bạn đã về rồi. Giọng bạn vang lên làm tôi sự tỉnh cơn mộng. Tôi lấy bức tranh, nhưng rõ ràng, đôi mắt tôi phải sưng sờ. Một cảm giác ngậm ngùi cao, đáng nhất đã khiến tôi muốn há hốc miệng. Bởi vì tôi thấy tôi trở thành một người già xơ xác tiêu tụy, râu tóc tua tủa mọc đầy. Nhất là hai gò má lõm sâu vào như một con người mang nhiều bất hạnh. Bây giờ tôi mới thấy được sự thật. Tôi nghe nói thăm Huế ơi, liệu ngày mai trở về, tôi còn đủ tâm hồn để sống cùng Huế không. Liệu tôi còn đủ nhạy cảm một thời vào đó không? Hay là về để chống gậy trúc, mặc áo khinh cừu làm một kẻ bơ vơ như một người Từ Thức!

TRẦN HOÀI THƯ

Lê Nghiễm Vũ

Những ngày ở Huế

chiều nay Huế buồn hay là Huế vui?
em vẫn còn ngoan như em thuở nào
tiếng em nói vẫn là lời chim hót
mắt em nhìn là hai đốm sao

cho anh tiếp làn hơi thở em
đôi môi yêu thương đôi môi run mềm
anh gọi nắng về cho em ngồi hong tóc
xin hãy khoan về ôi bóng đêm

cho anh đưa em qua những con đường
bao nhiêu hàng cây lá bấy nhiêu thương
cho anh dìu em qua từng con phố
bao nhiêu tầng mây là bấy vẩn vương

cho anh ôm em trong vòng tay
như nhịp cầu ôm nhánh sông này
xin em không là con thuyền của biển
và anh không là sóng nước dâng đầy

em mãi hiền ngoan em nhé của anh
như vãn nghìn năm lá mãi còn xanh
mộng ước đó như những cánh lúa mới
mọc trên tay những đóa hoa thơm lành

LÊ NGHIÊM VŨ

Nguyễn Đức Nhân

Ngậm ngùi

Tặng những cội lòng riêng ở Huế
Nhạc của hồn, xa bến viễn khơi
Chim đi ai đứng nhớ trông trời

Thuyền rồng năm cũ mờ sông nước
Hoang phế thành vua, hoa cứ rơi

Mây của thịnh suy un tằm hướng
Đề buồn đoài đoan sông Hương giang
Nhưng viên gạch rã lòng năm tháng
Gió thổi rừng ma lạnh xuống gần

Im vắng ngàn cây buồn cung nữ
Sân châu thấp thoáng bóng voi đi
Hiên rêu mờ ảo màu xiêm áo
Nắng nhẹ như trông mắt thứ phi

Hoang phế lâu rồi, hoang phế dựng
Mặt nhật đôi tây chắc nhớ người
Hoàng hôn trên mái thương cung điện
Góc tối mơ về chén tiệc vui

Loa lệnh âm thừa vang bốn cửa
Trống châu còn vọng ở lòng ai ?
Nhìn xa, xa nữa, mù sương khói
Kim cổ 1 Ừ thôi nước chảy dài !

NGUYỄN ĐỨC NHÂN

Hà Huyền Hoa

Yêu con gái Huế

Chiều bãi hoải trên đầu cây ngọn lá
Con chim rừng rời đồng nội lên non
Sông cũng vui theo chiều nước về nguồn
Anh đứng lại nghe đời mình đơn độc
Anh đứng lại nghe đời anh đồ dốc
Trăm vạn cuộc vui òa vỡ theo cùg
Bằng hữu bây giờ có cũng như không
Ở xa quá, những nẻo nhìn hướng nhớ

Anh đứng lại nghe trong lòng trắc trở
Em ở nơi nào mắt đợi có rung rung
Lòng thiếu nữ, tuổi dậy thì có nhớ
Cũng xin em còn một chút bao dung
Cũng xin em còn giữ lại mùa xuân
Mùa của sắc lá giữa đời nhiều mệnh hệ

Anh thì chỉ còn có em gái Huế
Như một nơi để về, một chỗ để thương
Một chút rộn rã trong vui lòng quanh quẽ
Một người để yêu. Để yêu rất bình thường
Như yêu con cò trắng giữa đồng sương
Như yêu con đò chiều hôm trần trọc
Phơi đời đét khô giữa bãi cát vàng
Yêu em, tình - hiền - mắt - đẹp - lòng - ngoan.

HÀ HUYỀN HOA
tháng 10-1973

La Nguyễn

Cho Huế bây giờ

ngàn xưa sóng vỗ ru sâu
thuyền neo lơ lửng chân cầu Hương giang
em đi ngày tháng úa vàng
thành xưa tích cũ ngõ ngang ngóng trông
chuông chùa Thiên mục thỉnh không
ru hồn lữ khách trên sông xuôi dòng
dáng buồn Thôn Vỹ mệnh mong
sầu lên chín bệ rũ lòng cò xưa
và từ một cuối đông mưa
thành tro xương trắng máu vừa hào sâu
điều tàn ! ời Phú Vân Lâu
đưa tay chào vẫy... nuốt sầu em đi...

LA-NGUYỄN

Nguyễn Văn

Trong sân trường Đồng Khánh

Tặng Bích.x.Hồng

Có người tôn nữ phai hương
Đi qua trời cũ đau hồn xưa sau
Cây mùa rớt lá buồn rầu
Nét rêu đạ một cổng chào xót xa
Và con chim hót mù lòa
Chân du hoang đê lạnh tà dương kia
Thôi còn tiếng hát đam mê
Ta xin trả hết bốn bề thình không
Mai xa vọng nhớ bạc lòng
Ngoài kia con nước trôi hoang mù đời
Gọi tên người lẽ loi trời
Một ngôi trường cũng dậy ngùi ngậm thân..

NGUYỄN VĂN

Xuân Hữu

Tôi ngang qua trường Đồng Khánh

Tặng Trần hữu Nghiễm

Tôi đi ngang qua trường Đồng Khánh
Một chiều thu gió hây hây
Bên đường muôn màu áo trắng
Phất phơ chiều gió tung bay

Tôi đi qua từ thương nhớ
Người đó yêu từ hôm nay
Bài thơ gửi về lối ngõ
Đang vì mưa gió dạn dày

Tình tôi vẫn là tình thắm
Người tôi chưa biết là ai.
Nhưng biết là người áo trắng
Tóc thể vừa chấm ngang vai

Tôi lại qua trường Đồng Khánh
Với một chuyến dò sang ngang (1)
Có hơn mười cô áo trắng
Tôi lại cảm thấy bâng khuâng

Áo trắng kia ơi -- sông núi
Ngự bình Hương giang hữu tình
Tôi nhớ màu xanh năm ngoái (2)
Của người em gái xinh xinh

Tôi đi tìm người em gái
Nắng hồng áo lộng chiều thu
Cũng là người em áo trắng
Tôi gặp người ấy hôm qua

Tôi đi qua từ thương nhớ
Màu áo người em thướt tha
Môi hồng em cặp nón Huế
Tóc huyền thắm đượm tình hoa.

XUAN HỮU

26-9-1963 Huế

(1) Trước bến cổ Mậu Thân, Huế có bến dò Thước Piu.

(2) Năm 1962 nữ sinh Đồng Khánh Huế mặc đồng phục màu xanh da trời vào mùa nắng, và màu xanh blen vào mùa mưa.

Thanh Thanh

Bài thơ xứ Huế

Ôi xứ Huế ngàn năm cảm miệng hến,
Yêu không nồng mà ghét cũng không cay,
Nhưng khi thương thì gió nổi, cờ bay,
Mà lúc phụ thì xe cùng, ngựa bí !

Ôi xứ Huế không khô cần lý trí,
Không ngập lầy tình - cảm,

— Của lòng ta !

Jean Fuller, nhạc - sĩ nước Lang - Sa,
Đến biểu - diễn những cung đàn tuyệt - thế,
Đề tử - nạn ngay khi rời khỏi Huế !
Và Thái Lan, một võ - sĩ đu bay,
Rơi nát đầu giữa vạn tiếng khen hay :
Sân rạp xiếc Pellerin đâm máu !
Báo «Tổ - Quốc» nâng - niu như của báu
Nhưng loại bài phóng sự Huế... nhưng sao
Không dư - âm tên tuổi một văn hào !
Nhưng gánh cải - lương Saigon xuất sắc,
Một chuyến du Trung, tình chia, nghĩa cắt,
Bầu sang tên, đoàn đôi hiệu, kếp thay da,
Và mới đây có kẻ kiện ra Tòa !

Ôi xứ Huế, nơi yêu - chiều nghệ - thuật,
Mà cũng là nơi phong màn lấp - khuất
Bao hang hăm nghệ - sĩ dễ sa chân,
Bao tấn tuồng dơ - dại của phàm nhân !

Ta đã thấy xôn - xao làng thợ cúp,
Vì lắm kẻ đang mơ thêm được úp
Một nồi rơm; một ổ qua trùm tai,
Lăn đầu xem Trần quái - kiệt phô tài !

Ta đã thấy bao nhiêu người nhỏ dãi,
Hương về cửa phòng vi - âm cát dãi,
Ước trở thành ca - sĩ tiếng - tăm vang
(Chính tim ta nghe thoáng giông oanh vàng
Cũng náo - nức như muôn ngàn thỉnh - giả !)

Nhưng đáng lẽ chỉ cần nghe - ta - tả
Một lời ca, một bản nhạc xa,
Thì, đã ấy năm, ta đã chung - òa
Công - việc - công - việc mình lại một :
Như khán - giả - ta nóng - sốt
Sống rất nhiều những nếp sống vô - duyên,
Nghĩa là lo bão - táp lánh tan thuyền,
Nghĩa là tiếc một cành hoa nở muộn,
Và thương - xót cho thân bèo sóng cuộn !

Ta sống lên trên tất cả thời - gian ;
Mười nam xưa, nửa kiếp nữa : mấy quan - san ?
Ta nhớ rõ chuyện ngày qua ở Huế
(Quên sao dặng khi đời ta chữa xế ?) !
Nơi buồng tim, bắp phổi đã lên rêu.
Nhưng máy tuần - hoàn hô - hấp vẫn đều,
Dù khí - hậu có nhiều lần bất nhất !

Ôi xứ Huế dang hai tay vồn - vập
Đón đàn con phiêu - lãng tự xa về :
Gã thi - nhân lòng tín - hành tràn - trẻ,
Mơ đất Huế nơi dung tài vĩnh - viễn ;
Đâu đoán liết mai kia nằm bệnh - viện,
Đời quên lơ, độc - giả ngàn văn - thơ.
Khách tao - đàn thề cãi đứt đường tơ !

Ôi xứ Huế, một mình ta ý hiệp ;
Hai tay trắng làm nên bao mộng điệp !
Thưng than ôi, thiên - lý mắt không xanh,
Đáy sông Hương chôn lấp bóng kinh - thành,
Rêu Bần - Lãng tung - hoành trên mặt nước !

Ta vẫn sống với chân - thành nguyện - ước :
Trả cho người từng giá trị tình - nguyện,
Nhưng Ngay Lành không bến Đẹp trường -
Và vĩnh biệt những lắm hư xấu dữ.
— Ôi xứ Huế mà thơ ta thiếu chữ !

THANH-T

195

Người bên dòng hương

đã đến và đi người bên dòng hương
con nước xanh và buổi mai gió rít
người với hơi dài trong lạnh lẽo và mưa
ở đó người đứng lâu dài bên thành trì cổ tích

bên giòng hương người cứ cười cứ khóc
một mùa xuân người cứ sống cho qua
đã đến và đi ôi đường huỳnh thúc kháng
đã đến và đi chừ tím cả hồn ta

thành phố huế người đã về ngự trị
con đường tím mù những chặng phố và đêm
ngày vẫn lớn dòng hương đời vẫn chảy
và thơ ta thêm một tuổi giấc phiền

đã đến và đi phố buồn và gió
buổi sáng thật dài những bước chân lang
đã đến và đi mùa xuân cúi mặt
thôi đó người yêu dấu chết trong tim

đã đến và đi người bên dòng hương
còn để lại những đêm ngồi che mặt.

TRẦN HỮU NGHIÊM

VĐBT (1969—Huế)

Huế hôm nay

Một cửa sổ của văn phòng lần đầu nơi tôi đang sống đã nhìn ra phía ngoài một góc thành phố đông đúc. Trong một buổi chiều, tôi nằm dài yên lặng trên ghế bõ, nhìn ra ngoài cửa và tôi nhớ Huế.

Từ cửa sổ ngó ra Huế, là hai cây bông bụt đỏ ối, những làn mưa nghiêng nghiêng trong một bầu trời âm đạm.

Mỗi năm vào tháng này, tôi đi Huế. Đi ở đây, có nghĩa là trở về với những cái gì tầm thường nhưng quý giá: một căn nhà chật hẹp, một tô bún bò gạo già, bạn bè tại những quán cà phê nhỏ Mẹ Tôn và giữ Huế trong tay suốt mùa hạ. Bản chất của Huế nằm trong kích thước nhỏ bé của nó. Nó không ồn ào và bận rộn. Những lẽ đường của Huế thân mật. Trên con đường của thành phố, bạn có thể rờ tay vẩy bạn bè suốt ngày. Khách lạ mới tới Huế có cảm tưởng găng tất cả mọi người ở Huế đều có họ hàng với nhau.

Trước hết tôi trở về để thưởng thức những vật tầm thường nhỏ bé đó. Tôi đã thưởng thức nó trong một thời gian ngắn trước khi biến cố Mậu Thân xảy ra.

Một sự sợ hãi lớn lao đã đến với Huế. Thật là điều khó khăn đối với tôi để quên, mùi xác thối rữa trên đường Lê Lợi khi tôi cùng gia đình tản cư ngang qua đó. Hai hàng cây trước kia che chở đại lộ bằng những bóng mát cũng bị tróc gốc và trở thành những chướng ngại vật cho chúng tôi.

Nhìn vào Huế tháng Hai, tôi thấy một bộ mặt sụp đổ của thành phố cổ kính. Tôi nghe giọng buồn nhất ở khắp nơi trong địa ngục kéo dài suốt tháng này. Họ là những người còn sống sót trong những cuộc chém giết, dường như họ chỉ còn thân xác mà không còn hồn. Nỗi buồn trộn lẫn khi nỗi đau khổ quá lớn. Tất cả dân Huế sống cùng với nhau trong suốt khoảng thời gian nguy hiểm nhất, diên đã thờ bầu không khí bản thủ nhất của trại tỵ nạn. Tất cả đều đã được biết sự tận cùng của đau khổ. Tôi nhìn những căn nhà bên kia sông bị nổ tung vì đạn đại bác, tạc đạn rơi trên dòng sông Hương, làm

mặt tung bọt trắng xóa. Trong những ngày đầu của trận chiến, gia đình và tôi ngồi yên lặng trong nhà. Buổi sáng đi qua trên những khuôn mặt khổ não. Các anh tôi và tôi ngồi nhấp nháp rượu trong khi đạn réo ngang đầu. Qua khung cửa, chúng tôi nhòa thấy những người lính Bắc Việt di chuyển, nấu ăn, đào hố trong vườn trước mặt nhà. Đó là những ngày đẹp trời của mùa xuân, với nước những giọt mưa nhẹ như sợi chỉ đan vào nhau mà không khí lạnh mạnh. Tôi muốn tản bộ dọc theo những con đường đầy bóng mát trước cửa nhà. Tôi muốn có cốc cà phê ở một tiệm bên kia sông, trong nội thành, đằng trước trường Âm Nhạc và Mỹ Thuật.

Nhưng tôi đã ngồi bất động hơn 15 ngày. Anh tôi và tôi ví những ngày của chúng tôi với những ngày của Anne Frank.

Tôi không biết bây giờ những gì có thể tìm thấy, khi tôi trở về Huế. Những cây cầu bắc ngang qua dòng sông nhỏ đã bị gãy. Tất cả mọi cây cầu An Cựu, Khe Ron, Phú Cam, Bến Ngự, Nam Giao.v.v

Một trong những cây cầu này đã chứng kiến sự trưởng thành của người bạn gái thân nhất, những dấu chân của nàng đã in hằn trên đó khi đi đến trường.

Khu nhà tôi ở bây giờ đã trở thành bãi giây kềm gai. Căn nhà tôi, một phần lớn bị tàn phá, đã đầy rác. Ngày đầu tiên tôi trở về. Tôi ngồi ruỗi dài chân tay trên một cái giường bị gãy và nhìn giọt mưa nhỏ rơi trên tôi, từ chỗ trống của mái nhà, tôi nghĩ rằng đang ... Các kho tàng cổ kính và áp của ngày xưa sẽ không bao giờ trở lại. Quý giá của Huế đã bị bom đạn đốt cháy.

Chỉ trong vòng hai tháng tất cả mọi người dân của thành phố Huế đều trở thành công nhân. Tập quán cổ truyền có từ lâu của một lối sống vương giả ở những gia đình ngày xưa đã bị xóa đi mất. Tôi đã nhiều lần bước ngang qua cầu Tràng Tiền gây đồ nhiều nhịp. Tôi qua dòng sông Hương với con thuyền đầy người. Còn đâu sự êm đềm trong tâm hồn thành phố. Rất khó kiếm thấy một chỗ không bị lỗ chỗ bởi những hố bom.

Những con đường tráng nhựa sạch sẽ thuở nào nay đã trở nên lộn xộn, bẩn thỉu. Tiếng đám bụi bay lên cao suốt ngày ở hai con

đường chính. Một bản quảng cáo của rạp hát Châu Tinh vẫn còn treo ở trước cửa chợ Đông Ba, phim này dường như cũng là một điểm gở: *Le Temps Du Massacre*.

Máu đã chảy và thấm xuống đất thành phố. Tôi đã mất nhiều thời gian ngồi trong quán cà phê trên đường Trần Hưng Đạo để quan sát những người qua lại buồn phiền. Tôi nhớ rằng tôi đã không tắm không thay quần áo và không cạo râu cắt tóc trong hai tháng.

Sau giờ giới nghiêm, thành phố còn trở nên bi thảm hơn, cửa nội thành đóng, đường phố bị bao phủ bởi một bầu không khí lạnh lẽo của bãi tha ma. Những ngôi mộ mới mọc lên như nấm dọc theo những con đường và lề đường trong công viên, trong vườn Cam Tây lộc và trong những cánh đồng nơi đàn bò ăn cỏ. Những bức tường của thành nội cũng đầy những vết đạn. Có lẽ hương hồn của những vị vua chúa ngày xưa và những quan lại cũng sợ hãi. Huế luôn luôn được ném mùi bất hạnh. Từ lụt lội, bão tố trong quá khứ cho đến sự tàn phá của hàng ngàn căn nhà, hàng ngàn gia đình trong cuộc chém giết tàn nhẫn ngày hôm nay, người dân Huế đã phải học cách sống trong kiên nhẫn. Huế dường như bị chặt vào định mệnh khắc nghiệt. Sẽ không bao giờ có thành phố Huế cổ kính ngày xưa nữa. Tại đây dân chúng không bao giờ có dịp để làm giàu một tháng hay một ngày. Cần phải 4 thế hệ: ông cha, con và cháu, mới có thể xây dựng một căn nhà. Căn nhà được truyền từ đời nọ sang đời kia, và những người nào phải xa nhà, đều vẫn có thể nhớ từng cột nhà, từng sàn nhà, từng bậc cửa.

Vì thế cần một thời gian lâu, mọi người có thể nhìn Huế mà không nhìn thấy khuôn mặt bị tàn phá. Huế của ngày xưa đã biến mất đi khi mái cao của cửa Thượng Tứ và cửa Đông Hòa đã bị tàn phá và đầy lỗ thủng.

Tôi bước dọc theo đường thành nội nơi mà hàng ngàn căn nhà đã bị đốt cháy rụi.

Tôi đi lên An Hòa đứng trên ngọn đồi Ưông Voi và nhìn chung quanh, cạnh những hố bom sâu hơn 10 thước. Nơi đây là nhà của hàng ngàn những gia đình nghèo khó. Họ đã trở về nhìn lại những cây chuối non, những cột gỗ, những lảng tằm, từng bậc đá ghi lại những dấu vết của những cái gì đã mất một lần ở đó.

Tất cả mọi thứ đều bị tàn phá. Huế đã phải lo cúng bái thêm nhiều linh hồn còn đi lang thang. Huế đã có một ngày giỗ chung cho tất cả mọi người chết, ngày mà người ta nhìn thấy nhiều đồng xác người. Nhưng bây giờ lại có thêm nhiều thân người nữa. Sự tàn phá càng ngày càng nhiều. Nước mắt của người dân Huế đã đủ để làm một dòng suối nhỏ. Những ngôi mộ ở chùa Áo Vàng, tại Bãi Dâu tại Kim Long, tại Long Thọ, là những dấu vết của một bạo lực hung ác, không có thể quên được trong tâm hồn những người còn sống.

Nhớ những ngày ở Huế trong tháng Giêng và tháng Hai, tôi không bao giờ có thể quên được những người mẹ chạy theo xe của xác, đã mang đứa con trai của bà và trong khi chạy, bà đã vỗ tay cười suốt con đường lầy lội đất đỏ.

Tôi cũng nhớ một người đàn ông già, bước những bước nặng nề, trên vai của ông một cỗ quan tài lế, trên quan tài có cắm ba nến hương đang cháy.

Huế đã sống qua những ngày tàn nhẫn. Hàng đoàn người đã đào lỗ để tìm xác cha, mẹ hay chị. Những tiếng khóc của đám ma có thể làm rung chuyển cả núi rừng. Những cái chết do sự ác độc của loài người gây nên. Ngày kia tôi lần trốn trong thư viện của Viện Đại Học Huế, tâm hồn tôi là một tảng băng. Chung quanh tôi mọi vật đều bị tàn phá. Tôi không thể nói được gì cả, khi đời sống chỉ là một trò đùa. Trong một tháng, tôi đã sống ở nơi ẩm ướt, lạnh lùng trong bầu không khí ẩm dăm của thư viện. Tôi không biết phải làm cái gì với cảnh tàn phá này. Căn bản luân lý của chiến tranh đã ra khỏi giới hạn của năng lực loài người để chịu đựng.

Huế ơi ! Tôi hy vọng có một ngày thanh bình nào đó, tôi có thể trở về để ăn bánh bèo ở cây Phượng, bún bò thịt nướng ở Kim Long, bún bò tiệm bà Rốt. Tôi muốn quay trở lại để ngủ đêm trên dòng sông Hương và gọi ông Bê mang cho tôi một bát bún, rất cay cay đến nỗi chảy nước mắt. Tôi sẽ gọi cô con gái, trên thuyền mang cho tôi một con mực nướng khô, một cốc rượu nhỏ, thật nhỏ để làm cho đêm trở nên ấm hơn, những bài hát nửa đêm trở nên hay hơn và giấc ngủ hiền hòa hơn trong lúc sông lặng lẽ trôi...

TRỊNH CÔNG SƠN

(Trích trong News Service International Inc 1968)
Bản dịch từ Anh ngữ của T.K. Dung

Về một chiếc cầu

Không phải chỉ có một, Huế có hàng trăm chiếc cầu. Hàng trăm, duy chỉ một làm mọi người phải nhớ, như một bồn phận khi nói tới Huế : Cầu Trường Tiền.

Không phải chỉ có một, Huế có hàng trăm thắng cảnh đẹp. Hàng trăm duy chỉ một làm cho lòng khách viễn du đặt chân xuống Huế khi về, còn phải nhớ như nhớ những bước chân mình đi qua trên cầu Trường Tiền.

Đúng hẳn, cây cầu tượng trưng của Huế chịu đựng, thăm lặng. Cầu thăm lặng như người mang tâm trạng cổ đô. Cầu như có linh hồn. Cầu đang sống như người đang sống. Đó là vào mùa đông. Mùa đông ở Huế lạnh kinh khủng. Cũng với sông bốc hơi đất nựa và gió núi, mùa đông Huế có những cơn mưa dầm dãi lê thê và mưa liên hồi kỳ trận, cơn mưa tẻ bạc lắm. Những ngày như thế, con đường quanh hiu biết là ngần nào. Nữ sinh Huế ở nhà trùm chăn, đọc thư tình, viết hoặc ôm ấp những giấc mơ về chàng, những phiến mẫu kỷ vật. Con trai Huế thì kéo nhau vào rạp hát, ngồi co người lại, nhai kẹo cao su và xem, hay nữa, mặc áo mưa, lang thang trong lộ vắng. Nhưng đẹp nhất, lãng mạn nhất cho những cặp tình nhân trong Huế, là đi chậm rãi, thật chậm rãi, trong mười hai nhịp cầu Trường Tiền. Đi trong mùa đông, cầu như tưởng chừng co rút lại, cầu lạnh như người đang lạnh, cầu thu về chân tay mà cầu đã đuổi thẳng băng băng trong mùa hạ. Mùa hạ là lúc cầu sống mở mắt và bây giờ là nhắm.

Mùa đông mưa bay bay trên Trường Tiền trắng như tuyết đang đậu lên thành cầu những đóa bông tuyết nồn. Người Huế, trong họ mùa đông cầu trắng như một ảo tưởng tuyết rơi ở một miền nào đó bên Nhật hay Pháp. Mùa thu tuyết rơi trong công viên Lục Xâm Bảo ở thơ Cong Trầm Tưởng làm người Huế liên tưởng cầu yêu dấu của mình.

Người ta sống, để yêu mến chốn ở, người ta phải chọn một nơi nào đó, những dấu tích, danh lam thắng cảnh nào đó để tự hào, hãnh diện. Lãng tâm vua chúa, thành quách xưa chưa đủ, nếu chưa nói đến, yêu mến cây cầu. Cầu là một tự hào, một nhan sắc trên thân thể Huế thơ mộng. Rồi nữa là cái vị trí cây Cầu nằm trên một giải sông bạc nối liền hai miền tượng trưng cho hai sinh hoạt : thương mại và văn hóa. Con cầu, mạch giao thông huyết lộ trong đời sông, vật chất và tâm hồn.

Đó là nói cầu đẹp mùa đông, còn như mùa hạ, đây là lúc như cầu thức dậy, trở mình, vươn vai và phục sinh.

Mùa đông và xuân ở Huế thường có chung một khí trời lạnh lạnh chẳng thể phân biệt. Thế nhưng mùa hạ trở lại, cầu vươn mình sống lại, một đời khác, như gã thanh niên qua rồi trạng thái thất tình, đang hăm hở trong một phiêu lưu mới vào những lòng thiếu nữ mới. Đúng thế cầu sống lại mùa hạ, đây là lúc lớp người chen vai thích cánh trải dài đường rộng trong lòng cầu rộn rã, Cầu như tưởng chừng nói được tiếng chào đón mọi người, cầu nói điều mời gọi, cầu dang tay mới trong cuộc hợp mặt thiết thân. Đó là những lúc gió Nam từ Lào thổi sang, đánh thốc, bay phất phới những cánh trắng dài áo thiếu nữ. Những cánh bướm hạnh phúc đó nghe em. Đó là những lúc gió Nam từ miệt Vĩ Dạ thổi lên, mát như hơi quạt trong cánh người tình, tay yêu dấu. Đó là buổi chiều đi bộ trên đường dành cho khách bộ hành hay đạp xe chậm rãi giữa hàng trắng nữ sinh Đồng Khánh. Đi nuốt dặm đường trong lòng không muốn qua vội, tới mau. Đi tí tí thôi kéo hết, đi chậm chậm thôi kéo qua mau. Gió mát bắt muốn cỡi thêm nữa một cú áo là gió mát vào tận trong phổi trong hồn. Những một nhọc ở trường, ở sở, những phiền muộn về một con tính trong bài toán, về một bài thơ học thuộc lòng đọc sai một chữ, về những lời tỏ tình khó chịu của một gã trai tơ, qua và đi trong cầu, gió mát cuốn phăng, mất hết.

Hoặc nữa, đi trong cánh vỗ vỗ của người tình vào một đêm trăng trên con Cầu nọ, là như đang diu vào cõi thần tiên, một đất đai mộng tưởng.

Tôi đã tới Huế. Tôi đã ngủ ở Huế. Tôi đã ăn cơm ở Huế. Tôi đã thở khí trời ở Huế. Và cũng nơi đó, tôi bị hóa thân làm đàn ông. Những đêm bênh bồng trên thuyền trên Hương giang tôi đã làm. Những sáng mai đi xe đạp lên chùa Thiên Mụ, và khi về, ghé vào quán dưới chân chùa ăn bánh bèo, tôi đã làm. Đêm một dạo hồi còn ở Quảng Trị, tôi đã vào Huế bằng xe đò giá 25 đồng, người bạn hứa bao ăn uống và vòng xe ra. Buổi đó tôi đã đi bộ từ bến xe Đông Ba qua cầu Trường Tiền về Đập đá để ăn bữa cơm tối ở nhà người dì anh bạn. Đêm đi bộ từ Đập đá qua cầu Trường Tiền đến rạp Tân Tin để xem xi nê. Xong, đêm đi bộ từ Tân Tân qua cầu Gia Hội về Chi Lăng để ngủ trọ ở nhà bà cô người bạn. Đến Chi Lăng, nhà đóng kín cửa then cài, anh bạn không muốn làm phiền bà cô, thêm nữa chỗ sửa ghê gớm lắm, chúng tôi lại đi bộ từ Chi Lăng qua cầu Gia Hội qua cầu Trường Tiền về Đập Đá ngủ ở nhà bà dì ăn cơm hồi chiều. Để được ngủ được ăn, đêm đó chúng tôi đi bộ hơn 10 cây số. Mỗi lúc bây giờ nhớ lại, tôi nghĩ dạo đó sao mình lãng mạn tề, thích những cuộc phiêu lưu còn con. Và mỗi lần nhớ lại như thế, cầu Trường Tiền thường gây cho tôi một thứ nhớ thương.

Nhớ đến cầu người ta còn nhớ những tai nạn con con cầu thường gây ra, như trẻ con thì hay nhờ nước bọt trên tay vịn thành cầu, người đi sau trong trường hợp này, hay nắm phải những bãi nước miếng. Hoặc về mùa gió lộng, dưới lòng cầu thường có dăm ba chiếc thuyền chờ sẵn dành nhau nón mũ của khách bộ hành rơi xuống.

Cầu Trường Tiền, trong lòng người cố đô, cầu là đất đai của kỷ niệm của tự hào của yêu mến. Cầu là nỗi vinh hạnh truyền đời, của ông cha, của ta, của con cháu mai ngày, của đất hiền linh.

Nhưng bây giờ, trong biển cổ Mậu Thân, cầu đã sập vì những người C S Việt Nam. Trong chiến tranh xưa Nhật - Pháp cầu bị bom, gãy tương tự.

Những sự kiện này cho ta thấy rằng : với những người gây ra chiến tranh, dưới mắt họ không có vẻ đẹp. Cầu là hình ảnh của tương giao, của hội ngộ, của bắc nhịp, của hai bờ hợp mặt, của bến bờ tâm hồn gần gũi, tất cả có điều trở thành thù nghịch, của phản trắc, của

thù hận. Tất cả là mục tiêu cho cuộc trả thù, thanh toán.

Cầu Trường Tiền biến thành nạn nhân như Huế đang tang thương. Hãy làm cho Cầu sống lại như Huế phải sống lại, Đó là một khẩn thiết. Mất Trường Tiền như mất Huế. Mất Huế như mất phần đất đai yêu dấu của quê hương. Hãy cố thu xếp sao với nhau để đừng mất gì cả. Con đường quê hương phải chạy dài đến hai đầu đất nước. Nên để cho những người cầm súng bây giờ chiến đấu cho mục đích đó.

SƯƠNG BIÊN THÙY

CÁC BẠN ĐANG QUAN TÂM BẾN VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ VÀ QUÂN SỰ

Hãy tìm đọc :

8 TÁC PHẨM DỊCH THUẬT GIÁ TRỊ DƯỚI ĐÂY :

- 1) Những trận đánh lịch sử của Hitler (in lần thứ ba) ●
- 2) Hitler và những sứ mạng bí mật của Skorzeny ● 3) Hitler người phát động thế chiến thứ II ● 4) Hitler và lò thiên sống dân Do Thái ● 5) Mười ngày cuối cùng của Hitler ● 6) Cuộc săn tìm vũ khí bí mật của Hitler ● 7) Hitler và cuộc mưu sát các lãnh tụ Đồng Minh ● 8) Hitler và các danh tướng Đức Quốc Xã.

Tất cả các tác phẩm trên đều do :

NGƯỜI SÔNG KIÊN và LÊ THỊ DUYÊN
dịch và trình bày.

SÔNG KIÊN xuất bản ● Nguyên Nhiều tổng phát hành ;
12B, đường Bùi Viện Saigon 2
Nam Cường tổng phát hành ;
185, Nguyễn Thái Học Saigon 2

Em hãy còn thơ

Thuở ấy, tôi còn học ở trường Quốc học Huế. Năm tôi trọ ở nhà bà Vĩnh thì tôi vừa lên năm thứ ba ban Thành chung. Bà Vĩnh không phải là một người « nấu cơm » cho học trò. Bà là vợ hầu một ông Phủ đã về hưu. Ông Phủ thường ở nhà quê, gần dưới Truồi. Một năm ông chỉ lên Huế một lần vào độ sau ngày đông chí, đến hết mùa đông thì ông lại trở về Truồi với bà vợ cả. Năm nào, cũng chừng mực như thế, kể ông còn đứng đắn hơn thời tiết nữa. Nhưng ông ấy không dính dáng gì đến chuyện tôi kể đây. Mà cả bà ấy cũng vậy. Chỉ có người con gái yêu quý, nhưng...

Ta hãy trở về khoảng chín, mười năm về trước, khi người viết truyện này còn là một cậu học trò. Bảy giờ tôi mới mười bảy tuổi, tôi không đẹp — không bảnh — nhưng mà khéo tốt hơn bảy giờ nhiều. Hồi đó tôi còn là một kẻ thích thể thao và thích nhất là bơi lội. Có một bạn tôi đã lội qua sông Hương và xuyết nữa khắp kinh thành sắp nói đến tôi, nếu tôi đã chết đuối. Ngực tôi rất nở, và tôi lấy thế làm kiêu hãnh vô cùng. Tôi thường chỉ vào đấy và nói với nhiều bạn tôi : « Chỉ có tôi mới là đáng sống và thế giới sẽ thuộc về những người có những bộ ngực như tôi. » Ý tôi còn muốn nói : « Trong ấy có cả những người đàn bà, cũng thuộc về tôi nữa. » Nhưng than ôi! tôi đã làm một cách cay độc. Thuở ấy, chưa có phong trào thể thao phụ nữ, các bà, các cô chưa quý những bộ ngực nở. Và cái khiêu dâm mỹ của họ, lúc bấy giờ, cũng chưa được trau dồi, mở mang: họ chỉ thích những cái gì yếu ớt, lả lướt, thướt tha. Nở nang hùng hoon, như cái ngực của tôi, họ không cho là đẹp. Tôi cũng không trách họ, ngay bọn đàn ông lúc bấy giờ cũng không hơn gì họ, cũng vẫn chưa biết quý trọng những cái vẻ khỏe, những đôi vú nở. Ấu là thiên lúc bấy giờ đều chậm trễ cả, duy có tôi là tiến mà thôi, duy có tôi có thể thắm mỹ khác người mà thôi. Nhưng truyện tôi kể đây, không phải truyện một bộ ngực mà là truyện một cái vật thiêng nhiên, quý hóa, giấu & trong bộ ngực ấy. Truyện một

tâm lòng. Một tấm lòng muốn yêu, tha thiết, yêu, khao khát yêu. Vâng, tôi đã yêu từ khi tôi mới bắt đầu cái năm thứ mười bảy. Yêu điều ấy không sao! Nhưng khốn nỗi tôi đã yêu một cách thẳng thắn trực triệt quá, yêu với một «tinh thần thể thao». Ở đây, các bạn đã bắt đầu thấy sự liên lạc của cái ngực nở của tôi, với cái chuyện tâm linh mà tôi sắp kể.

Tôi xin nhắc lại: bà Phủ Vĩnh, không phải là một người làm nghề nấu cơm học trò. Bà nhận cho tôi ở trong nhà, là vì bà thấy tôi học đã khá, bà muốn lấy tôi làm một cái gương sáng luôn luôn ở cạnh những đứa con của bà. Bà không buộc tôi phải dạy thêm cho lũ con bà, nhưng những khi rảnh, tôi cũng xem xét sách vở họ, và thường thuật cho bà nghe cái học lực, từng tháng, của mỗi người con cho bà biết. Trong lũ con bà, tôi mến nhất là cô Hảo — một cô bé bảy giờ độ 10 tuổi học lớp ba trường Đồng Khánh, Hảo rất ngoan những khi đi đâu về, Hảo thường đến ở cạnh tôi phòng tôi có sai bảo gì. Hảo thích nói chuyện với tôi. Mà tôi cũng vậy, được nói những câu tản - mạn với Hảo, tôi cũng lấy làm thú lắm. Rồi cái thú ấy, đã thành một sự cần, ngày nào tôi không nói chuyện với Hảo, tôi có cảm tưởng như thiếu - thiếu một cái gì. Mà đại loại câu chuyện của chúng tôi là những câu chuyện vắn - vơ, ngớ ngẩn không đâu vào đâu như những câu chuyện giữa bà với cháu vậy. Tôi thường hỏi Hảo:

— Sau này, Hảo sẽ làm gì?

Hảo không ngần - ngại đáp:

— Hảo sẽ cầm máy bay...

Tôi biết rằng Hảo đã nhiễm lấy cái bệnh «thể thao» của tôi. Những câu đáp ấy, tôi không lấy làm lạ. Có lúc tôi - nhớ tôi lại hỏi Hảo một câu khác thiết thực hơn, táo bạo hơn:

— Sau này, Hảo có lấy chồng không?

Hảo cười:

— Sao lại không chứ?

— Nhưng lấy ai?

— Hảo chỉ thích những ông bác sĩ.

Tôi hiểu Hảo lắm, Hảo thích bác sĩ cũng tại những ông bác, từ thuở bấy giờ ở trong con mắt Hảo khi mổ xẻ, khi châm chích.

trông có vẻ hoạt động, và tuy rằng làm «quan đốc» không lúng túng thướt tha như những ông quan Huế ở các bộ. Cái óc ghét quan của Hảo cũng lại chực ảnh hưởng cái tinh thần «thề thao» của tôi nữa.

Bấy giờ, thật tôi yêu Hảo hơn một người em của tôi nữa. Mỗi khi về quê lên, tôi cũng cho đó là một dịp tốt để cho tôi mua tặng Hảo những đồ chơi hay những vật dùng. Có một lần, tôi cho Hảo cả một tập *album* của tôi : trong ấy, tất cả những kỷ niệm của tôi lúc nhỏ cho đến bấy giờ. Nào là ảnh các anh chị tôi, ảnh cái nhà mà tôi sinh trưởng, ảnh cái đình làng, ảnh cái miếu Không Tử ? ảnh tôi khi lên 8, đứng cạnh con chó; ảnh tôi vừa chụp lúc nằm chơi trên một bãi cỏ...v.v. Bên cạnh những tấm ảnh ấy tôi có đề những câu thơ mạnh mẽ, mà tôi mới tập làm — hay những «ý nghĩa» rất hùng hồn của tôi.... Thật tôi đã trao gửi cho em bé tôi, tất cả cái đời tôi vậy. Chỉ một việc ấy cũng đủ thấy tôi yêu, tin Hảo biết mấy... Nhưng chuyện đến đây, không phải là hết, mà là mới bắt đầu... Vì chính lúc này một người đàn bà, một thiếu nữ mới đến trong đời của chúng tôi. Thiếu nữ là cháu gọi bà Plũ bằng dì. Nàng học năm thứ hai trường Đồng Khánh, và lúc ấy nàng vào khoảng 16 tuổi. Tôi phải nói mau : nàng không khoẻ mạnh lắm, cũng như tất cả các cô gái Huế, nàng dịu dàng như sông Hương, và lá lướt như núi Ngự... Cái đẹp bọc lộ ấy không đủ để cám dỗ tôi, tôi là người có tinh thần thề thao. Tôi chỉ yêu nàng bởi đôi mắt... Đôi mắt của nàng là mùa thu bất tuyệt của Tiên giới, là cảnh trong ngần của tuyết sương, là niềm ân ái không cùng. Tôi không thể đánh đổi nó, cho tất cả vàng ở thế gian. Tiếc rằng cái kho tàng ấy than ôi ! trời đã định rằng : không phải của tôi, dầu sự tình cờ đã giun giúi cho nàng một ngày một gần tôi... Trước kia, thỉnh thoảng tôi mới gặp nàng. Vào quãng tháng tư, vì nhà nàng ở mãi Kim lương xa trường quá, nên buổi trưa nàng phải ở lại nhà dì nàng, đợi đến đầu tháng tám là tháng mưa gió, nàng mới được ở luôn bên nhà dì nàng cho tiện đi học.

Tôi đã được ăn cơm với nàng luôn. Nhưng biết được đôi mắt của nàng, khám phá được cái kho tàng ấy là vào một ngày giờ hơi lạnh lạnh. Có thể như thế không ? Tôi quen nàng gần một năm trời mà tôi không biết đến đôi mắt xinh đẹp của nàng ? Cũng tại không bao giờ tôi dám nhìn thẳng vào mặt nàng cả.

Một hôm, cả nhà bà Phủ về quê vắng trong nhà chỉ còn tôi với nàng mà thôi. Một sự không thể nào tránh được; tôi phải ngồi lại ăn cơm với nàng.

Ngoài hai chúng tôi ra, không còn ai hết. Lần đầu tiên, tôi thấy gương - nghịu ngáp - ngừng trước nàng. Rồi tình cờ, bốn mắt chúng tôi gặp nhau. Nàng cúi mặt, mà tôi cũng cúi mặt... Nhưng từ đấy, tôi mới hiểu thế nào là cặp mắt của một người thiếu nữ đến thì. Tôi thấy tâm hồn, rạo rức xao xuyến, tay chân tôi lỏng cứng và đôi môi tôi ngáp ngừng trước chén rượu mạnh là cái ái tình của nàng. Đôi mắt nàng đã biến đổi tôi thành một người khác, và đưa tôi vào một thế-giới u-huyền và kỳ lạ. Cái nhìn của nàng đã làm phát động, nảy nở ở tôi, một nguồn cảm giác, sáng lạ, mới mẻ... Tôi không dám tự hỏi tình yêu là gì, và chỉ nằm lẩn như một cánh hoa lá trên những đầu cỏ mơn, theo một làn gió dịu... Hôm ấy, tôi không thể nói được gì với nàng. Hôm sau, tôi viết cho nàng một bức thư:

Cô Tâm,

Tôi đã yêu cô, yêu với tất cả tâm hồn tôi, Vì cô có đôi mắt đẹp quá, nó là mùa thu của giới đất, và của cõi lòng tôi. Mặt trăng dịu dàng tỏa ở trong đôi mắt ấy, và trong ấy nở những cánh hoa không bao giờ tàn, không bao giờ rụng. Cô Tâm ơi! Tôi yêu cô. Tôi chỉ có thể nói được thế mà thôi. Tôi ước sao một ngày kia cô sẽ là người bạn trăm năm của tôi, gần tôi luôn, gần tôi mãi, một ngày kia, tôi có thể thò vào tóc cô, cái hơi nóng của tuổi trẻ, tôi có thể đặt lên làn da mát của cô, cái hôn nóng của kẻ yêu.

Tôi chỉ muốn có thể, tôi chỉ muốn thờ phụng cô, trọn đời trọn kiếp, hy sinh cho cô trọn đời, trọn kiếp. Tôi là một người có tinh thần thề thao, lời tôi nói đây mạnh hơn một lời thề...

Kính thư

Huỳnh Lê

Bức thư tôi viết, bằng một giọng thẳng thắn, cố nhiên là đột ngột và sống sượng. Vì bao giờ tôi cũng là một người có tinh thần thề thao. Tôi không biết có sự bóng bẩy, xa xôi, không biết dùng những tưởng tượng. Tôi chỉ muốn rõ ràng, và tôi đã quá rõ ràng. Tôi đã yêu. Tôi liền viết thư đề xin người ta một chút tình yêu. Và tôi

sẽ yêu bằng cách nào, tôi cũng có viết rõ ràng cả. Tôi chỉ có cái tội là quá ngay thực mà thôi.

Lạ quá! Sau khi tôi bảo Hảo đưa bức thư cho Tâm, hơn hai ngày rồi mà không thấy Tâm trả lời. Tôi nóng ruột quá. Tôi giục Hảo đến hỏi Tâm xem, thì Hảo chỉ bảo tôi là Tâm không nói gì cả. Ngày thứ tư, tôi vẫn không thấy thư đáp, Tôi đã quen nhìn Tâm — và Tâm cũng đã quen nhìn tôi. Nàng chỉ cười.... Tôi chỉ sợ nàng có ý chế nhạo tôi. Ngày thứ năm tôi đã bắt đầu đau khổ. Tôi xin phép ở nhà, luôn một ngày, đóng chặt cửa lại, trùm chăn từ đầu đến chân nằm nghĩ vơ vẩn. Tôi lại giục Hảo, hỏi dò tin tức. Có lẽ Hảo đã biết rõ sự thực, nhưng cô bé ấy vẫn không chịu nói với tôi một điều gì. Tôi đã đọc thấy vẻ lo ngại trong đôi mắt của cô bé. Một hôm trời lạnh quá, tôi lại không đi học, trùm kín chăn lại, thì Hảo ở trường về.... Hảo đi rất nhẹ, không dám đụng vào bàn ghế, và như nín cả hơi thở nữa. Tôi không mở chăn ra, nhưng cảm thấy rằng Hảo đã ở bên cạnh tôi, và như thế đã gần 15 phút... Tôi có cảm giác rằng: Hảo muốn nói với tôi một điều gì, chẳng hạn, Hảo muốn cho tôi hay sự thực, tôi hồi hộp cảm động quá, nóng biết quá, đầu tôi đã đoán trước sự thực. Nhưng tôi không muốn nàng nói ra, để cho tôi còn có một chút hi vọng... Tôi sợ cô bé ngây thơ ấy lại nói teo ra thì nguy cho tôi quá, Nhưng Hảo vẫn chưa nói gì, có lẽ không bao giờ nói.. Tôi tinghe như Hảo nhích lại gần tôi. Hình như Hảo đã cúi xuống ở bên tôi... Hơi thở Hảo đã phớt ở trên đầu tóc tôi. Bỗng tôi nghe Hảo nói: — Anh Lê, tiếng nói như xa xăm từ một giấc mộng lại.

— Anh Lê; chị em hứa sẽ trả lời anh, anh này hy vọng...

Cô bé ấy đã đánh lừa tôi tưởng như thế sẽ làm tôi bớt khổ. Tôi vẫn không trả lời nhưng Hảo đã đưa tay kéo chăn tôi xuống, nhìn thẳng vào đôi mắt còn ướt của tôi và nói:

— Anh khóc à? anh đừng khóc nữa để em báo chị em trả lời:

Tôi tưởng như Hảo là người chị cả của tôi vậy.

Tôi nhìn cô bé và gượng cười:

-- Em yên lòng; anh sẽ không khóc nữa đâu.

Rồi tôi đứng dậy, chỉ vào ngực và nói với Hảo:

— Anh sẽ mạnh và không bao giờ yêu ai nữa.

Hảo cầm lấy tay tôi và cười một cách sung sướng. Tôi cũng cười, và kéo Hảo vào lòng, đặt nhẹ một cái hôn trong sạch trên vùng trán ngây thơ...

Và từ đây, tôi xin đi ở chỗ khác...

Tôi đã xa Hảo dần dần, và khi tôi học tại Hà Nội, thì không còn dịp gần Hảo nữa, từ đây đến nay đã hơn tám, chín năm rồi.....

Tám, chín năm rồi, tôi mới lại trở về Huế...

Một hôm, tôi tới thăm một người bạn ở Kim Long. Đi khỏi chợ, một đoạn tôi thấy có một ngôi hàng sách nhỏ, rất sơ sài nhưng gọn gàng lắm. Tôi vào mua một tờ báo hàng ngày để đọc chuyện Tàu Nhật... Cửa hàng vì là buổi trưa, nên không có người ngồi bán. Tôi gõ cửa.... và đứng đợi... Từ một cái buồng con, ở bên cạnh, bước ra... một người thiếu nữ, tóc còn buông xõa. Nàng không bước ra vội, nhưng đã nói với:

— Ông mua gì?

Tôi không đáp, vì người ấy, là Hảo, phải Hảo cô em ngoan ngoan của tôi, cô bé đã chứng kiến...

Tôi không dám nghĩ tới nữa, tôi cũng không dám nhìn nàng nữa. Nàng thì vừa vắn tóc, vừa chạy lại gần, dừng khít bên tôi, rằng toan cầm lấy tay tôi, như xưa, và vui sướng, nàng kêu lên: "Anh Lê Trời ôi! anh Lê của em!". Nhưng bỗng nàng ngừng nói, và đứng xa ra. Có lẽ nàng vừa nhận rằng nàng đã lớn, là một cô thiếu nữ đến thì. Nàng không còn như xưa nữa, là em gái của tôi, là người em gái ngoan ngoan ở trong tay tôi.

Nàng nói bằng một giọng cảm động:

— Tôi vẫn đọc văn anh luôn. Nhưng làm sao anh lại có thể ở đây? Anh không thay đổi gì hết...

Tôi mỉm cười:

— Có, anh không còn khoẻ như xưa, ngực anh độ yếu lắm và đẹp xuống

— Còn em.

— Em à? vẫn thế... như xưa,

Rồi nàng cười, hình như nàng nhớ lại cái cuộc tình cuồng vọng của tôi mà cười:

Tôi hỏi;

— Em nhạo tôi đó à ?

— Chết ! anh nói bậy. Sao lại nhạo anh ?

Rồi nàng cười, hai mắt nàng trong lên, mặt nàng tươi lên và như đẹp lên nhiều lắm; nhưng vẫn thoáng thấy một vẻ buồn, một vẻ u buồn. Tôi hỏi nàng:

— Tại sao em lại mở hàng sách này ?

— Cũng chỉ vì anh.

— Vì anh ?

Nàng cười và nói tiếp:

— Phải chỉ để đọc hết những bài anh viết, khắp ở trên các báo. Em không muốn bỏ sót một cái gì của anh cả.

Tôi nhìn nàng và không nói gì. Nàng cũng lặng im như thế.

Đôi khi tôi hỏi:

— Tâm bây giờ lấy chồng mãi đâu ?

Nàng không đáp, mỉm cười, ngâm mấy câu thơ của tôi:

Nàng đã lấy chồng,

... Ở mãi Giang Đông...

Sau làn mây trắng...

... Cách mấy con sông...

— Hảo thuộc nhiều thơ anh thế à ?

Nàng vẫn không đáp, nhìn ra bến sông. Trong đôi mắt nhỏ, một vẻ u buồn xa rộng, mênh mông.

Đáng lẽ tôi không nên nhắc đến tên Tâm, đáng lẽ tôi không nên yêu người ấy, và đáng lẽ tôi phải gần gũi hơn nữa người thiếu nữ trước mặt tôi, đáng lẽ tôi phải gắn chặt số phận tôi với số phận Hảo.

Nhưng than ôi ! Hảo chỉ là người em gái của tôi, người em gái ngoan ngoãn trong tay tôi.

Hảo chỉ là một người làm chứng. Làm chứng những phút cuồng vọng của đời tôi.

Mùa hè 1938

LƯU TRỌNG LƯ

Trần Xuân Kiêm

Thuở xa người

một sớm người đi theo mây bay
ta say nằm lạnh suốt đêm dài
tỉnh ra thấy cụm hoa dần ngổ
ta vẫn còn hai nỗi tàn phai?

nửa đêm tỉnh dậy thấy sao rơi
ta nghĩ người đang ở cuối trời
ơi những đám mây còn lảng tử
xin đừng hỡi chùng trong đêm khơi

ôi má người từ nay thôi hồng
gió cũng trầm thương tóc thôi hong
mai sau thoảng nhớ mây vườn cũ
Ta yêu người bằng mối tình không

Tóc thơm.

người đứng hiên ngoài nghiêng mái tóc
vô tình để rớt một làn hương
trời ơi! ta thấy mây tiền kiếp
bay suốt hồn ta vắng lạ thường.

Cô gái Huế

Khanh ở trường Đồng Khánh về tới nhà thì trời vừa nhạt nắng. Nàng treo nón lên tường rồi vào phòng cất sách. Việc cần nhất Khanh đã mở cái tủ con để ngắm con búp-bê mà Khanh mới may cho nó chiếc áo bà-ba bằng lụa, và đếm lại những thứ đồ chơi vật-vãnh xem có đủ không.

Xong, Khanh xuống bếp rộn-rén bước đến sau lưng mẹ, giơ hai bàn tay bịt mắt, tới khi bị mẹ mắng, Khanh mới chịu buông. Khanh giúp mẹ, lấy khăn lau bát đĩa. Ngửi mùi cá kho thơm quá, Khanh nhắm mắt ôm bụng xuýt-xoa, bấu cõ mẹ mà nũng-nịu.

— Thím (1) ơi, con đói lắm!

Mẹ Khanh cầm đĩa gấp miếng thịt heo. Khanh há miệng đớp, y như con chim non được mẹ mớm mồi. Ngấu miệng, Khanh đòi ăn nữa, mẹ Khanh la đuổi lên nhà. Khanh trêu cho mẹ phải bật cười, đoạn nàng rón tay chộp miếng thịt bỏ miệng nhai tèm-tép, rồi bắt chước tiếng mèo kêu, nàng chạy tót ra vườn.

— Chú ơi, con đói lắm!

Khanh chạy đến tranh lấy cái kéo ở tay cha để sửa cái lưng con rùa cây. Chợt có một con rơi sấn muỗi bay ngang đầu nàng. Nàng ngẩng lên nhìn. Con rơi không thấy, nàng chỉ thấy một buồng chuối chín châu về phía con rùa. Nàng vói vình đòi ăn. Được cha cho phép nàng bám chặt trèo lên bẻ cả buồng. Cuống nải chuối dai quá chẳng chịu nhường bàn tay yếu ớt, nàng cố sức co hoài mà không được.

Dùng sức nhiều áo Khanh ướt mồ hôi. Khanh la lớn gọi cha giúp. Nhưng ông Hường đã vô nhà để trâu nhận bấp ngô ngư ời ta mới trở ở bãi bên kia sông sang nộp.

Khanh đang muốn khóc thì bỗng có tiếng hò-khoan của mụ lái đò với tiếng mái chèo khuấy nước kêu bì bõm. Khanh ngảnh ra sông, một chiếc thuyền đi tới, Đầu thuyền có một người thanh niên ngồi hút thuốc lá và cầm cúi trên một cuốn sách dày, không biết có

(1) Người Huế trong họ Tôn thất gọi cha mẹ là chú, thím.

ai xui giục, hay tự ông trời giun : giủ, chàng nhìn lên phía vườn thấy Khanh, cô gái đẹp đang giăng.co cùng buồng chuổi trên cao.

Cho là nàng tinh nghịch, chàng cũng bông đùa :

— Coi chừng kéo ngã đó cô Khanh.

Thấy chàng nói giọng Bắc, mà sao lại biết tên mình, Khanh theo quá, vội xàng tụt xuống. ù té chạy vô nhà.

Bữa cơm ấy, Khanh chưa ngồi bàn đã thấy dạ ngang ngang, Nàng thấy trong bát canh trong khói nổi cơm hiện lơ mờ bóng con người ấy. Quái chưa, cái anh chàng xứ Bắc xinh trai mà nàng đã gặp một lần ở đâu..., à phải rồi, chính anh chàng ấy đã kéo tay nàng về một bên cầu Trường tiền và nhất giúp nàng quyền sách *Croquis* mà nàng đánh rơi trong khi nàng vội tránh một cái xe hơi. Nàng nhớ mang máng rằng lúc đó, nàng hồi hộp quá, chỉ biết giơ tay đỡ quyền sách và rào chân đi, quên không đến ơn chàng bằng một tiếng cảm ơn nào. Đi hết cầu nàng mới định thần nhìn xuống tay mình nàng xấu hổ vì bàn tay ấy vừa bị bàn tay của một người đàn ông nắm chặt,.. Nhưng mà sự xấu hổ ấy cũng là lạ, cũng hay hay và nó làm cho người nàng nóng nồn g. tuy gió sông Hương lúc ấy thổi vèo rèo xuýt làm bay xuống nước cái nón lá ở đầu nàng một lát, nàng lấy quyền sách vẽ ra phôi cát bám ngoài bìa. Nàng lo rằng người ấy có lẽ đã đọc cái tên nàng kẻ to quá ở góc bìa rồi chẳng

Nàng cứ lo vậy mãi trong suốt mấy ngày hôm sau. Nhưng sự lo ngại ấy cũng mất dần và cả cái người cứu nàng thoát nạn xe hơi bữa đó, nàng cũng quên dần.

Thế mà, hôm nay, chàng hiện đến, đột ngột như cơn gió, mát, và chàng đã đọc tên nàng, êm đềm như đọc cả một bài thơ hay.

Những ý nghĩ ấy làm Khanh ngồi thừ ra một lúc, Bà Hường khẽ gõ dũa vào miệng bát của Khanh :

— ‘Con yêu ma nào’ này quen thói ăn vụng trước nên no rồi hẳn.

Khanh ngảnh sang làm nũng vịu ông Hường :

— Con nhức đầu quá. Tối nay chú thay thím, ngồi ngoài màn rù cho con ngủ nhé !

Ông Hường cười sáng sặc :

— Trời đất ơi, con yêu tinh này nó càng lớn càng là con út. Ai đời đi học rồi còn hết bắt mẹ ru lại bắt cha ru.

Khanh càng nũng nịu :

— Năm ngoải chú vẫn còn ru con ngủ thì sao. Nếu chú không ru con ngủ thì mai còn không đi học nữa. Bây giờ chú hãy đem võng ra vầu mắc vào cây cau cho con nghỉ, và để con hứng gió sông cho mát da.

Ông bà Hường nhìn nhau mà lắc đầu khó chịu về tính nết đứa con cưng. Nhưng dù sao ông bà cũng phải chiều theo mọi ý thích của Khanh vì đã mất bao nhiêu công cầu Trời, lễ Phật, ông bà mới được hòn ngọc ấy để mà nâng hãnh lúc tuổi già.



Từ lúc cô học sinh trường Đồng Khánh mắc cỡ chạy vào nhà, Mai ngồi ngay người ở đầu thuyền mãi một hồi lâu.

Chàng mơ hồ cảm thấy mình lạc đến chốn đảo nguyên mà nàng tiên kia đã vỗ cánh bay đi không bao giờ còn cho một kẻ trần tục như chàng gặp nữa.

Cũng như Khanh, mới buổi sơ đầu mà thần giao cách cảm đã gây nên ảo mộng ; nàng đã thấy bóng chàng hiện trong khói bát cơm, trong đáy bát canh, và bây giờ tới lượt chàng, chàng thấy bóng nàng hiện trên mặt nước sông, xa xôi và trong sáng như bóng trăng tự trời cao rơi xuống.

Chàng là một sinh viên trường Luật ngoài Hanoi. Có bệnh trong người, chàng đã vào bệnh viện tiêm thuốc cho lành. Trong thời dưỡng bệnh, chàng thấy bắt đầu ghê sợ cái căn phòng nhà thương nồng nặc mùi thuốc, mùi nước tẩy uế, nó giam hãm chàng như một tên tù. Chàng ghê sợ cả cái giường sắt nhỏ chàng nằm, cái giường từ xưa đến nay đã chứa biết bao người ốm quằn quại vì vết mổ đang mưng mủ, đã chứa biết bao xác chết nằm chồng queo chưa kẻ đoái nhìn.

Thế rồi, Mai nhất định xin giấy bác sĩ ra bệnh viện và về nhà.

chàng sửa soạn va li đáp tàu vào Huế. Chàng thuê riêng một thàng một khoang thuyền trên sông Hương. Ngày hai buổi chàng lên chợ Đông ba ngồi đầu ghế ăn cơm, tự do như một người đi du lịch. Có khi, chàng đến bến Đập đá, vào cái quán tồi tàn nhất, ngồi ăn cùng bàn với cu li xe một cách vui vẻ, và dễ dãi. Trong những bữa cơm Huế ấy, chàng ăn rất khỏe, rất ngon. Thứ nhất là món cá Huế món cá của sông Hương, ngọt và thơm, không bữa nào chàng không gọi mụ hàng lấy thêm đến mấy lần.

Những người cu li nhiều khi ngạc nhiên nhìn bộ âu phục lịch sự của chàng mà ngại ngùng không dám ghé nón ngồi cùng. Ở chợ Đông ba có một thiếu nữ thơ ngây ngồi bán vải, bao giờ cũng mặc chiếc áo xanh và bao giờ cũng ngồi nghiêm trang như pho tượng nhiều khi phải đưa mắt liếc nhìn cái anh chàng xứ Bắc xinh trai và dễ tính ấy bữa nào cũng mò vào chợ ăn cơm, và lần nào cũng ra chỗ bán bánh ngọt ăn tráng miệng và chăm chú nhìn cô gái Huế rất đẹp cười nói luôn luôn và giấu luôn luôn cái bụng có mang tròn trĩnh của mình.

Xong bữa ăn, Mai lại về bến, xuống thuyền nằm đọc sách. Nhiều đêm trăng và sao sa xuống đầy sông, Mai bảo lái chèo thuyền đến những ngả vắng vẻ, chàng ngồi ngoài khoang hát huyên thuyên chàng sung sướng vì mình như một anh chàng lãng tử đang ngồi trên chiếc thuyền tình trôi trong thành phố Venise lòng say sưa chờ đợi một chiếc khăn hồng, một cành hoa thắm từ một bàn tay tiên nào đó ở trên lầu cao ném xuống để gửi tình...



Tối nay, chàng lại ngồi ngoài khoang khe khẽ hát trong khi thuyền đến bãi ngô.

Chàng bảo lái ghé vào một bên bờ, ở đấy, có một chiếc cầu Nhật bản, có một con thuyền trắng đậu dưới bóng cây xanh. Bên trên, có một cây chuối ngự, một buồng quả đã chín vàng. Quả đã chín rồi, sao cô gái Huế không ra trèo lên bẻ xuống như bữa nào.

em đã bỏ mà chẳng được, và thấy chàng, cô em nào đã mặc cố chạy vô nhà?

Cô gái Huế ấy, bây giờ chàng đã chiếm được lòng rồi. là vì như anh chàng lãng tử trên thuyền tình trôi trong thành phố Venice, chàng, một tối trăng sao vừa sa xuống dãy sông, đã bảo ghé thuyền đến sau vườn, nhận được của nàng một bức thư xanh, sau một lần tình cờ gặp gỡ trong vườn Tịnh tâm một buổi chiều.

Thuyền nấp trong khóm lá, chàng bảo lái dò tắt hết đèn, cấm không cho ai lên tiếng. Một lúc rất lâu, chàng đã hút gần hết phong thuốc lá thơm mà nàng vẫn chưa ra.

Chàng đang nóng ruột thì chợt có tiếng giấy khẽ động rồi một bóng người đứng nấp sau gốc cây chuối ngửa thò nhìn ra.

Mai chớng sào ghé mũi thuyền vào sát đầu cầu, đón tay Khanh dắt xuống.

Trên sông đêm, nước óc ách vỗ mạn thuyền theo một điệu trắng dôi theo thuyền đến lúc tàn canh.

Mấy ngày đêm ròng rã, ông Hường đã đi khắp tỉnh, đến hết các làng, vào hết chợ khách sạn và hỏi hết các thuyền trên sông, song ông không thấy cô gái cưng vàng ngọc của ông.

Bà Hường thì ngày đêm khóc lóc gọi đất, gọi trời. Bà mấy lần toan tự tử nếu gia nhân không châu chực luôn cạnh mình bà. Có người mách bà rằng thấy cô Khanh với một người trẻ tuổi trên sông, có kẻ mách rằng thấy cô với người đàn ông ấy ở ngoài ga xe lửa. Bà tuyệt vọng, càng đau khổ, càng khóc lóc đến nỗi mắt bà bị sưng lên.

Nhưng bữa nay, bà Hường đã được sống lại rồi. Bà ngồi bên giường con ru khe khẽ... bà hát lại những câu hát mà bao nhiêu năm xưa bà đã hát đề ru con bà ngủ trong chiếc nôi ấm áp, hay ngủ trên cánh tay bà.

Hả... hà... con ngủ đi con... Thương con lòng mẹ héo hơn đêm ngày...

Hả... hà... con ngủ cho say...

Giọng bà buồn náo quá trong lúc chiều hôm bốn bề làng xóm yên lặng cả, bóng tối mờ rơi xuống vườn cau.

Chốc chốc, bà lại vặn to ngọn đèn hoa kỳ soi tìm những con muỗi bám vào màn, và trong lúc ấy, bà ngấm con ngủ hiền lành trong giấc ngủ say tựa đứa trẻ lên ba thì tắc lòng đau xót của bà dịu dịu lại. Bà không giận con gái nữa, vì lòng người mẹ hiền từ ấy sâu như bể cả, bao giờ cũng sẵn sàng tha thứ hết mọi điều tội lỗi của con.

Đang lúc ấy bỗng có tiếng thở dài và tiếng giầy của ông Hường đi thất thểu ở cổng vào, Ông bước vô nhà, để nguyên cả khăn áo nằm sổng sượt trên giường, tay dầm xuống chiếu kêu thình thịch như ông dầm cho kỳ chết đứa con hư mà lúc này vô phúc bị ông tóm được ở chỗ nào.

Bỗng ông lắng tai nghe ngóng, rồi ông nhồm dậy, bước sang phòng bên.

Thấy mặt chồng, bà Hường vội đứng lên tóm lấy cánh tay ông lay mấy cái, và rồi rít báo tin mừng :

— Minh ơi, nó đã về rồi đấy...

Ông Hường sửng-sốt :

— Ai? Con Khanh ấy à?

— Con gái quý ông, chứ còn ai nữa.

Tức thì, mặt ông Hường tái xanh ngay lại, hai mắt ông đỏ ngầu lên, ông giận-dữ đẩy bà ra :

— Thế thì nó phải chết với tôi. Con gái mới nứt mắt đã đi làm đi, còn chưa làm gì cho bản cửa nhà. Bà tránh ra ngoài kia, tôi cần bóp chết nó, tôi cần đâm chết nó. Nó bé bỏng lắm sao mà bà còn ru nó ngủ, rõ tức cười... Bà đi ra !

Ông hung-hăng, xô vào như người say rượu, bà cố níu ghế, níu thành giường để cản ông :

— Tôi van ông, ông nên thương con một chút. Chúng ta già yếu cả rồi, giết con đi thì mang tội và ở với ai. Giá lúc này ông có nhà thì ông cũng phải thương nó như tôi... Tội-nghiệp cho nó lắm

một lần» ; các bản nôm đều chép «Trước ba năm gặp bác một lần» nghe gọn gàng hơn và mới đúng văn ; nếu chép như ông Ngô Tất Tố «Những đi lại tuổi già thêm nhác, Gặp nhau ba năm trước một lần», thì chữ «nhắc» với chữ «trước» không đúng văn. — Câu 22 ông Ngô Tất-Tố chép : «Mừng rằng bác vẫn tinh thần chưa can» : *Việt túy tham khảo* (tờ 47 a) chép là «Mừng thăm», nghe hay hơn. — Câu 25-26. Ngô Tất Tố chép là «Sao mà bác vội về ngay ? Chợt nghe tôi những chân tay rụng rời» : *Quốc văn từng ký* (quyển hạ, tờ 87 a) chép là «Ai ngờ bác đã về ngay ? Chợt nghe tôi cuống chân tay rụng rời», Câu 31, ông Ngô Tất Tố chép là : «Thư muốn viết dẫn đo không viết» : các bản nôm chép là : «Câu thơ nghĩ dẫn đo không viết» do câu chữ nhỏ «Hữu thi vị thủy tả» trong *Quế sơn thi tập* (tờ 33 b) : đây là bài thơ (thi), không phải câu thơ gửi đi — Câu 35-36, ông Ngô Tất Tố chép là «Bác chẳng ở đầu van chẳng ở. Tôi tuy thương lấy nhớ làm thương» : hai câu ấy do chữ nhỏ «Công ký khí dư khứ, Dư diệc bác công liên» (*Quế sơn thi tập* tờ 33 b), nghĩa là ông đã bỏ tôi ông đi, thì tôi cũng chẳng thương ông ; quyển *Việt túy tham khảo* (tờ 47 a) chép là «Tôi có thương cũng chớ nên thương», mới đúng vào chữ nhỏ và mới hợp vào câu kết là «Tuổi già hạt lệ như sương, Hơi đầu ép lấy hai hàng chứa chan ?».

X. — Dương Khuê — Dương Lâm

Ông Ngô Tất Tố nói cụ Dương Khuê «sinh năm kỷ hợi (1835)... bắt đầu thi hương, đỗ cử nhân, khoa sau thi hội, lại đỗ tiến sĩ đồng khoa với ông Tam nguyên Yên đồ». Nói như thế thì vừa nhầm vừa thiếu, vì cụ Dương Khuê sinh năm 1839 (là năm kỷ hợi Minh mạng thứ 20). Cụ đỗ cử nhân khoa giáp tý (1864), đến khoa mậu thìn (1868) mới đỗ tiến sĩ, thế là còn cách một khoa (ất sửu 1865) chứ không phải là đỗ hương đỗ hội liền nhau. Còn nói đồng khoa với cụ Tam nguyên Yên đồ cũng sai; vì cụ Dương Khuê đỗ khoa mậu

thìn 1868, cụ Yên đồ đỗ khoa tân mai 1871. Hai cụ chỉ đỗ đồng khoa thi hương, là khoa giáp tý 1864: cụ Yên đồ đỗ đầu, cụ Dương Khuê đỗ cử nhân thứ mười bốn; đến thi hội cụ Dương Khuê đỗ trước cụ Yên đồ đỗ sau. (xem *Quốc triều hương khoa lục*, quyển 3 tờ 76a, *Quốc triều khoa bảng lục*, quyển 2. tờ 22a).

Ông Ngô Tất Tố chép cụ Dương Khuê «khi về hưu trí, được thăng hàm Binh bộ thượng thư» cũng không đúng: hai quyển chữ nho dẫn trên kia đều chép cụ khi làm tham tá nha Kinh lược đã có hàm thượng thư không phải đến khi về hưu mới được.

Đến lý lịch cụ Dương Lâm, ông Ngô Tất Tố cũng chép nhầm «khoa bính dần» cụ «thi hương đậu giải nguyên»: chính ra cụ đỗ giải nguyên khoa mậu dần (1878), năm Tự đức thứ 31 (*Quốc triều hương khoa lục*, quyển 4 tờ 28 b).

XI. — Chu Mạnh Trinh

Bài *Kiều chơi hội Đạp thanh* của cụ Chu Mạnh Trinh, câu 5, 6 ông Ngô Tất Tố chép là: «Dưới hoa nép mặt gương lồng bóng, Ngàn liễu dong cương, sóng gợn tình». Bản *Kim Vân Kiều tân tập* khắc bằng chữ nôm (Quan văn đường, tờ 15a) chép khác hai chữ: «rẽ hoa», chứ không phải «dưới hoa»; «ngàn liễu», tức là bờ liễu, chứ không phải «ngàn liễu» (nếu đọc ngàn, sợ lẫn với nghìn). Câu thứ bảy ông Ngô Tất Tố chép «Man mác vì đâu...», ở bản nôm chép «vì ai», nghe hay hơn.

Bài *Thúy Kiều bán mình*, ông chép câu thứ năm là «Giọt sương trĩu nặng hoa lìa gốc»: hai chữ «giọt sương» bản *Kiều nôm* (tờ 27b) khắc là «kiếp trần».

Bài *Tú bà Huyền Kiều*, ông chép câu thứ hai là: «Cả giận xui nên muốn hết khôn»: bản *Kiều nôm* (tờ 36a) chép là «cả giận thôi».

“thôi có nghĩ khôn”. Câu thứ năm ông chép: “Hoa gieo dưới chướng...”; chữ gieo ấy bản nôm chép là chữ “đĩa”.

Bài *Phong cảnh Hương sơn* câu thứ hai, ông Ngô Tất chép mất một chữ “nước”: chính là “Kìa non non nước nước mây mây” (*Việt túy tham khảo*, tờ 44 a). Câu 11, ông chép: “Nhác trông lên, ai khéo vẽ hình”; hai chữ “vẽ hình” ở bản nôm viết là “hát hình” nghĩa cũng không khác nhau mấy, nhưng tiếng “hát hình” là tiếng cồ, nghĩa là cái hình non sông kia tự nhiên thiên tạo; nay nhà địa lý hãy còn nói tiếng “hát hình”. Câu 18, ông chép: “Cửa từ bi công đức xiết là bao!”. Chữ “xiết” ấy ở bản nôm (*Việt túy tham khảo*, tờ 44 b) viết là chữ “biết” đúng hơn.

XII.— Vũ Phạm Hàm

Cụ đồ thám hoa khoa nhâm thìn 1892 (*Quốc triều khoa bảng lục*, quyển 3, tờ 14 b), không phải quý ty như ông Ngô Tất Tố chép ở trang 233.

Bài *Hương sơn hành trình ca*, ông chép câu thứ tám là “Nào ngư phủ nhập Đào nguyên đầu cũng thể”: xem bản nôm (*Quốc văn tùng ký*, quyển hạ, tờ 93a) thì chữ “nào” chép là “này”, chữ “đầu” chép là “âu”, có lẽ phải hơn. Câu 11 ông chép: “Chim trời mấy chiếc lênh đênh”: hai chữ “mấy chiếc” ở *Quốc văn tùng ký* (quyển hạ, tờ 93 a) chép là “bóng nước”. Câu 16, ông chép: “Núi trước núi sau mình ở giữa”, xem trong *Quốc văn tùng ký* thì còn có một chữ “rô” nữa ở đầu câu. Câu 24, ông chép: “Chưa qua núi lại thấy thuyền bên cạnh núi”, ở bản *Quốc văn tùng ký* (quyển hạ, tờ 93b) chép là “Chưa hết núi, lại dò nghiêng bên cạnh núi”. Câu 28-29 ông chép là: “Lòng trần tục bỗng không thanh thản mát, Cao chót-vót mấy tòa cồ-sát”. Bản chữ nôm (*Quốc-văn-tùng-ký*, quyển hạ tờ 93 b) chép là:

PHÊ BÌNH THI VĂN BÌNH CHÚ

‘Lòng trần-tục’ bỗng không thanh-thảnh lại. Cao chót-vót một tòa cồ-sái. Kìa chi chi nọ trái Thiệu-trù!» Vì câu trên Ngô Tất-Tổ đã chép nhầm chữ ‘lại’ làm chữ ‘mát’, nên chữ ‘sái’ ở câu dưới ông phải đọc là ‘sát’ cho đúng vần; nhưng dấu có đọc là ‘sái’ nữa, cũng không làm sao đúng với chữ ‘trái’ ở câu dưới được. Câu 31, ông chép: ‘Trăng thanh gió mát một khu’, chữ ‘khu’ này ở *Quốc-văn* từng-ký (quyển hạ, tờ 93 b) chép là chữ ‘bầu’, có lẽ hay hơn. Câu 34 ông chép ‘Càng nhìn lâu càng rõ càng xinh’: xem trong *Quốc-văn* từng-ký thì chép là: ‘Nhìn càng lâu, càng lạ, càng xinh’, nghe hay hơn, và chữ ‘lạ’ mới đúng vần ‘khóa’ ở câu trên, là câu: ‘Động đào đã đan tay mở khóa’. Câu 38, ông chép ‘Đường lên tiên, đây là suối Giải oan’: chữ ‘là’ bản nôm chép chữ ‘đến’, có lý hơn. Câu 40 ông chép ‘Thế mới biết thần tiên là diệu thú’: chữ ‘là’ bản nôm chép chữ ‘chi’. Trang 236 dòng 1, ông chép: ‘Trèo qua một bậc trần song’: chữ ‘bậc’ ấy bản nôm viết là chữ ‘dịp’, có lý hơn. Dòng 4, ông chép ‘Mảng vui chơi mà quên phút đường xa’: chữ ‘phút’ này ở bản nôm là chữ ‘bặt’ mới đúng vần. Dòng 6, ông chép: ‘Trông chân-cảng, nhìn ngoài ra chân vị’: ở bản nôm (*Quốc-văn* từng-ký, tờ 94 a) chép chữ ‘trông’ là chữ ‘trong’, là không có chữ ‘ngoài’. Dòng 7, ông chép ‘Trong bụi rậm đàn chim thỏ-thể’: ba chữ ‘Trông bụi-rậm’, ở bản nôm chép là ‘Trên động biếc’: như thế mới cân với câu ‘Dưới cây xanh mấy chị tìm mơ’. Trang 237 dòng 1, ông chép ‘Giục lòng khách, năm canh chải chuốt’: hai chữ ‘chải chuốt’ không đúng; bản nôm (*Quốc-văn* từng-ký, quyển hạ, tờ 94 b) chép là ‘háo hức’, có lẽ hay hơn, và mới đúng vần ‘ước’ ở cuối câu dưới.

XIII.— Tú Xương

Bài *Mùa hè mặc áo bông*, câu thứ hai, ông Ngô Tất Tổ chép ‘Ước tưởng rằng ốm dậy, hóa ra không, chữ ‘hóa ra’ ở bản nôm Việt

túy tham khảo, tờ 15a) chép «chẳng là», có lẽ hay hơn. Câu thứ ba ông chép «Một tuồng rách rưới con như bố» bản nôm chép là «một đàn». Câu thứ năm, ông chép «Đất biết bao giờ sang vận đỏ», bản nôm chép là «Đất chữa đèn khi cơn vận đỏ : như thế đối với về dưới : «Giời làm cho bố lúc chơi ngông», thì mới cân.

Bài *Lạc đường*, ông Ngô Tất Tố chép câu thứ nhất là «Một mình đứng giữa quảng trơ vơ»; hai chữ «trơ vơ» ở bản, chữ nôm *Việt túy tham khảo, tờ 17a)* chép là «đường xa» : nếu chép «trơ vơ» thì đã không có nghĩa, mà lại trùng vắn với câu thứ tư có chữ «bơ vơ». Vắn vắn.

Ứng Hêe NGUYỄN VĂN TỔ

(Trích Tri Tân số 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 97,

98, 99, 100, 101, 102, 103 năm 1943)

TÌM ĐỌC VĂN HỌC CHỦ ĐỀ I :

TÔ HOÀI : Nhà văn tả chân về loài vật

Hỏi ký :

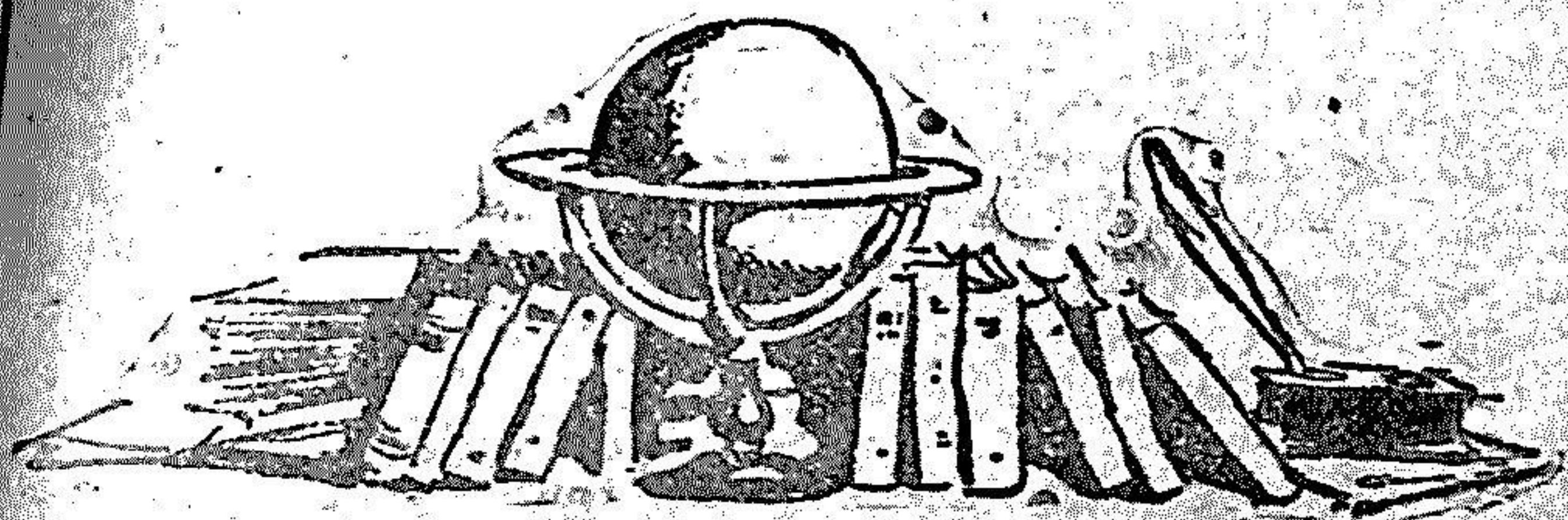
- Ai ? Cái gì ? của Vũ Hoàng Chương
- Tôi đã đánh mất một bản thảo quý nhất của Tô Hoài của Vũ Bằng.

Phê bình :

- Giới thiệu tác phẩm *O Chuột* của Tô Hoài của Vũ Ngọc Phan
- Nhận định giá trị tác phẩm *O Chuột* của Tô Hoài của Lê Huy Oanh
- Đọc Dế mèn phiêu lưu ký của Tô Hoài của Huỳnh Phan Anh.

Văn liệu :

- *O Chuột, Đôi di đá, Một cuộc bề dàu...* của Tô Hoài.
- *Truyện dài Xóm giếng ngày xưa* của Tô Hoài.



CHÂN TRỜI VĂN HỌC

**Tượng đồng Alexandre de Rhodes,
vị khai sáng chữ Quốc ngữ**

Người có công, rất nhiều trong nền Việt ngữ của dân tộc Việt Nam sau ba trăm năm năm xuống, hôm nay những người còn sống ghi lại chân dung người tại trung tâm Đặc Lộ, đường Yên Đỗ Sài Gòn.

Trung Tâm Đặc Lộ, là một nơi sinh hoạt tổng hợp của dòng Tên, từ một thư viện, đến cơ sở truyền hình giáo dục, đến toà soạn Phương Đông, cũng như nơi nội trú của nam sinh viên, và các hoạt động có tính cách văn hóa ở cấp đại học.

Tượng thực hiện bằng đồng, do điêu khắc gia họa sĩ Phạm Văn Hạng thực hiện.

Đề tưởng nhớ công nghiệp vĩ đại của một vị có công với nền Việt ngữ, và để kỷ niệm ngày đặt tượng và khánh thành tác phẩm này vào cuối năm nay.

Tượng cũng nên nhắc nhở vài nét về Linh Mục ALEXANDRE DE RHODES ông sinh ngày 15 tháng 3 năm 1593 tại AVIGNON, một trong những vị linh mục tiên khởi đến Việt Nam, ông thuộc dòng Tên thừa sai. Khi ở tại Việt Nam, ông và một số linh mục cũng như hàng phẩm trật trong triều đình, nghiên cứu một mẫu tự La tinh và từ đó phát nguồn ra chữ quốc ngữ ngày nay. Ông chết vào ngày 5 tháng 11 năm 1660 tại Ba Tư.

Điêu khắc gia Họa sĩ Phạm Văn Hạng cho biết, nổi khó khăn

khi thực hiện chân dung này ở những điểm, vì tài liệu cùng ảnh liệu không mấy rõ ràng, nên hầu hết tất cả những sách báo ở tất cả các thư viện chỉ duy nhất có một tấm hình mà mọi người thường gặp ngay trên con niêm có in. Nhưng lãnh vực Điều Khắc là có một lối bố cục tứ diện, nên ông phải khá vất vả khi thực hiện cũng như ông cố gắng tìm cho mình một bút pháp cá tính song song với lãnh vực hội họa của ông.

Tại xưởng của ông ở ngay trong Làng Báo chí Thủ Đức, chúng tôi còn thấy Tượng Đồng của Đức cha cùi Caissaigne, vị Giám mục sống chết với đồng bào cùi ở Di Linh. Tượng này sẽ đặt tại công viên Di Linh.

Theo ông, nếu không có gì thay đổi, ông sẽ tổ chức triển lãm Điều khắc trong năm này.

Nhà thơ Lưu Kỳ Linh tạ thế

Nhà thơ Lưu-Kỳ-Linh (có tên trong quyển Thi nhân V.N. của Hoài-Thanh, Hoài-Chân) đã tạ thế ở Sài Gòn ngày 4 tháng 2 năm 1974 sau mấy tháng mỗi một vì chứng bệnh già cả hưởng thọ 68 tuổi. Ông là anh ruột nhà thơ Lưu-Trọng-Lư; chính tên là Lưu-Trọng-Lai, quê ở vùng Kỳ-Sơn, Linh Giang, thời tiền chiến, ông thường có thơ đăng rải rác trên các báo Hà Nội tuần san, Tiểu thuyết Thứ Bảy, và tờ Thần kinh tạp chí ở Huế.

Cuối năm 1954, Lưu-Kỳ-Linh từ già Lưu-Trọng-Lư và một người con trai, đề di cư vào Nam, tìm đất sống tự do, nên trong đám tang, Á-Nam Trần-tuấn-Khải có câu đối khóc:

Đông phổ nhất hoàn nhân, bệnh năng cấp sàng, tang năng cấp nhất. cổ phục cao thâm thiên vông cực;

Bắc hà thiên viễn lý, đệ văn chi bi, nhi văn chi đồng, tình hoài thiên hám địa qua phân.

(Đông phổ một người nhân, đau yếu thuốc thang nhiều, tang ma lễ vật đủ, cổ phục cao sâu trời chẳng thấu; — Bắc hà muôn dặm ngoái, em út ngóng trông anh, cháu con thương nhớ bố, dư đồ buồn tủi đất chia đôi).

Và câu sau đây, của nhà văn Đông-Tùng:

Thiệt huyết h. nhân tiền, thảo yếm Chủ ngư ma yếm địa:

Hòa bình bằng khẩu thượng, thừa văn giá học Phật tiên hương.*

(Sắt máu trước mặt bày, ngán nỗi quỷ ma ớn Bến ghé : — Hòa bình đầu miệng múa, dong xe mây hạc viếng làng tiên).

Các bạn thi văn khác cũng làm nhiều thơ đối khóc, không kể hết được. Nhân đây, chúng tôi cũng xin có câu kính điệu hương hồn ông và đề chia buồn cùng tang quyến :

Tự do thở trong này, gào xãng đường nước ở trong này, sống rứa sao ông đi châu Phật ?

Em ruột còn ngồi nớ, vợ chồng con cả cũng ngoài nớ; nghe tin hân chúng khóc kêu trời !

Nhà văn Hoàng Ngọc Phách
và sử gia Trần văn Giáp

đã già từ «Thiên đường Cộng sản»

Một thân hữu của tập san Văn Học tại Ba Lê (Pháp) vừa ghi một bản tin về chôn cất trong tháng 11 - 73 tại Hà Nội đã có hai nhà văn lão thành và tên tuổi là cụ Hoàng Ngọc Phách và Trần văn Giáp kể từ trần hôm trước, người từ trần hôm sau.

Theo bản cao phó của gia quyến người quá cố đăng trong một tạp chí tại Hà Nội thì :

Cụ Hoàng ngọc Phách biệt hiệu là Song An, thọ 77 tuổi, đã từ trần hồi 18g15 phút ngày 24 - 11 - 1973 :

Cụ Hoàng ngọc Phách là một nhà văn, nhà nghiên cứu văn học, tác giả tiểu thuyết Tổ Tâm xuất bản năm 1925. Tác phẩm này đã được nhắc nhở đến nhiều trong báo chí thời tiền chiến vì nội dung là một câu chuyện tình éo le thương tâm. Ngoài truyện Tổ Tâm cụ Song An còn viết các tập *Thời thế và văn chương*, xuất bản năm 1941, tập *Đâu là chân lý*, xuất bản năm 1941 và tập *Những giai thoại làng văn*, do nhà Văn Học Hà Nội xuất bản năm 1941,

Những ngày sau này vì tuổi già sức yếu lại chế cái cảnh sống trong «Thiên đường Cộng Sản» nhà văn, nghệ sĩ không được tự do sáng tác theo ý muốn, nên cụ chán nản chẳng viết được tác phẩm nào thêm để đóng góp cho văn học sử nước nhà.

Cũng theo tin của thân hữu Văn Học gửi về ngày 24-11-75 cụ Song An Hoàng Ngọc Phách từ trần, thì ngày hôm sau cụ Trần văn Giáp cũng từ trần vì tuổi già sức yếu.

Theo bản cáo phó đăng báo tại Hà Nội thì cụ Trần văn Giáp tự là Thúc Ngọc, thọ 76 tuổi đã từ trần hồi 22 giờ 20 phút ngày 25-11-1973 tại Hà Nội. Và lễ an táng đã cử hành ngày 27-11-1973.

Cụ Trần văn Giáp là một nhà sử học và giáo sư tên tuổi trong giới văn học nước nhà từ tiền chiến đến hiện đại. Sự nghiệp của cụ Trần văn Giáp đã được giáo sư Nguyễn Trần Huân tóm tắt viết trong cuốn *Introduction à la Littérature Vietnamiennne* (trang 219) bằng Pháp ngữ như sau :

«Trần văn Giáp, né en 1902, fils du licencié. Trần văn Cân et beau-fils du gouverneur Đoàn Triên. Diplômé de l' Ecoles des Hautes Études de la Sorbonne et de l'Institut des Hautes Etudes chinoises de Paris. Il sort comme assistant à l'École Française d'Extrême-Orient. D'une très grande érudition, il a rédigé des études importantes sur le bouddhisme Vietnamien et sur l'histoire et la littérature actuelle l'un des savants les plus éminents de l'équipe des chercheurs de la République démocratique du Vietnam..

«Oeuvres : Les chapitres bibliographiques de Lê Quý Đôn et de Phan Huy Chú - Le Bouddhisme au Vietnam - Edition du Quốc âm thi tập de Nguyễn Trãi».

Thi sĩ Yevtushenko bị cảnh cáo

— Thi sĩ Yevgleny Yevtushenko nhà thơ từng ủng hộ nhà văn bị trục xuất Alexandes Solzhenitsyn, đã được thông báo là tránh các cuộc tranh luận ý thức hệ và hành động một cách có trách nhiệm hơn.

Phiên họp của Hiệp hội các nhà văn tại Mạc Tư Khoa tuần qua đã kêu gọi các văn sĩ trình bày sự thực tại nước Nga và sự đóng góp anh dũng của các công nhân, và đồng thời chỉ trích ông Yevtushenko.

Một bản tường trình của phiên họp do tuần báo văn học đăng tải cho biết ba nhà văn này đã nêu ra vấn đề nhân cách của thi sĩ Yevtushenko.

Khi văn sĩ Solzhenitsy bị trục xuất hồi tháng qua, thi sĩ Yevtushenko đã phản đối vụ này trong một điện tín gửi tới điện Cẩm AN HOÀNG NGỌC PHÁCH, NẠN NHÂN CỦA TỔ TÂM.

(1) Đọc Văn Học số 113, phát hành ngày 1-10-1970 chủ đề SONG

Linh. Kết quả là buổi hòa nhạc của ông đã bị bãi bỏ và ông Yevtushenko sau đó đã gửi một kháng thư dài 1.800 chữ tới các cơ quan báo chí Tây phương kêu gọi họ lưu ý nhiều hơn tới sinh hoạt chính thức tại Nga.

Tạp chí văn học Gazette xuất bản ngày 5-3-74 cho biết, ông S. Narovchatov, đề nghị bí thư Hiệp hội văn sĩ Nga đã tuyên bố trong phiên họp tuần qua là ông Yevtushenko đã không nhận thức đường lối đúng trong cuộc tranh đấu ý thức hệ.

Ông Yevtushenko đã được tấn thưởng qua các hành động của ông và việc này đã bị các giới trung lưu tại Tây phương lợi dụng để tuyên truyền.

Việc thi sĩ Yevtushenko cho phổ biến kháng thư của ông tại các nước Tây phương có thể đưa tới nhiều hình phạt nặng nề, mặc dù ông là một nhà thi được ưa chuộng trong chủ nghĩa xã hội Nga. Số, nhưng cho tới nay dường như ông mới chỉ bị bãi bỏ một buổi hòa nhạc.

Nhà văn Nekrasov bị mật vụ Nga buộc phải lên án văn sĩ Solzhenitsyn

Nhà văn Nga xô Viktor Nekrasov ngày 5-11-74 cho biết là nhân viên mật vụ Nga (KGB) đã mưu toan ép buộc ông lên án văn sĩ Alexander Solzhenitsyn và vật lý gia Andrei Sakharov, song ông từ chối.

Nekrasov cho biết các nhân viên mật vụ Nga xô, trong 42 tiếng đồng hồ lục soát phòng ông nội tháng Giêng vừa qua, cũng đã tịch thu bản thảo của một cuốn sách của ông viết về sự tàn sát của Đức Quốc Xã, với hàng chục ngàn người Do Thái tại Kiev hồi năm 1941.

Văn sĩ Nekrasov cũng cho biết mật vụ Nga còn thăm vấn ông và họ ám chỉ là các tác phẩm của ông có thể được xuất bản trở lại nếu ông hoa theo việc lên án nhà văn Solzhenitsyn và nhà vật lý Sakharov.

Nekhrasov đã nổi tiếng hồi năm 1946 qua tác phẩm tiểu thuyết "Trong những địa đạo ở Stalingrad" (In the Trenches of Stalingrad) căn cứ theo trận đánh hồi Đệ II thế chiến một trận đánh mà ông từng tham dự.

Sakharov phổ biến bản thảo về vụ nhà văn Solzhenitsyn

Nhà vật lý ly khai Nga, Andrei D. Sakharov ngày 20-3-74 đã phổ biến một bản thảo đánh máy dày 134 trang, trong đó ghi chép theo thứ tự thời gian về những diễn biến đưa đến việc bắt giữ và trục xuất nhà văn Alexander I. Solzhenitsyn.

Dưới nhan đề : 'Sống không phải bằng dối trá', tập bản thảo này ghi chép những sự kiện và vài đoạn trích trong tác phẩm 'Quần đảo Gulag' của văn hào Solzhenitsyn, cùng những lời lẽ và thư từ của những người chỉ trích cũng như ủng hộ nhà văn này. Hầu hết những tài liệu này đã được phổ biến trước đây.

Tập bản thảo này thuật lại những chuyện xảy ra từ thời gian tháng 8-1973, khi mặt vụ Nga lần đầu tiên tịch thu một tập của cuốn 'quần đảo Gulag', cho đến tháng hai, là lúc văn sĩ Solzhenitsyn bị trục xuất khỏi Nga.

Mục đích của tập bản thảo này là đề đoan chắc với nhà văn Solzhenitsyn là ông vẫn chưa bị quên lãng tại quê nhà.

Trong khi có một ít sự kiện mới được tiết lộ, bản thảo của nhà vật lý Sakharov đã tiêu biểu cho dư kiện lịch sử đầu tiên được người ta biết đến về những biến cố mà tác giả mô tả.

Bản thảo này được luân lưu như một tài liệu mật, Sakharov nói với các ký giả rằng ông chưa định xuất bản tập này tại Tây Phương.

P.VĨNH LỘC

Phê Ưu

Được tin buồn :

Ông **NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG**

Chủ nhiệm tạp chí **VĂN**

đã từ trần ngày 31-3-1974 tại Saigon, thọ 63 tuổi.

Chúng tôi thành tâm gửi lời phân ưu đến tang quyến, và cầu chúc anh hồn người quá cố hưởng phúc nơi tiên cảnh.

Tạp chí **VĂN HỌC**

và vợ chồng **PHAN KIM THỊNH**
